

HSK 2.0 STANDARD • LEVEL 4 VOCABULARY

TẬP 2 (2/2) • TỪ #305 – #608

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 4

Bản phát hành chuẩn in ấn A4 được chia nhỏ tiện lợi để dễ dàng tải về, học tập mọi lúc mọi nơi và in ấn đóng sổ tay cầm tay nhỏ gọn.

**TẬP 2: Gồm 304 Từ Vựng Chọn Lọc**

Thứ tự từ #305 đến #608 trên tổng số 608 từ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & tập viết chữ Hán

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=2.0&level=4> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 4

Danh từ

#305

母亲
mǔ qīn

mẹ, thân mẫu

母亲那温暖慈祥的目光与默默无闻的悉心关怀，始终是照亮我人生前行道路的明灯。

Mǔ qīn nà wēn nuǎn cí xiáng de mù guāng yú mò mò wú wén de xī xīn guān huái, shì zhōng shì zhào liàng wǒ rén shēng qián xíng dào lù de míng dēng.

Ánh mắt ấm áp hiền từ cùng sự quan tâm chăm chút âm thầm của mẹ luôn là ngọn hải đăng soi sáng mọi nẻo đường đời con tiến bước.

19 nét

HÁN VIỆT: MẪU THÂN

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đò Nổi Bật: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ TỪ LOẠI HSK 4 • TẬP 2

Tập này: 304 từ vựng

192

Danh từ

50

Động từ

34

Tính từ

0

Đại từ

6

Số & Lượng từ

22

Từ loại khác



HSK 4

Danh từ

#305

母亲

mǔ qīn

mẹ, thân mẫu

母亲那温暖慈祥的目光与默默无闻的悉心关怀，始终是照亮我人生前行道路的明灯。

Mǔ qīn nà wēn nuǎn cí xiáng de mù guāng yǔ mò mò wú wén de xī xīn guān huái, shì zhǒng shì zhào liàng wǒ rén shēng qián xíng dào lù de míng dēng.

Ánh mắt ấm áp hiền từ cùng sự quan tâm chăm chút âm thầm của mẹ luôn là ngọn hải đăng soi sáng mọi nẻo đường đời con tiến bước.

19 nét

HÁN VIỆT: MẪU THÂN

HSK 4

Danh từ

#306

目的

mù dì

mục đích

举办本次国际学术研讨会的核心目的，在于搭建跨学科青年学者交流互鉴的前沿对话平台。

Jǔ bàn běn cì guó jì xué shù yán tǎo huì de hé xīn mù dì, zài yú dǎ jiàn kuà xué kē qīng nián xué zhě jiāo liú hù jiàn de qián yán duì huà píng tái.

Mục đích cốt lõi của việc tổ chức hội thảo học thuật quốc tế lần này là nhằm kiến tạo diễn đàn đối thoại mũi nhọn để các học giả trẻ liên ngành giao lưu và học hỏi lẫn nhau.

21 nét

HÁN VIỆT: MỤC ĐÍCH

HSK 4

Danh từ

#307

耐心

nài xīn

kiên nhẫn, nhẫn nại

教导初学外语的幼童需要极大的爱心与耐心，循序渐进地引导他们感受语言的魅力。

Jiào dǎo chū xué wài yǔ de yòu tóng xū yào jí dà de ài xīn yǔ nài xīn, xún xù jiǎn jìn dì yǐn dǎo tā men gǎn shòu yǔ yán de mèi lì.

Dạy dỗ các em nhỏ mới bắt đầu học ngoại ngữ cần rất nhiều tình yêu thương và sự kiên nhẫn, từng bước từng bước dẫn dắt các em cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ.

20 nét

HÁN VIỆT: NẠI TÂM

HSK 4

Phó từ

#308

难道

nán dào

lẽ nào, chẳng lẽ

既然我们已经掌握了详实的实验数据与科学论据，难道还不足以证明该理论假说的正确性吗？

Jì rán wǒ men yǐ jīng zhǎng wò le xiáng shí de shí yàn shù jù yǔ kē xué lùn jù, nán dào hái bù zú yǐ zhèng míng gāi lǐ lùn jiǎ shuō de zhèng què xìng ma?

Một khi chúng ta đã nắm trong tay những số liệu thực nghiệm chuẩn xác và luận cứ khoa học vững chắc, lẽ nào lại chưa đủ để chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết lý thuyết này sao?

23 nét

HÁN VIỆT: NAN ĐẠO

HSK 4

Tính từ

#309

难受

nán shòu

khó chịu, đau buồn, bức bối

感冒发烧导致全身关节酸痛无力，躺在病床上感觉格外难受。

Gǎn mào fā shāo dǎo zhì quán shēn guān jié suān tòng wú lì, tǎng zài bìng chuáng shàng gǎn jué gé wài nán shòu.

Cơn cảm sốt khiến toàn thân đau nhức mỗi nử không còn chút sức lực, nằm trên giường bệnh cảm thấy vô cùng khó chịu và bức bối.

23 nét

HÁN VIỆT: NAN THỌ

HSK 4

Động từ

#310

内

nèi

bên trong, nội bộ, trong vòng

请在收到录取通知书之日起三日内，登录学校系统完成线上学籍确认。

Qǐng zài shōu dào lǚ qǔ tōng zhī zhī rì qǐ sān rì nèi, dēng lù xué xiào xì tǒng wán chéng xiàn shàng xué jí què rèn.

Xin vui lòng đăng nhập vào hệ thống của trường để hoàn tất xác nhận nhập học trực tuyến trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được giấy báo trúng tuyển.

10 nét

HÁN VIỆT: NỘI

HSK 4

Danh từ

#311

内容

nèi róng

nội dung

这部大型纪录片不仅画面构图极具美感，而且解说内容翔实丰富、引人入胜。

Zhè bù dà xíng jì lù piàn bù jìn huà miàn gòu tú jù měi gǎn, ér qiě jiě shuō nèi róng xiáng shí fēng fù, yǐn rén rù shēng.

Bộ phim tài liệu quy mô lớn này không chỉ có bố cục khung hình tuyệt mỹ mà nội dung thuyết minh cũng vô cùng phong phú, lôi cuốn người xem.

21 nét

HÁN VIỆT: NỘI DUNG

HSK 4

Danh từ

#312

能力

néng lì

năng lực, khả năng

在日新月异的数字化职场中，终身自主学习能力是决定一个人职业发展高度的核心竞争力。

Zài rì xīn yuè yì de shù zì huà zhǐ chǎng zhōng, zhōng shēn zì zhǔ xué xí néng lì shì jué dìng yí gè rén zhí yè fā zhǎn gāo dù de hé xīn jīng zhēng lì.

Trong môi trường làm việc số hóa biến chuyển từng ngày, năng lực tự học suốt đời là sức mạnh cạnh tranh cốt lõi quyết định tầm cao sự nghiệp của mỗi cá nhân.

18 nét

HÁN VIỆT: NĂNG LỰC

HSK 4

Danh từ

#313

年龄

nián líng

tuổi tác, tuổi đời

追求知识与追寻梦想从来不受年龄的限制，只要心怀热忱，任何时候出发都不算晚。

Zhuī qiú zhī shí yǔ zhuī xún mèng xiǎng xiāng cóng lái bù shòu nián líng de xiàn zhì, zhǐ yào xīn huái rè chén, rèn hé shí hòu chū fā dōu bù suàn wǎn.

Mưu cầu tri thức và theo đuổi ước mơ chưa bao giờ bị giới hạn bởi tuổi tác, chỉ cần trong lòng luôn ấp ủ bầu nhiệt huyết thì bắt đầu vào bất cứ lúc nào cũng không hề muộn màng.

23 nét

HÁN VIỆT: NIÊN LINH



HSK 4

Danh từ

#314

农村

nóng cūn

nông thôn, làng quê

随着美丽乡村振兴战略的深入推进，如今农村的生态人居环境与基础设施发生了巨大变化。

Suí zhe měi lì xiāng cūn zhèn xīng zhàn lüè de shēn rù tuī jìn, rú jīn nóng cūn de shēng tài rén jū huán jīng yǔ jī chǔ shè shī fǎ shèng le jù dà biàn huà.

Cùng với việc triển khai sâu rộng chiến lược xây dựng nông thôn mới tươi đẹp, ngày nay cảnh quan môi trường sống và cơ sở hạ tầng ở vùng nông thôn đã có những bước chuyển mình to lớn.

23 nét

HÁN VIẾT: NÔNG THÔN

HSK 4

Động từ

#315

弄

nòng

làm, nghịch, xoay xở

在动手组装这台精密仪器时一定要小心谨慎，千万别把关键零配件弄丢了。

Zài dòng shǒu zǔ zhuāng zhè tái jīng mì yī qì shí yí dīng yào xiǎo xīn jīn shèn, qiān wàn bié bǎ guān jiàn líng pèi jiàn nòng diū le.

Khi bắt tay vào lắp ráp chiếc máy chính xác này nhớ phải hết sức cẩn thận, tuyệt đối đừng làm mất các linh kiện quan trọng.

14 nét

HÁN VIẾT: LỘNG

HSK 4

Tính từ

#316

暖和

nuǎn huo

ấm áp, làm ấm

春回大地，微风吹拂，天气逐渐变得晴朗暖和起来。

Chūn huí dà dì, wēi fēng chuī fú, tiān qì zhú jiàn biàn dé qíng lǎng nuǎn huo qǐ lái.

Mùa xuân trở lại, gió nhẹ mát mẻ, thời tiết dần trở nên quang đãng và ấm áp hẳn lên.

21 nét

HÁN VIẾT: NOǺN HOǺ

HSK 4

Danh từ

#317

偶尔

ǒu ěr

thỉnh thoảng, đôi khi

虽然平日科研工作极其繁忙，但他偶尔也会抽出周末时光去郊外湖畔垂钓放松心情。

Suī rán píng rì kē yán gōng zuò jí qí fán máng, dàn tā ǒu ěr yě huì chōu chū zhōu mò shí guāng qù jiāo wài hú pàn chuí diào fàng sōng xīn qíng.

Dẫu ngày thường công tác nghiên cứu khoa học bận tới tận mắt mũi, nhưng thỉnh thoảng anh ấy vẫn bớt chút thời gian cuối tuần ra ven hồ ngoại ô câu cá thư giãn tâm hồn.

23 nét

HÁN VIẾT: NGẪU NHĨ

HSK 4

Danh từ

#318

排列

pái liè

sắp xếp, xếp hàng, bài trí

书架上整整齐齐地排列着古今中外各类名著典籍，方便师生随时按索书号查阅借阅。

Shū jiǎ shàng zhěng zhěng qí qí pái liè zhe gù jīn zhōng wài gè lèi míng zhù diǎn jí, fāng biàn shī shēng suí shí àn suǒ shū hào chá yuè jiè yuè.

Trên các giá sách được xếp đặt ngay ngắn thẳng hàng các tác phẩm kinh điển danh tiếng đông tây kim cổ, thuận tiện cho thầy trò tra cứu mượn đọc theo mã phân loại bất cứ lúc nào.

20 nét

HÁN VIẾT: BÀI LIỆT

HSK 4

Danh từ

#319

判断

pàn duàn

phán đoán, nhận định, đánh giá

在瞬息万变的金融投资市场中，凭借客观翔实的数据做出精准理性的趋势判断至关重要。

Zài shùn xī wàn biàn de jīn róng tóu zī shì chǎng zhōng, píng jiè kè guān xiáng shí de shù jù zuò chū jīng zhǔn lǐ xìng de qū shì pàn duàn zhì guān zhòng yào.

Trên thị trường đầu tư tài chính biến đổi trong từng chớp mắt, việc dựa vào số liệu khách quan chuẩn xác để đưa ra phán đoán xu hướng một cách lý tính là vô cùng quan trọng.

19 nét

HÁN VIẾT: PHÁN ĐOẠN

HSK 4

Động từ

#320

陪

péi

đi cùng

老师鼓励大家积极陪，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí péi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi cùng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIẾT: BỐI

HSK 4

Danh từ

#321

批评

pī píng

phê bình, chỉ trích

面对导师严肃认真的建设性学术批评，他虚心接受并对论文中的漏洞进行了全面修正。

Miàn duì dǎo shī yán sù rèn zhēn de jiàn shè xìng xué shù pī píng, tā xīn jiē shòu bìng duì lùn wén zhōng de lòu dòng jìn xíng le quán miàn xiū zhèng.

Đứng trước những lời phê bình học thuật nghiêm cần mang tính xây dựng của thầy hướng dẫn, bạn ấy đã khiêm tốn tiếp thu và chỉnh sửa toàn diện các lỗi hỏng trong bài luận.

21 nét

HÁN VIẾT: PHÊ BÌNH

HSK 4

Danh từ

#322

皮肤

pí fū

làn da, da

户外长时间暴露在强烈紫外线照射下，务必涂抹防晒霜以保护娇嫩的皮肤免受灼伤。

Hù wài zhǎng shí jiǎn bào lù zài qiáng liè zǐ wài xiǎn zhào shè xià, wù bì tǔ mǒ fáng shài shuāng yǐ bǎo hù jiǎo nèn de pí fū miǎn shòu zhúo shāng.

Khi hoạt động ngoài trời lâu dưới ánh nắng có tia cực tím gay gắt, nhất định phải bôi kem chống nắng để bảo vệ làn da mỏng manh tránh khỏi bị bỏng rát.

22 nét

HÁN VIẾT: BÌ PHỤ



HSK 4

Danh từ

#323

脾气

pí qì

tính khí, tính tình, cáu gắt

张教授平日待人随和温厚，但对待学术研究中的弄虚作假行为却极其严厉、从不留情面。

Zhāng jiào shòu píng rì dài rén suí hé wēn hòu, dàn dài wù xué shù yán jiū zhōng de nòng xǔ zuò jiǎ xíng wéi què jí qí yán lì, cóng bù liú qíng miàn.

Giáo sư Trương ngày thường tính tình hòa nhã ấm áp, nhưng đối với các hành vi gian dối trong nghiên cứu học thuật thì thấy lại vô cùng nghiêm khắc, tính khí cương trực không nể nang ai.

24 nét

HÁN VIỆT: TỠ KHÍ

HSK 4

Động từ

#324

篇

piān

chương

老师鼓励大家积极篇，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí piān, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chương, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: THIÊN

HSK 4

Động từ

#325

骗

piàn

nói dối

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地骗。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì piàn.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách nói dối một cách tốt hơn.

12 nét

HÁN VIỆT: PHIÊN

HSK 4

Danh từ

#326

乒乓球

pīng pāng qiú

bóng bàn

乒乓球被誉为中国的“国球”，在历届世界级重大体育赛事中屡创辉煌、蝉联桂冠。

Pīng pāng qiú bèi yù wéi zhōng guó de "guó qiú", zài lì jiè shì jì zhòng dà tǐ yù sài shì zhōng lǚ chuàng huī huáng, chán lián guān.

Bóng bàn được tôn vinh là 'quốc cầu' của Trung Quốc, liên tục gặt hái những kỳ tích huy hoàng và thống trị ngôi vương tại các đại hội thể thao tầm cỡ thế giới.

34 nét

HÁN VIỆT: BÌNH BÀN CẦU

HSK 4

Phó từ

#327

平时

píng shí

bình thường, ngày thường

平时多流汗，战时少流血；只有在日常高强度训练中精益求精，才能在关键时刻从容应对。

Píng shí duō liú hàn, zhàn shí shǎo liú xiě; zhǐ yǒu zài rì cháng gāo qiáng dù yān liàn zhōng jīng yì qiú jīng, cái néng zài guān jiàn shí kè cóng róng yìng duì.

Bình thường đổ nhiều mồ hôi thì lúc lâm trận bớt đổ máu; chỉ khi trong luyện tập thường nhật luôn cầu tiến rèn giũa thì khi thời khắc then chốt tới mới có thể vững vàng ứng phó.

23 nét

HÁN VIỆT: BÌNH THỜI

HSK 4

Danh từ

#328

瓶子

píng zi

cái chai, cái lọ, bình

请将喝完矿泉水后的空塑料瓶子投递到标有“可回收物”字样的蓝色分类垃圾桶中。

Qǐng jiāng hē wán kuàng quán shuǐ hòu de kōng sù liào píng zi tóu dì dào biāo yǒu "kě huí shōu wù" zì yàng de lán sè fēn lèi jī lǚ zhōng.

Xin vui lòng bỏ vỏ chai nhựa sau khi uống hết nước khoáng vào thùng rác phân loại màu xanh lam có ghi dòng chữ 'Rác tái chế'.

22 nét

HÁN VIỆT: BÌNH TỬ

HSK 4

Động từ

#329

破

pò

phá vỡ

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地破。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì pò.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách phá vỡ một cách tốt hơn.

8 nét

HÁN VIỆT: PHÁ

HSK 4

Danh từ

#330

普遍

pǔ biàn

phổ biến, phổ quát

随着低碳绿色出行理念深入人心，乘坐公共交通与骑共享单车已经成为公众普遍接受的生活方式。

Suí zhe dī tàn lǜ sè chū xíng lǐ niàn shēn rù rén xīn, chéng zuò gōng gòng jiāo tōng yǔ qí gòng xiāng chē dān chē yì jīng chéng wéi gōng zhòng pǔ biàn jiē shòu de shēng huó fāng shì.

Khi lối sống xanh giảm phát thải ăn sâu vào tiềm thức mọi người, việc đi phương tiện công cộng và đạp xe đạp công cộng đã trở thành thói quen phổ biến được đông đảo người dân đón nhận.

18 nét

HÁN VIỆT: PHỔ BIẾN

HSK 4

Danh từ

#331

其次

qí cì

thứ hai, tiếp theo, thứ yếu

学好一门外语首先要建立持久的兴趣，其次要掌握科学的记忆法则并持之以恒地实践。

Xué hǎo yī mén wài yǔ shǒu xiān yào jiàn lì chí jiǔ de xìng qù, qí cì yào zhǎng wò kē xué de jì yì fǎ zé bìng chí zhǐ yì héng dì shí jiàn.

Học giỏi một ngoại ngữ trước hết phải gây dựng được niềm say mê lâu bền, thứ đến là phải nắm vững phương pháp ghi nhớ khoa học và kiên trì thực hành bền bỉ.

23 nét

HÁN VIỆT: KỶ THỨ



HSK 4

Danh từ

#332

其中

qí zhōng

trong đó, trong số đó

本次国际青少年科创大赛共收到来自全球的数千件优秀作品，其中五十件入围了终极决赛。

Běn cì guó jì qīng shào nián kē chuàng dà sài gòng shōu dào lái zì quán qiú de shù qiān jiàn yōu xiù zuò pīn, qí zhōng wú shí jiàn rù wéi le zhōng jì jué sài.

Cuộc thi sáng tạo khoa học thanh thiếu niên quốc tế lần này đã nhận được hàng nghìn tác phẩm xuất sắc trên toàn cầu, trong số đó có 50 tác phẩm đã lọt vào vòng chung kết xếp hạng.

17 nét

HÁN VIỆT: KỶ TRUNG

HSK 4

Danh từ

#333

起飞

qǐ fēi

cất cánh

各位尊贵的旅客请系好安全带，我们乘坐的国际航班即将滑入跑道准备起飞。

Gè wèi zūn guì de lǚ kè qǐng jì hǎo ān quán dài, wǒ men chéng zuò de guó jì háng bān jí jiāng huá rù pǎo dào zhǔn bèi qǐ fēi.

Kính mời quý hành khách thắt chặt dây an toàn, chuyến bay quốc tế của chúng ta chuẩn bị lăn bánh vào đường băng để cất cánh.

24 nét

HÁN VIỆT: KHỞI PHI

HSK 4

Danh từ

#334

起来

qǐ lai

đứng dậy, trở dậy, bắt đầu (bổ ngữ)

清晨当第一缕金色的阳光洒满大地时，整座繁华的现代都市便迅速苏醒并忙碌了起来。

Qīng chén dāng dì yī lǚ jīn sè de yáng guāng sǎ mǎn dà dì shí, zhěng zuò fán huá de xiàn dài dà dū shì biàn xùn sù sǐ xǐng bìng máng lù le qǐ lai.

Sáng sớm khi vạt nắng mai vàng óng ả đầu tiên rơi chiếu khắp mặt đất, toàn bộ đại đô thị hiện đại sớm uất liên bừng tỉnh và bắt đầu nhịp sống hối hả nhộn nhịp.

22 nét

HÁN VIỆT: KHỞI LAI

HSK 4

Danh từ

#335

气候

qì hòu

khí hậu

昆明四季如春，气候温和湿润，因而享有举世闻名的“春城”美誉。

Kūn míng sì jì rú chūn, qì hòu wēn hé shī rùn, yīn ér xiāng yǒu jǔ shì wén míng de "chūn chéng" měi yù.

Côn Minh bốn mùa ấm áp như mùa xuân, khí hậu ôn hòa mát mẻ dễ chịu nên được xưng tụng danh xưng 'Thành phố Mùa Xuân' lừng danh thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÍ HẬU

HSK 4

Phó từ

#336

千万

qiān wàn

nhất thiết, tuyệt đối (khuyến can);
hàng chục triệu

在实验室配比易燃化学试剂时，千万要严格遵守防火防爆操作规程，切勿大意。

Zài shí yàn shì pèi bǐ yì rán huà xué shì jì shí, qiān wàn yào yán gé zūn shǒu fáng huǒ fáng bào cāo zuò guī chéng, qiè wù dà yì.

Khi pha chế các hóa chất dễ cháy nổ trong phòng thí nghiệm, nhất thiết phải tuyệt đối tuân thủ quy trình an toàn phòng chống cháy nổ, chớ nên lơ là bất cẩn.

20 nét

HÁN VIỆT: THIÊN MẶC

HSK 4

Danh từ

#337

签证

qiān zhèng

thị thực, visa

前往海外高校开展学术访问交流前，请务必提前准备齐全所需材料并办理好相应类别的入境签证。

Qián wǎng hǎi wài gāo xiào kāi zhǎn xué shù fǎng wèn jiāo liú qián, qǐng wù bì tí qián zhǔn bèi qí quán suǒ xū cái liào bìng bàn lǐ hǎo xiāng yīng lèi bié de rù jìng qiān zhèng.

Trước khi lên đường sang các trường đại học nước ngoài thực hiện chuyến thăm và giao lưu học thuật, bạn nhất định phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và hoàn tất thủ tục xin thị thực nhập cảnh đúng diện.

18 nét

HÁN VIỆT: THIÊM CHỨNG

HSK 4

Danh từ

#338

墙

qiáng

bức tường, tường

书房四周洁白的墙壁上挂满了古典水墨字画，营造出淡雅宁静的浓郁书香氛围。

Shū fáng sì zhōu jié bái de qiáng bì shàng guà mǎn le gù diǎn shuǐ mò zì huà, yíng zào chū dàn yǎ níng jìng de nóng yù shū xiāng fēn wéi.

Trên những bức tường trắng tinh khôi bao quanh thư phòng treo trang trọng các bức tranh thủy mặc và thư pháp cổ điển, tạo nên một không gian đậm chất học thuật thanh tao và tĩnh lặng.

9 nét

HÁN VIỆT: TƯỜNG

HSK 4

Động từ

#339

敲

qiāo

gõ, đánh, đập

进入他人办公室前请先轻轻敲门，得到允许后再进入，这是基本的商务礼仪。

Jìn rù tā rén bàn gōng shì qián qīng xiǎn qīng qīng qiāo mén, dé dào yǔn xǔ hòu zài jìn rù, zhè shì jī běn de shāng wù lǐ yì.

Trước khi bước vào phòng làm việc của người khác xin hãy gõ cửa nhẹ nhàng, sau khi được sự đồng ý mới bước vào, đây là phép lịch sự cơ bản nơi công sở.

8 nét

HÁN VIỆT: XAO

HSK 4

Động từ

#340

桥

qiáo

cầu

老师鼓励大家积极桥，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī qí qiáo, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cầu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: KIỂU



HSK 4

Danh từ

#341

巧克力

qiǎo kè lì

sô-cô-la (chocolate)

手工制作的黑巧克力微苦中透着浓郁丝滑的
可可香气，深受甜品品鉴爱好者的青睐。

Shǒu gōng zhì zuò de hēi qiǎo kè lì wēi kǔ zhōng
tòu zhe nóng yù sī huá de kè kè xiāng qì, shēn
shòu tián pín pín jiàn ài hào zhě de qīng lǎi.

Thanh sô-cô-la đen làm thủ công vị đắng
nhẹ hòa quyện cùng hương ca cao thơm
nồng béo ngậy mềm mượt như lụa, rất được
giới sành đồ ngọt ưa chuộng.

📖 25 nét

HÁN VIỆT XẢO KHẮC LỤC

HSK 4

Danh từ

#342

亲戚

qīn qī

họ hàng, người thân, thân quyến

每逢新春佳节，全家人都会走亲访友，与多
年未见的远方亲戚们欢聚一堂、共叙亲情。

Měi féng xīn chūn jiā jié, quán jiā rén dū huì zǒu
qīn fāng yǒu, yǔ duō niǎn wèi jiàn de yuǎn fāng
qīn qī men huān jù yì táng, gòng xù qīn qīng.

Mỗi dịp Tết đến Xuân về, cả nhà đều đi chúc
Tết bà con thân quyến, quây quần sum họp
cùng những người họ hàng phương xa lâu
ngày chưa gặp để chia sẻ tình thân ấm áp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT THÂN THÍCH

HSK 4

Tính từ

#343

轻

qīng

nhẹ, nhẹ nhàng, xem nhẹ

这台新型笔记本电脑采用了超碳纤维机身，
随身携带出差非常轻便。

Zhè tái xīn xíng bǐ jì běn diǎn nǎo cǎi yòng le
chāo qīng tàn xiān wéi jī shēn, suí shēn xié dài
chū chāi fēi cháng qīng biàn.

Chiếc máy tính xách tay thế hệ mới này sử
dụng vỏ sợi carbon siêu nhẹ, mang theo bên
người đi công tác vô cùng gọn nhẹ và tiện
lợi.

📖 10 nét

HÁN VIỆT KHINH

HSK 4

Tính từ

#344

轻松

qīng sōng

nhẹ nhõm, thư thái, dễ dàng

听完一场幽默诙谐的脱口秀表演，大家一周
以来的工作疲劳与紧绷压力瞬间得到了轻松
释放。

Tīng wán yí chǎng yōu mò huī xié de tuō kǒu xiù
biǎo yǎn, dà jiā yí zhōu yǐ lái de gōng zuò pí láo
yǔ jīn bēng yǎ lì shùn jiǎn dé dào le qīng sōng shì
fàng.

Sau khi thưởng thức một buổi biểu diễn hài
độc thoại dí dỏm hóm hỉnh, mọi mệt mỏi và
áp lực công việc dồn nén suốt cả tuần của
mọi người đã được giải tỏa một cách nhẹ
nhõm tức thì.

📖 24 nét

HÁN VIỆT KHINH TÙNG

HSK 4

Danh từ

#345

情况

qíng kuàng

tình hình, hoàn cảnh, tình huống

项目负责人正在会议上向上级领导详细汇报
近期工程攻关的最新进展情况与应对方案。

Xiàng mù fù zé rén zhèng zài huì yì shàng xiàng
shàng jí lǐng dǎo xiáng xì huì bào jìn qī gōng
chéng gōng guān de zuì xīn jìn zhǎn qíng kuàng
yǔ yìng duì fāng àn.

Người phụ trách dự án đang báo cáo chi tiết
với cấp trên trong cuộc họp về tình hình tiến
độ đột phá mới nhất của công trình cùng các
phương án ứng phó.

📖 17 nét

HÁN VIỆT TÌNH HUỐNG

HSK 4

Danh từ

#346

请假

qǐng jià

xin nghỉ phép, xin nghỉ

由于家里突发紧急事务需要返乡处理，他已
提前向部门主管递交了书面请假申请。

Yóu yú jiā lǐ tū fā jǐn jí shì wù xū yào fān xiāng
chǔ lǐ, tā yǐ tí qián xiàng bù mén zhǔ guǎn dì jiāo le
shū miàn qǐng jià shēn qǐng.

Do gia đình có việc đột xuất khẩn cấp cần về
quê giải quyết, anh ấy đã nộp đơn xin nghỉ
phép bằng văn bản từ trước cho trưởng bộ
phận.

📖 27 nét

HÁN VIỆT THÌNH GIẢ

HSK 4

Danh từ

#347

请客

qǐng kè

mời khách, khao, bao chầu

为了庆祝顺利通过硕士论文答辩，他特意在
周末做东请客邀请全组师兄师姐共进晚餐。

Wèi le qīng zhù shùn lì tōng guò shí shì wén
dá biàn, tā tè yì zài zhōu mò zuò dōng qǐng kè
yāo qīng quán zǔ shī xiōng shī jiě gòng jìn wǎn
cān.

Để ăn mừng việc bảo vệ thành công luận văn
thạc sĩ, cuối tuần này anh ấy đã đứng ra làm
chủ bữa tiệc khao toàn bộ các anh chị em
cùng nhóm nghiên cứu một bữa tối thịnh
s soạn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT THÌNH KHÁCH

HSK 4

Tính từ

#348

穷

qióng

nghèo nàn

在面对复杂的挑战时，保持穷的心态尤为重
要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí
qióng de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp,
giữ tâm thái nghèo nàn đặc biệt quan trọng.

📖 13 nét

HÁN VIỆT CÙNG

HSK 4

Danh từ

#349

区别

qū bié

sự khác biệt, phân biệt

深入剖析这两组近义词在语体色彩与适用语
境上的细微区别，是提升汉语精确表达的关键。

Shēn rù pōu xī zhè liǎng zǔ jìn yǔ cí zài yǔ tǐ sè cǎi
yǔ shì yòng yǔ jīng shàng de xì wēi qū bié, shì tí
shēng hàn yǔ jīng què biǎo dá de guān jiàn.

Phân tích chuyên sâu những nét khác biệt
tinh tế về sắc thái phong cách và ngữ cảnh
sử dụng của 2 nhóm từ đồng nghĩa này là
chìa khóa để nâng cao độ chuẩn xác khi diễn
đạt tiếng Trung.

📖 21 nét

HÁN VIỆT ÂU BIỆT



HSK 4

Động từ

#350

取

qǔ

lấy, nhận, rút (tiền)

凭取件码可以在社区智能快递柜全天候自助取件，十分便捷省心。

Píng qǔ jiàn mǎ kě yǐ zài shè qū zhì néng kuài dì guì quán tiān hòu zì zhù qǔ jiàn, shí fēn biàn jié shèng xīn.

Dựa vào mã lấy đồ bạn có thể tự lấy bưu phẩm tại tủ chuyển phát thông minh của khu dân cư bất cứ lúc nào suốt 24/7, vô cùng tiện lợi và yên tâm.

8 nét

HÁN VIỆT: THŨ

HSK 4

Danh từ

#351

全部

quán bù

toàn bộ, tất cả

经过全组工程师通力协作与连续奋战，系统升级换代所涉及的全部核心模块已顺利部署完毕。

Jīng guò quán zǔ gōng chéng shī tōng lì xié zuò yǔ lián xù fēn zhàn, xì tǒng shēng jí huàn dài suǒ shè jí de quán bù hé xīn mó kuài yǐ shùn lì bù shǔ wán bì.

Nhờ sự hiệp lực đồng lòng và nỗ lực chiến đấu liên tục của toàn bộ kỹ sư, toàn bộ các mô-đun cốt lõi liên quan đến đợt nâng cấp hệ thống đã được triển khai hoàn tất và trơn tru.

20 nét

HÁN VIỆT: TOÀN BỘ

HSK 4

Danh từ

#352

缺点

quē diǎn

khuyết điểm, nhược điểm

金无足赤人无完人，我们要学会正视自身的缺点与短板，并在实践中不断加以改正与完善。

Jīn wú zú chì rén wú wán rén, wǒ men yào xué huì zhèng shì zì shēn de quē diǎn yǔ duǎn bǎn, bìng zài shí jiàn zhōng bù duàn jiā yǐ gǎi zhèng yǔ wán shàn.

Nhân vô thập toàn, vàng không thuần khiết; chúng ta cần học cách dũng cảm nhìn thẳng vào những khuyết điểm hạn chế của bản thân để không ngừng sửa đổi và hoàn thiện mình qua thực tiễn.

25 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾT ĐIỂM

HSK 4

Danh từ

#353

缺少

quē shǎo

thiếu thốn, thiếu hụt

在偏远干旱地区，水资源的严重缺少对当地工农业生产与生态环境构成了巨大制约。

Zài piān yuǎn gān hàn dì qū, shuǐ zī yuán de yán zhòng quē shǎo duì dāng dì gōng nóng yè shēng chǎn yǔ shēng tài huán jīng gòu chéng le jù dà zhì yuē.

Tại những vùng đất khô cằn hẻo lánh, sự thiếu thốn nghiêm trọng về nguồn nước đã trở thành rào cản to lớn đối với sản xuất nông công nghiệp và môi trường sinh thái địa phương.

22 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾT THIỂU

HSK 4

Liên từ

#354

却

què

lại, nhưng lại (biểu thị sự chuyển ý)

虽然山高路远、风雪交加，边防战士们保卫祖国安宁的坚强意志却从未动摇半分。

Suī rán shān gāo lù yuǎn, fēng xuě jiāo jiā, biān fáng zhàn shì men bǎo wèi zǔ guó ān níng de jiǎn qiáng yì zhì què cóng wèi dòng yáo bàn fēn.

Tuy núi cao đường xa gió tuyết bão vậy mịt mù, nhưng ý chí sắt đá bảo vệ bình yên cho Tổ quốc của những người lính biên cương lại chưa từng lung lay dù chỉ nửa bước.

8 nét

HÁN VIỆT: KHƯỚC

HSK 4

Danh từ

#355

确实

què shí

thực sự, quả thực, xác thực

经过权威科研机构的多轮严格对照实验论证，该新型环保材料确实具有优异的阻燃与隔热性能。

Jīng guò quán wēi kē yán jī gòu de duō lún yán gé duì zhào shí yán lùn zhèng, gāi xīn xíng huán bǎo cái liào què shí jù yōu yǔ yì de zǔ rán yǔ gé rè xíng néng.

Sau nhiều đợt thử nghiệm đối chứng nghiêm ngặt tại các cơ quan nghiên cứu uy tín, loại vật liệu bảo vệ môi trường thế hệ mới này quả thực sở hữu tính năng chống cháy và cách nhiệt siêu việt.

22 nét

HÁN VIỆT: XÁC THỰC

HSK 4

Lượng từ

#356

群

qún

đàn, bầy, nhóm, tốp [lượng từ]

在清澈见底的高原湖泊水面上，一群群优雅的天鹅正迎着晨光自由自在地嬉戏翱翔。

Zài qīng chè jiàn dǐ de gāo yuán hú pō shuǐ miàn shàng, yí qún qún yōu yǎ de tiān é zhèng yíng zhe chén guāng zì yóu zì zài dì xī xì áo xiáng.

Trên mặt nước trong vắt nhìn thấu tận đáy của hồ nước vùng cao nguyên, từng đàn thiên nga thanh tao duyên dáng đang đón ánh bình minh thong dong bơi lội và sải cánh chao liệng tự do.

8 nét

HÁN VIỆT: QUẦN

HSK 4

Liên từ

#357

然而

rán ér

Tuy nhiên

掌握好“然而”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “rán ér” de yòng fǎ, néng ràng zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “然而” (Tuy nhiên) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

24 nét

HÁN VIỆT: NHIÊN NHI

HSK 4

Tính từ

#358

热闹

rè nao

náo nhiệt, tấp nập, nhộn nhịp

每逢元宵佳节，古镇老街上张灯结彩、游人如织，一派欢腾热闹的喜庆景象。

Měi féng yuán xiāo jiǎ jié, gǔ zhèn lǎo jiē shàng zhāng dēng jié cǎi, yóu rén rú zhī, yí pài huān téng rè nao de xī qīng jǐng xiàng.

Mỗi dịp Tết Nguyên tiêu, khắp phố cổ giăng đèn kết hoa, du khách tấp nập nườm nượp, tạo nên khung cảnh lễ hội tưng bừng náo nhiệt.

27 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT NÁO



HSK 4

Danh từ

#359

人民币

rén mín bì

Đồng Nhân dân tệ (RMB)

随着国际经贸结算体系的多元化发展，跨境贸易中使用人民币结算的比重正在稳步攀升。

Suí zhe guó jì jīng mào jié suàn tǐ xì de duō yuán huà fā zhǎn, kuà jìng mào yì zhōng shǐ yòng rén mín bì jié suàn de bǐ zhòng zhèng zài wěn bù pān shēng.

Cùng với sự phát triển đa dạng hóa của hệ thống thanh toán kinh tế thương mại quốc tế, tỷ trọng sử dụng đồng Nhân dân tệ trong thanh toán thương mại xuyên biên giới đang tăng trưởng ổn định.

32 nét

HÁN VIỆT: NHÂN DÂN TỆ

HSK 4

Danh từ

#360

任何

rèn hé

bất kỳ, bất cứ

在追求科学真理的道路上，我们不应抱有任何侥幸心理，唯有脚踏实地才能求得真知。

Zài zhuī qiú kē xué zhēn lǐ de dào lù shàng, wǒ men bù yīng bào yǒu rèn hé jiǎo xīn xī lǐ, wéi yǒu jiǎo tà shí dì cái néng qiú dé zhēn zhī.

Trên con đường kiếm tìm chân lý khoa học, chúng ta không được phép mang bất kỳ tâm lý cầu may nào, chỉ có làm việc thực tế vững vàng mới tìm ra tri thức đích thực.

21 nét

HÁN VIỆT: NHÂM HÀ

HSK 4

Danh từ

#361

任务

rèn wu

nhệm vụ, công tác

全体搜救队员临危受命，克服恶劣暴雨天气，圆满完成了抗洪抢险救援的紧急任务。

Quán tǐ sōu jiù duì yuán lín wēi shòu mìng, kè fú è liè bào yǔ tiān qì, yuán mǎn wán chéng le kàng hóng qiǎng xiǎn jiù yuán de jǐn jí rèn wu.

Toàn thể đội viên cứu hộ nhận lệnh giữa lúc gian nguy, vượt qua thời tiết mưa bão khắc nghiệt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khẩn cấp chống lũ cứu nạn.

25 nét

HÁN VIỆT: NHÂM VỤ

HSK 4

Động từ

#362

扔

rēng

ném, vứt, quăng

保护环境人人有责，请将各类垃圾准确分类后投入垃圾桶，切勿随手乱扔。

Bǎo hù gōng gòng huán jīng rén rén yǒu zé, qīng jiāng gè lèi lā jī zhǔn què fēn lèi hòu tóu rù lā jī tǒng, qiè wù suí shǒu luàn rēng.

Bảo vệ môi trường chung là trách nhiệm của mọi người, hãy phân loại rác cẩn thận và bỏ vào thùng rác, tuyệt đối không vứt rác bừa bãi.

8 nét

HÁN VIỆT: NHƯNG

HSK 4

Danh từ

#363

仍然

réng rán

vẫn, vẫn cứ, vẫn còn

尽管已经年过八旬，这位德高望重的老科学家仍然坚持每天在实验室指导青年科研人员。

Jǐn guǎn yǐ jīng nián guò bā xún, zhè wèi dé gāo wàng zhòng de lǎo kē xué jiǎ réng rán jiān chí měi tiān zài shí yàn shì zhǐ dǎo qīng nián kē yán rén yuán.

Dẫu nay đã ngoài 80 tuổi, nhà khoa học lão thành đức cao vọng trọng này vẫn kiên trì mỗi ngày tới phòng thí nghiệm tận tình chỉ dẫn cho các nhà nghiên cứu trẻ.

24 nét

HÁN VIỆT: NHƯNG NHIÊN

HSK 4

Danh từ

#364

日记

rì jì

nhật ký

坚持每天在睡前写一篇反思日记，记录一天的收获与感悟，是提升自我认知的好习惯。

Jiān chí měi tiān zài shuì qián xiě yī piān fǎn sī rì jì, jì lù yī tiān de shōu huò yǔ gǎn wù, shì tí shēng zì wǒ rèn zhī de hào xí guān.

Kiên trì mỗi tối trước khi đi ngủ viết một trang nhật ký chiêm nghiệm, ghi lại những thu hoạch và cảm nhận trong ngày là một thói quen tốt để nâng cao nhận thức bản thân.

23 nét

HÁN VIỆT: NHẬT KÝ

HSK 4

Danh từ

#365

入口

rù kǒu

lối vào, cửa vào, ngõ vào

大型国际会展中心东侧的主入口处设置了高效智能的人脸识别与安检快速通道。

Dà xíng guó jì hùì zhǎn zhōng xīn dōng cè de zhǔ rù kǒu chù shè zhì le gāo xiǎo zhì néng de rén liǎn shí bié yǔ ān jiǎn kuài sù tōng dào.

Tại cửa vào chính ở phía đông Trung tâm Triển lãm Quốc tế quy mô lớn đã lắp đặt làn kiểm tra an ninh và nhận diện khuôn mặt thông minh tốc độ cao.

27 nét

HÁN VIỆT: NHẬP KHẨU

HSK 4

Tính từ

#366

软

ruǎn

mềm mại

在面对复杂的挑战时，保持软的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí ruǎn de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái mềm mại đặc biệt quan trọng.

12 nét

HÁN VIỆT: NHUỖN

HSK 4

Động từ

#367

散步

sàn bù

đi dạo, tản bộ

晚饭后陪着父母在小区花园的小道上悠闲散步，是一天中最温馨放松的时光。

Wǎn fàn hòu péi zhe fù mǔ zài xiǎo qū huā yuán de xiǎo dào shàng yōu xián sǎn bù, shì yī tiān zhōng zuì wēn xīn fàng sōng de shí guāng.

Sau bữa cơm tối cùng bố mẹ thong dong đi dạo trên con đường nhỏ trong hoa viên khu chung cư là khoảng thời gian ấm áp và thư thái nhất trong ngày.

26 nét

HÁN VIỆT: TẢN BỘ



HSK 4

Danh từ

#368

森林

sēn lín

rừng, rừng rậm

广袤苍翠的热带原始森林被誉为“地球之肺”，对维系全球水循环与气候稳定至关重要。

Guǎng mào cāng cuì de rè dài yuán shǐ sēn lín bèi yù wéi "dì qiú zhī fèi", duì wéi xì quán qiú shuǐ xún huán yǔ qì hòu wēn dìng zhì guān zhòng yào.

Khu rừng nguyên sinh nhiệt đới xanh bạt ngàn được mệnh danh là 'lá phổi xanh của Trái Đất', giữ vai trò tối quan trọng đối với việc duy trì vòng tuần hoàn nước và ổn định khí hậu toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT: SÂM LÂM

HSK 4

Danh từ

#369

沙发

shā fā

ghế sofa, ghế đệm

下班回到温馨舒适的家中，整个人惬意地窝在柔软宽大的真皮沙发里听音乐，非常解乏。

Xià bān huí dào wēn xīn shū shì de jiā zhōng, zhěng gè rén qiè yì de wō zài róu ruǎn kuān dà de zhēn pí shā fā lǐ tīng yīn yuè, fēi cháng jiě fá.

Tan sở trở về mái ấm ngọt ngào tiện nghi, toàn thân khoan khoái lọt thỏm trong chiếc ghế sofa da bò êm ái rộng rãi nghe nhạc, mọi mệt mỏi đều tan biến hết.

22 nét

HÁN VIỆT: SA PHÁT

HSK 4

Danh từ

#370

商量

shāng liang

bàn bạc, thương lượng, trao đổi

遇到重大家庭决策时，夫妻双方应当坦诚相待、共同商量，切忌独断专行。

Yù dào zhòng dà jiā tíng jué cè shí, fū qī shuāng fāng yīng dāng tǎn chéng xiāng dài, gòng tóng shāng liang, qì jì dú duàn zhuān xíng.

Khi đứng trước các quyết định trọng đại của gia đình, vợ chồng nên thẳng thắn trao đổi, cùng nhau bàn bạc thấu đáo, tránh việc tự ý quyết định một mình.

23 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG LƯỢNG

HSK 4

Tính từ

#371

伤心

shāng xīn

đau lòng, buồn bã, đau khổ

看到悉心照料多年的宠物犬因病离世，小男孩伤心难过地失声痛哭起来。

Kàn dào xī xīn zhào liào duō nián de chǒng wù quǎn yīn bìng lí shì, xiǎo nán hái shāng xīn nán guò dí shí shēng tòng kū qǐ lái.

Chứng kiến chú cún cưng gần bó chằm sóc nhiều năm không qua khỏi vì bạo bệnh, cậu bé đã đau lòng òa khóc nức nở.

19 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG TÂM

HSK 4

Danh từ

#372

稍微

shāo wēi

hơi, một chút, đôi chút

这杯手冲咖啡的口感稍微偏酸一点儿，但后调却带有极其浓郁迷人的花果香气。

Zhè bēi shǒu chōng kāfēi de kǒu gǎn shāo wēi piān suān yí diǎn ér, dàn hòu tiáo què dài yǒu jí qí nóng yù mí rén de huā guǒ xiāng qì.

Hương vị của tách cà phê pha thủ công này hơi thiên chua một chút, nhưng dư vị hậu vị lại tỏa ra hương hoa quả ngào ngọt cực kỳ quyến rũ.

21 nét

HÁN VIỆT: SAO VI

HSK 4

Danh từ

#373

社会

shè huì

xã hội

当代青年应当主动走出象牙塔，积极投身社会志愿服务与实践调研，增长才干。

Dāng dài qīng nián yīng dāng zhǔ dòng zǒu chū xiàng yá tǎ, jī jí tīn shēn shè huì zhì yuàn fú wù yǔ shí jiàn diào yán, zēng zhǎng cái gǎn.

Thế hệ trẻ ngày nay nên chủ động bước ra khỏi tháp ngà học thuật, tích cực dẫn thân vào các hoạt động tình nguyện xã hội và khảo sát thực tế để trau dồi bản lĩnh.

22 nét

HÁN VIỆT: XÃ HỘI

HSK 4

Tính từ

#374

深

shēn

sâu, sâu sắc, sâu đậm

他对中国古代哲学典籍有着极其深厚的研究造诣，见解独到精辟，令人由衷叹服。

Tā duì zhōng guó gù dài zhé xué diǎn jí yǒu zhē jī qí shēn hòu de yán jiū zào yì, jiàn jiě dù dào jīng pì, lìng rén yóu zhōng tàn fú.

Anh ấy có trình độ nghiên cứu vô cùng uyên thâm và sâu sắc về các thư tịch triết học cổ đại Trung Quốc, kiến giải độc đáo sắc sảo khiến người nghe thần phục từ đáy lòng.

13 nét

HÁN VIỆT: THÂM

HSK 4

Danh từ

#375

申请

shēn qǐng

xin, nộp đơn xin, đề nghị

符合条件的青年创业团队可以在市民政务服务网上平台一键申请无息创业扶持贷款。

Fú hé tiáo jiàn de qīng nián chuàng yè tuán duì kě yǐ zài shí mǐn zhèng wù wǎng shàng píng tái yí jiàn shēn qǐng wú xī chuàng yè fú chí dài kuǎn.

Các nhóm khởi nghiệp thanh niên đáp ứng đủ tiêu chuẩn có thể đăng ký nộp hồ sơ xin vay vốn hỗ trợ khởi nghiệp không lãi suất chỉ với một cú nhấp chuột trên cổng dịch vụ công thành phố.

22 nét

HÁN VIỆT: THÂN THỈNH

HSK 4

Liên từ

#376

甚至

shèn zhì

thậm chí, ngay cả

由于平时工作过于专注投入，他常常忘记下班时间，甚至连午饭都顾不上吃。

Yóu yú píng shí gōng zuò guò yú zhuān zhù tóu rù, tā cháng cháng wàng jì xià bān shí jiān, shèn zhì lián wǔ fàn dōu gù bù shàng chī.

Do ngày thường làm việc quá đỗi tập trung và say mê, anh ấy thường quên cả giờ tan sở, thậm chí đến bữa cơm trưa cũng chẳng màng ăn.

23 nét

HÁN VIỆT: THẬM CHÍ



HSK 4

Danh từ

#377

生活

shēng huó

cuộc sống, sinh hoạt, sinh sống

热爱生活的人总能在平淡琐碎的日常烟火气中，发现诗意的美好与无限的乐趣。

Rè ài shēng huó de rén zǒng néng zài píng dàn suǒ suì de rì cháng yān huǒ qì zhōng, fā xiàn shī yì de měi hǎo yǔ wú xiàn de lè qù.

Người biết yêu cuộc sống luôn có thể tìm thấy vẻ đẹp thi vị cùng niềm vui bất tận ngay trong chính những điều bình dị, đời thường nơi phố thị.

23 nét

HÁN VIỆT: SINH HOẠT

HSK 4

Danh từ

#378

生命

shēng mìng

sinh mệnh, sự sống, mạng sống

生命只有一次，珍爱生命、注重安全健康是享受一切幸福美好人生的首要前提。

Shēng mìng zhǐ yǒu yí cì, zhēn ài shēng mìng, zhù zhòng ān quán jiàn kāng shì xiǎng shòu yí qiè xìng fú měi hǎo rén shēng de shǒu yào qián tí.

Sinh mệnh mỗi người chỉ có một, biết trân quý sự sống và chú trọng an toàn sức khỏe chính là tiền đề tiên quyết để tận hưởng một cuộc đời hạnh phúc tốt đẹp.

24 nét

HÁN VIỆT: SINH MỆNH

HSK 4

Động từ

#379

省

shěng

tỉnh (đơn vị hành chính); tiết kiệm, lược bớt

云南省自然资源极其丰富，拥有令人心驰神往的秀美风光与独特的多元民族风情。

Yún nán shěng zì rán zī yuán jí qí fēng fù, yǒng yǒu líng rén xīn chí shén wǎng de xiù měi fēng guāng yǔ dú tè de duō yuán mín zú fēng qíng.

Tỉnh Vân Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú, sở hữu cảnh sắc tươi đẹp say đắm lòng người cùng nét đặc sắc văn hóa đa dân tộc.

9 nét

HÁN VIỆT: TỈNH

HSK 4

Động từ

#380

剩

shèng

trái

老师鼓励大家积极剩，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shèng, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực trái, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: THẶNG

HSK 4

Danh từ

#381

失败

shī bài

thất bại

俗话说“失败乃成功之母”，在科研探索中每一次失败都是通往真理的宝贵台阶。

Sú huà shuō "shī bài nǎi chéng gōng zhī mǔ", zài kē yán tàn suǒ zhōng měi yí cì shī bài dōu shì tōng wǎng zhēn lǐ de bǎo guì tái jiē.

Tục ngữ có câu 'Thất bại là mẹ thành công', trong hành trình nghiên cứu khoa học mỗi một lần vấp ngã đều là bậc thang quý giá dẫn tới chân lý đích thực.

28 nét

HÁN VIỆT: THẤT BẠI

HSK 4

Danh từ

#382

失望

shī wàng

thất vọng

尽管这次面试未能如愿入选，但他并未感到气馁失望，而是认真总结经验继续前行。

Jìn guǎn zhè cì miàn shì wèi néng rú yuàn rù xuǎn, dàn tā bìng wèi gǎn dào qì nǎi shī wàng, ér shì rèn zhēn zǒng jié jīng yàn jì xù qián xíng.

Dẫu buổi phỏng vấn lần này chưa được trúng tuyển như ý muốn, nhưng bạn ấy không hề nản lòng hay thất vọng mà nghiêm túc rút kinh nghiệm để vững bước tiến lên.

27 nét

HÁN VIỆT: THẤT VỌNG

HSK 4

Danh từ

#383

师傅

shī fu

thầy, thợ cả, sư phụ

这位经验丰富的老师傅带徒弟极其耐心细致，将一辈子积累的精湛工匠精神倾囊相授。

Zhè wèi jīng yàn fēng fù de lǎo shī fu dài tú dì jí qí nài xīn xì zhì, jiāng yí bèi zǐ jī lěi de jīng zhàn gōng jīng jiàng shòu yì qīng náng xiāng shòu.

Bác thợ cả giàu kinh nghiệm này dạy dỗ học trò vô cùng kiên nhẫn tỉ mỉ, dốc hết tâm huyết truyền thụ toàn bộ tay nghề thủ công bậc thầy tích lũy cả một đời.

27 nét

HÁN VIỆT: SƯ PHÓ

HSK 4

Danh từ

#384

湿润

shī rùn

ẩm ướt, ẩm dịu, ẩm mượt

海滨城市空气清新湿润、气候宜人，非常适合休闲度假与养生疗养。

Hǎi bīn chéng shì kōng qì qīng xīn shī rùn, qì hòu yí rén, fēi cháng shì hé xiū xián dù jiǎ yǔ yǎng shēng liáo yǎng.

Không khí ở các thành phố ven biển luôn trong lành ẩm dịu và khí hậu ôn hòa dễ chịu, rất thích hợp cho việc nghỉ ngơi dưỡng và an dưỡng bồi bổ sức khỏe.

16 nét

HÁN VIỆT: THẤP NHUẬN

HSK 4

Danh từ

#385

狮子

shī zi

sư tử

非洲大草原上的成年雄狮身姿矫健、威风凛凛，享有无可争议的“百兽之王”美誉。

Fēi zhōu dà cǎo yuán shàng de chéng nián xióng shī shēn zī jiǎo jiàn, wēi fēng lǐn lǐn, xiǎng yǒu wú kě zhēng yì de "bǎi shòu zhī wáng" měi yù.

Những chú sư tử đực trưởng thành trên thảo nguyên châu Phi với vóc dáng dũng mãnh và khí thế oai phong lẫm liệt, xứng danh là 'chúa sơn lâm' không ai có thể tranh cãi.

20 nét

HÁN VIỆT: SƯ TỬ



HSK 4

Số từ

#386

十分

shí fēn

vô cùng, rất, hết sức, mười phần

得知我国青年科研团队在量子精密测量领域取得重大突破的消息，大家感到十分振奋与自豪。

Dé zhī wǒ guó qīng nián kē yán tuán duì zài zài liàng zǐ jīng mì cè liáng líng yù qū dé zhòng dà tǔ pò de xiāo xī, dà jiā gǎn dào shí fēn zhèn fèn yǔ zì háo.

Nhận được tin đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ của nước nhà đạt bước đột phá trọng đại trong lĩnh vực đo lường lượng tử chính xác, ai nấy đều cảm thấy vô cùng phấn chấn và tự hào.

26 nét

HÁN VIỆT: THẬP PHẦN

HSK 4

Danh từ

#387

实际

shí jì

thực tế, thực tiễn

在制定企业经营战略时切忌脱离市场实际，必须脚踏实地根据客户真实需求开展产品创新。

Zài zhì dīng qí yè jīng yíng zhàn lüè shí qiè jì tuō lí shì chǎng shí jì, bì xū jiǎo tà shí dì gēn jù kè hù zhēn shí xū qiú kāi zhǎn chǎn pǐn chuàng xīn.

Khi hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp tuyệt đối chớ nên xa rời thực tế thị trường, nhất thiết phải bám sát nhu cầu thực tế của khách hàng để sáng tạo sản phẩm.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẾ

HSK 4

Tính từ

#388

实在

shí zài

thật thà, thực tế, quả thực

这位老匠人为人朴实实在，做工极其精细，深得街坊邻里的一致好评。

Zhè wèi lǎo jiàng rén wéi rén pǔ shí shí zài, zuò gōng jí qí jīng xì, shēn dé jiē fāng lín lǐ de yí zhì hào píng.

Người thợ thủ công già này tính tình chất phác thật thà, tay nghề làm đồ cực kỳ tỉ mỉ, được bà con lối xóm hết lời khen ngợi.

23 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẠI

HSK 4

Danh từ

#389

食品

shí pǐn

thực phẩm, đồ ăn

食品安全重于泰山，监管部门必须严把原材料采购与生产加工的每一道质量关卡。

Shí pǐn ān quán zhòng yú tài shān, jiān guǎn bù mén bì xū yán bǎ yuán cái cǎi gòu yǔ shēng chǎn jiǎ gōng de měi yī dào zhì liàng guān qiǎ.

An toàn vệ sinh thực phẩm quan trọng tựa núi Thái Sơn, các cơ quan thanh tra kiểm soát phải siết chặt từng khâu chất lượng từ thu mua nguyên liệu đến chế biến sản xuất.

25 nét

HÁN VIỆT: THỰC PHẨM

HSK 4

Danh từ

#390

使用

shǐ yòng

sử dụng, dùng

正确规范地使用各类实验室高端精密仪器，不仅能确保实验精度，还能有效延长设备使用寿命。

Zhèng què guī fàn dì shǐ yòng gè lèi shí yàn shì gāo duān jīng mì yí qì, bù jǐn néng què bǎo shí yàn jīng dù, hái néng yǒu xiào yǎng cháng shè bèi shǐ yòng shòu mìng.

Sử dụng đúng quy chuẩn các loại thiết bị chính xác cao cấp trong phòng thí nghiệm không chỉ đảm bảo độ chuẩn xác của thực nghiệm mà còn kéo dài tuổi thọ vận hành của máy móc.

22 nét

HÁN VIỆT: SỬ DỤNG

HSK 4

Động từ

#391

试

shì

thử, thử nghiệm, thi cử

遇到新思路不要犹豫不决，勇敢去试一试，往往能在实践中找到最佳答案。

Yù dào xīn sī lù bù yào yóu yù bù jué, yǒng gǎn qù shì yí shì, wǎng wǎng néng zài shí jiàn zhōng zhǎo dào zuì jiā dá àn.

Khi có ý tưởng mới đừng chần chừ do dự, hãy dũng cảm thử nghiệm xem sao, trong thực tiễn thường sẽ tìm ra câu trả lời thỏa đáng nhất.

14 nét

HÁN VIỆT: THÍ

HSK 4

Danh từ

#392

市场

shì chǎng

thị trường, chợ

随着新能源汽车产业的蓬勃发展，海外新兴市场对高品质电动车的需求正在迎来爆发式增长。

Suí zhe xīn néng yuán qì chē chǎn yè de péng bó fā zhǎn, hǎi wài xīn xīng shì chǎng duì gāo pǐn zhì diàn dòng chē de xū qiú zhèng zài yíng lái bào fā shì zhǎng.

Cùng với sự phát triển bùng nổ của ngành công nghiệp xe năng lượng mới, nhu cầu của các thị trường mới nổi ở nước ngoài đối với xe điện chất lượng cao đang đón nhận đà tăng trưởng bất phá.

16 nét

HÁN VIỆT: THỊ TRƯỜNG

HSK 4

Danh từ

#393

世纪

shí jì

thế kỷ

回顾过去一个世纪的人类文明进程，科学技术与生产力的飞跃创造了前所未有的繁荣奇迹。

Huí gù guò qù yí gè shí jì de rén lèi wén míng jìn chéng, kē xué jì shù yǔ shēng chǎn lì de fēi yuè chuàng zào le qián suǒ wéi yǒu de fán róng qí jì.

Nhìn lại tiến trình văn minh nhân loại trong suốt một thế kỷ qua, bước nhảy vọt của khoa học công nghệ và sức sản xuất đã kiến tạo nên những kỳ tích phồn vinh chưa từng có.

23 nét

HÁN VIỆT: THẾ KỶ

HSK 4

Động từ

#394

适合

shì hé

thích hợp, phù hợp

找到最适合自己的学习方法与节奏，能够让知识的吸收与运用事半功倍。

Zhǎo dào zuì shì hé zì jǐ de xué xí fāng fǎ yǔ jié zòu, néng gòu ràng zhī shí de xī shōu yǔ yùn yòng shì bàn gōng bèi.

Tìm được phương pháp và nhịp độ học tập phù hợp nhất với bản thân sẽ giúp việc tiếp thu và vận dụng kiến thức đạt hiệu quả gấp đôi mà tốn ít công sức.

21 nét

HÁN VIỆT: QUÁT CÁP



HSK 4

Động từ

#395

适应

shì yìng

thích nghi, thích ứng

来到全新的工作环境后，他迅速调整状态，很快便适应了团队的高效协作节奏。

Lái dào quán xīn de gōng zuò huán jīng hòu, tā xùn sù tiáo zhěng zhuàng tài, hěn kuài biàn shì yìng le tuán duì de gāo xiào xié zuò jié zòu.

Sau khi đến môi trường làm việc mới, anh ấy đã nhanh chóng điều chỉnh tâm thế và bắt nhịp thích nghi rất nhanh với guồng quay làm việc hiệu quả của nhóm.

26 nét

HÁN VIỆT: QUÁT ỨNG

HSK 4

Động từ

#396

收

shōu

nhận được

老师鼓励大家积极收，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shōu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhận được, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: THU

HSK 4

Danh từ

#397

收入

shōu rù

thu nhập

通过持续优化产业结构与扶持特色农业，当地农户的人均年可支配收入实现了稳步翻番。

Tōng guò chí xù yōu huà chǎn yè jié gòu yǔ fú chí tè sè nóng yè, dāng dì nóng hù de rén jūn nián kě支配收入实现了稳步翻番。

Thông qua việc liên tục tối ưu hóa cơ cấu ngành nghề và hỗ trợ nông nghiệp đặc sản, thu nhập khả dụng bình quân đầu người hàng năm của các hộ nông dân địa phương đã tăng gấp đôi một cách vững chắc.

24 nét

HÁN VIỆT: THU NHẬP

HSK 4

Danh từ

#398

收拾

shōu shí

thu dọn, dọn dẹp, chỉnh lý

周末全家人齐心协力把书房和阳台收拾得井井有条、一尘不染，居住心情格外舒畅。

Zhōu mò quán jiā rén qí xīn xié lì bǎ shū fáng hé yáng tái shōu shí dé jīng jīng yǒu tiáo, yí chén bù rǎn, jū zhù xīn qíng gé wài shū chàng.

Cuối tuần cả nhà chung tay thu dọn phòng đọc sách và ban công ngăn nắp gọn gàng sạch bóng không một hạt bụi, cảm giác sống trong nhà khoan khoái dễ chịu vô cùng.

21 nét

HÁN VIỆT: THU THIỆP

HSK 4

Danh từ

#399

首都

shǒu dū

thủ đô

北京作为中华人民共和国的首都，不仅是全国的政治中心，更是底蕴深厚的历史文化名城。

Běi jīng zuò wéi zhōng huá rén mín gòng hé guó de shǒu dū, bù jīn shì quán guó de zhèng zhì zhōng xīn, gèng shì dǐ yùn shēn hòu de lì shǐ wén huà míng chéng.

Bắc Kinh với tư cách là thủ đô của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, không chỉ là trung tâm chính trị của cả nước mà còn là danh thành lịch sử văn hóa có bề dày sâu sắc.

25 nét

HÁN VIỆT: THỦ ĐÔ

HSK 4

Danh từ

#400

首先

shǒu xiān

trước tiên, đầu tiên

解决复杂的工程技术难题，首先要精准定位核心瓶颈所在，然后再有的放矢地开展攻坚。

Jiě jué fù zá de gōng chéng jì shù nán tí, shǒu xiān yào jīng zhǔn dìng wèi hé xīn píng jīng suǒ zài, rán hòu zài yǒu de fàng shǐ dì kāi zhǎn gōng jiān.

Để giải quyết các bài toán kỹ thuật công trình phức tạp, trước tiên cần phải định vị chuẩn xác điểm nghẽn cốt lõi nằm ở đâu, sau đó mới tập trung dốc lực tháo gỡ từng bước.

26 nét

HÁN VIỆT: THỦ TIÊN

HSK 4

Danh từ

#401

受不了

shòu bù liǎo

không chịu nổi, không thể chịu được

炎炎盛夏如果室内没有通风设备和空调降温，那种闷热潮湿的气候实在让人感到受不了。

Yán yán shèng xià rú guǒ shì nèi méi yǒu tōng fēng shè bèi hé kōng tiáo jiàng wēn, nà zhǒng mēn rè cháo shī de qì hòu shí zài ràng rén gǎn shòu bù liǎo.

Giữa trưa hè oi ả nếu trong phòng không có quạt thông gió và điều hòa làm mát, cái cảm giác nực nóng ẩm thấp ấy thực sự khiến người ta không thể nào chịu nổi.

33 nét

HÁN VIỆT: THỌ BẤT LIỂU

HSK 4

Danh từ

#402

受到

shòu dào

nhận được, chịu (tác động)

由于在国际青年公益环保行动中表现优异，这位大学生志愿者受到了联合国教科文组织的嘉奖。

Yóu yú zài guó jì qīng nián gōng yì huán bǎo xíng dòng zhōng biǎo xiàn yōu yì, zhè wèi dà xué shēng zhì yuàn zhě shòu dào le lián hé guó jiào wén组组织的嘉奖。

Nhờ có thành tích xuất sắc trong các chiến dịch bảo vệ môi trường vì cộng đồng của thanh niên quốc tế, bạn sinh viên tình nguyện này đã vinh dự nhận được bằng khen từ UNESCO.

22 nét

HÁN VIỆT: THỌ ĐÁO

HSK 4

Danh từ

#403

售货员

shòu huò yuán

nhân viên bán hàng, thu ngân

商场专柜那位热情的售货员不仅专业知识丰富，而且始终面带微笑、服务十分周到。

Shāng chǎng zhuān guì nà wèi rè qíng de shòu huò yuán bù jīn zhuān yè zhī shì fēng fù, ér qiě shǐ zhōng miàn dài wēi xiào, fú wù shí fēn zhōu dào.

Người nhân viên bán hàng niềm nở tại quầy hàng trong trung tâm thương mại không chỉ am hiểu chuyên môn sâu mà lúc nào cũng nở nụ cười trên môi, phục vụ khách hàng vô cùng chu đáo.

30 nét

HÁN VIỆT: THỌ HOÁ VIÊN



HSK 4

Động từ

#404

输

shū

thua

老师鼓励大家积极输，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shū, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thua, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: THÊU

HSK 4

Danh từ

#405

熟悉

shú xī

quen thuộc, am hiểu

作为在老城区生活了三十多年的老居民，他对这里的大街小巷与历史掌故熟悉得如数家珍。

Zuò wéi zài lǎo chéng qū shēng huó le sān shí duō nián de lǎo jū mín, tā duì zhè lǐ de dà jiē xiǎo xiàng yǔ lì shǐ zhāng gù shú xī dé rú shù jiā zhēn.

Là một cư dân lâu năm sống ở khu phố cổ hơn 30 năm, ông thuộc lòng từng ngõ ngách đường phố cùng những câu chuyện lịch sử nơi đây như lòng bàn tay.

21 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẤT

HSK 4

Danh từ

#406

数量

shù liàng

số lượng

在追求学术论文发表数量的同时，我们更应将研究质量与原创性成果放在第一位。

Zài zhuī qiú xué shù lùn wén fā biǎo shù liàng de tóng shí, wǒ men gèng yào jiāng yán jiū zhì liàng yǔ yuán chuàng xīng chéng guǒ fàng zài dì yī wèi.

Song song với việc chú trọng số lượng bài báo khoa học công bố, chúng ta càng cần phải đặt chất lượng nghiên cứu và tính sáng tạo đột phá lên vị trí hàng đầu.

24 nét

HÁN VIỆT: SỐ LƯỢNG

HSK 4

Danh từ

#407

数字

shù zì

con số, chữ số, kỹ thuật số

这些翔实精准的统计数字背后，凝结着全组科研人员夜以继日、求真务实的辛勤汗水。

Zhè xiē xiáng shí jīng zhǔn de tǒng jì shù zì bèi hòu, níng jié zhe quán zǔ kē yán yuán yè yǐ jì rì, qiú zhēn wú shí de xīn qín hàn shuǐ.

Đằng sau những con số thống kê chuẩn xác và chi tiết này là kết tinh bao giọt mồ hôi công sức miệt mài ngày đêm và tinh thần làm việc thực tế của toàn thể cán bộ nghiên cứu.

24 nét

HÁN VIỆT: SỐ TỰ

HSK 4

Tính từ

#408

帅

shuài

đẹp trai

在面对复杂的挑战时，保持帅的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí shuài de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đẹp trai đặc biệt quan trọng.

11 nét

HÁN VIỆT: SOÀI

HSK 4

Phó từ

#409

顺便

shùn biàn

Nhân tiện

掌握好“顺便”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo "shùn biàn" de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “顺便” (Nhân tiện) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

21 nét

HÁN VIỆT: THUẬN TIỆN

HSK 4

Danh từ

#410

顺利

shùn lì

suôn sẻ, thuận lợi, trôi chảy

在各部门的高效协作与严密保障下，本次大型国际峰会开幕式与主论坛议程圆满顺利举行。

Zài gè bù mén de gāo xiào xié zuò yǔ yán mì bǎo zhàng xià, běn cì dà xíng guó jì fēng huì kāi mù shì yǔ zhǔ lùn tán yán yì chéng yuán mǎn shùn lì jǔ xíng.

Dưới sự phối hợp nhịp nhàng và bảo đảm an ninh nghiêm ngặt của các bộ ban ngành, lễ khai mạc và các phiên nghị sự chính của Hội nghị thượng đỉnh quốc tế đã diễn ra với cùng suôn sẻ và tốt đẹp.

23 nét

HÁN VIỆT: THUẬN LỢI

HSK 4

Động từ

#411

顺序

shùn xù

thứ tự, tuần tự, trật tự

在组装复杂的机械设备时，必须严格按照操作手册规定的先后顺序逐步安装。

Zài zǔ zhuāng fù zá de jī xié shè bèi shí, bì xū yán gé àn zhào cāo zuò shǒu cè guī dìng de xiān hòu shùn xù zhú bù ān zhuāng.

Khi lắp ráp các thiết bị cơ khí phức tạp, nhất định phải tuân thủ nghiêm ngặt thứ tự trước sau quy định trong sổ tay hướng dẫn để lắp từng bước.

19 nét

HÁN VIỆT: THUẬN TỰ

HSK 4

Danh từ

#412

说明

shuō míng

thuyết minh, giải thích, chứng minh

这份详尽的实验检测报告有力地说明了该新型高分子材料具有极其优良的耐高温性能。

Zhè fèn xiáng jìn de shí yàn jiǎn cè bào gào yǒu lì dì shuō míng le gāi xīn xíng gāo fēn zǐ cái liào jù yǒu jí qí yōu liáng de nài gāo wēn xīng néng.

Bản báo cáo kiểm định thực nghiệm chi tiết này đã chứng minh một cách thuyết phục rằng loại vật liệu polyme mới này sở hữu tính năng chịu nhiệt độ cao vô cùng vượt trội.

20 nét

HÁN VIỆT: THUYẾT MINH



HSK 4

Danh từ

#413

硕士

shuò shì

thạc sĩ

完成硕士研究生学业以后，他毅然决定继续在人工智能大模型领域攻读博士学位。

Wán chéng shuò shì yán jiū shēng xué yè yǐ hòu, tā yì rán jué dìng jì xù zài rén gōng zhì néng dà mó xíng lǐng yù gōng dú bó shì xué wèi.

Sau khi hoàn thành chương trình thạc sĩ nghiên cứu sinh, anh ấy đã quyết định tiếp tục theo học bậc tiến sĩ chuyên sâu về lĩnh vực mô hình lớn trí tuệ nhân tạo.

27 nét

HÁN VIỆT: THẠC SĨ

HSK 4

Động từ

#414

死

sǐ

chết; cứng nhắc, khăng khăng; cực kỳ

读书要融会贯通、灵活运用，切不可死记硬背而不知变通。

Dú shū yào róng huì guān tōng, líng huó yùn yòng, qiè bù kě sǐ jì yìng bèi ér bù zhī biàn tōng.

Học sách phải biết liên hệ thấu suốt và vận dụng linh hoạt, tuyệt đối không nên học vẹt máy móc rập khuôn mà không biết biến hóa theo thực tế.

13 nét

HÁN VIỆT: TỬ

HSK 4

Danh từ

#415

速度

sù dù

tốc độ, vận tốc

京沪高铁复兴号动车组以每小时三百五十公里的运营速度飞驰，展现了中国高铁领跑世界的速度与实力。

Jīng hù gāo tiě fù xīng hào dòng chē zǔ yǐ měi xiǎo shí sān bǎi wǔ shí gōng lǐ de yùn yíng sù dù fēi chí, zhǎn xiǎn le zhōng guó gāo tiě lǐng pǎo shì jiè de sù dù yǔ shí lì.

Đoàn tàu cao tốc Fuxing trên tuyến đường sắt Bắc Kinh - Thượng Hải lao đi vun vút với vận tốc vận hành 350 km/h, thể hiện tốc độ và thực lực dẫn đầu thế giới của đường sắt cao tốc Trung Quốc.

24 nét

HÁN VIỆT: TỐC ĐỘ

HSK 4

Danh từ

#416

塑料袋

sù liào dài

túi ni-lông, túi nhựa

为了践行绿色低碳环保生活，前往超市购物时请自觉自备可重复使用的环保布袋，尽量减少使用一次性塑料袋。

Wèi le jiàn xíng lǜ sè dī tàn huán bǎo shēng huó, qián wǎng chāo shì gòu wù shí qīng zì jué zì bèi kě chóng fù shǐ yòng de huán bǎo bù dài, jìn liàng jiǎn shǎo shǐ yòng yí cì xīng sù liào dài.

Nhằm thực hành lối sống xanh giảm phát thải, khi đi siêu thị mua sắm bạn hãy tự giác mang theo túi vải thân thiện với môi trường có thể tái sử dụng, hạn chế tối đa dùng túi ni-lông dùng một lần.

35 nét

HÁN VIỆT: TỐ LIỆU ĐẠI

HSK 4

Tính từ

#417

酸

suān

Axit

在面对复杂的挑战时，保持酸的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí suān de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Axit đặc biệt quan trọng.

8 nét

HÁN VIỆT: TOAN

HSK 4

Động từ

#418

算

suàn

tính toán, coi như

这道高难度的高等数学题目需要运用微积分公式进行多步严密推算才能得出精确结果。

Zhè dào gāo nán dù de dēng děng shù xué tí mù xū yào yùn yòng wēi fēn gōng shì jìn xíng duō bù yán mì tuī suàn cái néng dé chū jīng què jié guǒ.

Bài toán toán cao cấp độ khó cao này cần vận dụng công thức vi tích phân để tính toán nhiều bước chặt chẽ mới ra được kết quả chính xác.

14 nét

HÁN VIỆT: TOÁN

HSK 4

Danh từ

#419

随便

suí biàn

tùy tiện, tự nhiên, tùy ý

做客时主人热情地招待大家吃水果点心，并笑着说：“大家千万别客气拘束，请随便享用。”

Zuò kè shí zhǔ rén rè qíng de zhāo dài dà jiā chī shuǐ guǒ diǎn xīn, bìng xiào zhe shuō: "Dà jiā qiān wàn bié kè qì jū shù, qǐng suí biàn xiǎng yòng."

Khi đến chơi nhà, chủ nhà niềm nở mời mọi người dùng hoa quả bánh kẹo và mỉm cười bảo: 'Mọi người đừng khách sáo quá gượng gạo nhé, cứ tự nhiên thưởng thức ạ.'

20 nét

HÁN VIỆT: TÙY TIỆN

HSK 4

Giới từ

#420

随着

suí zhe

cùng với, đi cùng với, theo sự phát triển

随着人工智能技术的飞速演进，人机协同工作正在成为未来职场的主流新常态。

Suí zhe rén gōng zhì néng jì shù de fēi sù yǎn jìn, rén jī xié tóng gōng zuò zhèng zài chéng wéi wèi lái zhǎng chǎng de zhǔ liú xīn cháng tài.

Cùng với sự phát triển tiến hóa như vũ bão của công nghệ trí tuệ nhân tạo, sự phối hợp làm việc giữa con người và máy móc đang trở thành trạng thái bình thường mới chủ đạo nơi công sở tương lai.

18 nét

HÁN VIỆT: TÙY TRƯỚC

HSK 4

Danh từ

#421

孙子

sūn zi

cháu trai (cháu nội)

老两口退休后在乡间小院弄花种菜，闲暇时含饴弄孙，享受着孙子绕膝的天伦之乐。

Lǎo liǎng kǒu tuì xiū hòu zài xiāng jiān xiǎo yuàn nòng huā zhòng cài, xián xiá shí hán yí nòng sūn, xiāng shòu zhe sūn zǐ rào xī de tiān lún lè zhī.

Hai cụ sau khi nghỉ hưu về căn nhà nhỏ nơi thôn quê trồng hoa tía rau, những lúc rảnh rỗi bồng bế cháu nhỏ, tận hưởng niềm hạnh phúc sum vầy cháu con quây quần.

24 nét

HÁN VIỆT: TÔN TỬ



HSK 4

Danh từ

#422

所有

suǒ yǒu

tất cả, toàn bộ, sở hữu

经过全体抢险救援人员连续三昼夜的奋力搜救，所有被困群众均已安全脱险并妥善安置。

Jīng guò quán tǐ qiǎng xiǎn jiù yuán rén yuán lián xù sān zhòu yè de fèn lì sōu jiù, suǒ yǒu bèi kùn qún zhòng jūn yǐ ān quán tuō xiǎn bìng tuǒ shàn ān zhì.

Sau 3 ngày 3 đêm nỗ lực tìm kiếm cứu nạn liên tục của toàn thể lực lượng cứu hộ, tất cả bà con bị mắc kẹt đều đã thoát hiểm an toàn và được bố trí nơi ở chu đáo.

18 nét

HÁN VIỆT: SỞ HỮU

HSK 4

Động từ

#423

抬

tái

nâng lên, khiêng, nâng

大家齐心协力一起将沉重的实验操作台平稳抬进了新装修好的实验室。

Dà jiā qí xīn xié lì yì qǐ jiāng chén zhòng de shí yàn cāo zuò tái píng wěn tái jìn le xīn zhuāng xiū hǎo de shí yàn shì.

Mọi người chung tay cùng nhau khiêng chiếc bàn thí nghiệm nặng nề đặt ngay ngắn vào phòng thí nghiệm mới hoàn thiện.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐÀI

HSK 4

Lượng từ

#424

台

tái

chiếc, cỗ, đài (lượng từ cho máy tính, bàn; bậc, sân khấu)

这台由我国自主研发设计的高性能超导量子计算原型机，运算速度打破了多项世界纪录。

Zhè tái yóu wǒ guó zì zhǔ yán fā shè jì de gāo xìng néng chāo dǎo liàng zǐ jì suàn yuán xíng jī, yùn suàn sù dù dǎ pò le duō xiàng shì jiè jì lù.

Chiếc máy tính nguyên mẫu lượng tử siêu dẫn hiệu năng cao do nước ta tự chủ nghiên cứu thiết kế này đã phá vỡ nhiều kỷ lục thế giới về tốc độ tính toán.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐÀI

HSK 4

Danh từ

#425

态度

tài du

thái độ, quan điểm

面对复杂严峻的未知挑战，保持从容自信的心态与求真务实的工作态度至关重要。

Miàn duì fù zá yǎn jùn de wèi zhī tiǎo zhàn, bǎo chí cóng róng zì xìn de xīn tài yǔ qiú zhēn wú shí de gōng zuò tài dù dù zhì guān zhòng yào.

Đứng trước những thử thách bất định phức tạp và khốc liệt, việc giữ vững tâm thế tự tin ung dung cùng thái độ làm việc thực tế, cầu thị là vô cùng quan trọng.

19 nét

HÁN VIỆT: THÁI ĐỘ

HSK 4

Động từ

#426

谈

tán

nói chuyện, đàm phán, trao đổi

双方代表在极其友好融洽的氛围中，就深化未来产业投资合作深入谈了两个多小时。

Shuāng fāng dài biǎo zài jí qí yǒu hào róng qià de fēn wéi zhōng, jiù shēn huà wèi lái chǎn yè tóu zī hé zuò shēn rù tán le liǎng gè duō xiǎo shí.

Đại diện hai bên trong bầu không khí vô cùng thân thiện và hòa nhã đã trao đổi đàm phán sâu suốt hơn 2 tiếng đồng hồ về việc đẩy mạnh hợp tác đầu tư công nghiệp trong tương lai.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐÀM

HSK 4

Động từ

#427

弹

tán

đánh đàn, gảy đàn, bật, búng

她坐在三角钢琴前轻抚琴键，优雅地弹奏出一曲清澈如泉水的优美旋律。

Tā zuò zài sān jiǎo gāng qín qián qīng fǔ qín jiàn, yōu yǎ de tán zǒu chū yī qǔ qīng chè rú quán shuǐ de yōu měi xuǎn lǜ.

Cô ngồi trước cây đàn đại dương cầm nhẹ lướt trên phím đàn, tấu lên một giai điệu du dương trong trẻo tựa dòng suối mát lành.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐÀN

HSK 4

Động từ

#428

汤

tāng

Súp

老师鼓励大家积极汤，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tāng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Súp, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: THANG

HSK 4

Động từ

#429

躺

tǎng

nằm xuống

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地躺。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de tāng.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách nằm xuống một cách tốt hơn.

13 nét

HÁN VIỆT: THẰNG

HSK 4

Lượng từ

#430

趟

tàng

chuyến, lượt [lượng từ hành trình]

为了实地采集第一手珍贵古生物化石样本，科考团队冒着严寒特意专程赶赴极地考察了一趟。

Wèi le shí dì cái jí dì yī shǒu zhēn guì gǔ shēng wù huà shí yàng běn, kē kǎo tuán duì mào zhe yán hán tè yì zhēn chéng gǎn fù jì dì kǎo chá le yī tàng.

Để thu thập trực tiếp mẫu hóa thạch cổ sinh vật học quý giá tại thực địa, đoàn thám hiểm khoa học đã bất chấp giá rét lên lợi đến tận vùng cực một chuyến.

10 nét

HÁN VIỆT: THẰNG



HSK 4

Danh từ

#431

讨论

tǎo lùn

thảo luận, bàn bạc

各位专家学者在圆桌闭门会议上就下一代前沿大语言模型架构展开了极其深入热烈的专题讨论。

Gè wèi zhuān jiā xué zhě zhē zài yuán zhuō bì mén huì shàng jiù xià yí dài qián yán dà yǔ yán mó xíng jià gòu zhān kāi le jí qí shēn rù rè liè de zhuān tí tǎo lùn.

Các chuyên gia học giả tại cuộc họp bàn tròn kín đã có những buổi thảo luận chuyên đề vô cùng sâu sắc và sôi nổi về kiến trúc mô hình ngôn ngữ lớn thế hệ tiếp theo.

19 nét

HÁN VIỆT: THẢO LUẬN

HSK 4

Động từ

#432

讨厌

tǎo yàn

ghét

老师鼓励大家积极讨厌，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tǎo yàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ghét, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: THẢO YẾM

HSK 4

Danh từ

#433

特点

tè diǎn

đặc điểm, nét đặc trưng

这款新型轻量化智能穿戴设备的最大显著特点在于超长续航与全天候精准健康体征监测。

Zhè kuǎn xīn xíng qīng liàng huà zhì néng chuān dài shè bèi de zuì dà xiǎn zhù tè diǎn zài yú chāo cháng xù háng yǔ quán tiān hòu jīng zhǔn jiàn kāng tǐ zhēng jiān cè.

Đặc điểm nổi bật nhất của thiết bị đeo thông minh mỏng nhẹ thế hệ mới này nằm ở thời lượng pin siêu khủng cùng khả năng giám sát chỉ số sức khỏe chuẩn xác 24/7.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC ĐIỂM

HSK 4

Danh từ

#434

提供

tí gòng

cung cấp, mang lại, hỗ trợ

本次创新创业孵化器平台将为入驻的青年科技初创团队提供全方位的免租办公场地与天使投资对接。

Běn cì chuāng yǐn huà qī chuāng yè fū huà qì píng tái jiāng wèi rù zhù de qīng nián kē jì chū chuāng tuán duì tí gòng quán fāng wèi de miǎn zū bàn gōng chǎng dì yǔ tiān shǐ tóu zī duì jiē.

Nền tảng vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lần này sẽ cung cấp không gian làm việc miễn phí tiền thuê cùng cơ hội kết nối vốn đầu tư thiên thần toàn diện cho các nhóm công nghệ trẻ.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ CUNG

HSK 4

Danh từ

#435

提前

tí qián

trước thời hạn, làm sớm hơn

为了确保大型国际峰会开幕式万无一失，全体技术保障与礼宾接待人员提前两小时就位准备完毕。

Wèi le què bǎo dà xíng guó jì fēng huì kāi mù wú shī wàn wú yí shī, quán tǐ jì shù bǎo zhàng yǔ lǐ bīn jiē dài rén yuán tí qián liǎng xiǎo shí biàn jù wèi zhǔn bèi wán bì.

Nhằm bảo đảm lễ khai mạc Hội nghị thượng đỉnh quốc tế diễn ra suôn sẻ không một sai sót, toàn bộ nhân viên kỹ thuật và lễ tân đã có mặt chuẩn bị sẵn sàng từ trước 2 tiếng.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ TIẾN

HSK 4

Danh từ

#436

提醒

tí xǐng

nhắc nhở, lưu ý

乘务长通过广播温馨提醒各位乘客，下机前请仔细检查个人随身贵重物品以防遗失。

Chéng wù zhǎng tōng guò guǎng bō wēn xīn tí xǐng gè wèi chéng kè, xià jī qián qǐng zì xì jiǎn chá gè rén suí shēn guì zhòng wù pǐn yǐ fáng yí luò.

Tiếp viên trưởng qua hệ thống phát thanh đã ân cần nhắc nhở quý hành khách hãy kiểm tra kỹ đồ đạc tự trang quý giá trước khi rời máy bay để tránh bỏ quên.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ TỈNH

HSK 4

Động từ

#437

填空

tián kòng

điền vào chỗ trống

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地填空。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de tián kòng.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách điền vào chỗ trống một cách tốt hơn.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀN KHÔNG

HSK 4

Động từ

#438

条件

tiáo jiàn

điều kiện, tiêu chuẩn

这所现代化的重点中学不仅教学硬件设施一流，师资力量与住宿生活条件也十分优越。

Zhè suǒ xiàn dài huà de zhòng diǎn zhōng xué bù jǐn jiào xué yǐng jiàn shè shī yì liú, shī zī lì liàng yǔ zhǔ sù shēng huó tiáo jiàn yě shí fēn yōu yuè.

Trường trung học trọng điểm hiện đại này không chỉ có cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học hạng nhất mà đội ngũ giáo viên và điều kiện ăn ở sinh hoạt cũng vô cùng tiện nghi.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU KIỆN

HSK 4

Danh từ

#439

停止

tíng zhǐ

dừng lại, đình chỉ, ngưng

在探索未知科学边界与追求卓越人生的漫长道路上，我们永远不要停止向前迈进的勇敢步伐。

Zài tàn suǒ wèi zhī kē xué biān jiè yǔ zhuī qiú qióng zhuó yuè rén shēng de màn cháng dào lù shàng, wǒ men yǒng yuǎn bú yào tíng zhǐ xiàng qián mài jìn de yǒng gǎn bù fá.

Trên hành trình dài khám phá những chân trời khoa học và mưu cầu một cuộc đời phi thường, chúng ta đừng bao giờ dừng lại những bước chân dũng cảm tiến về phía trước.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH CHỈ



HSK 4

Động từ

#440

挺
tǐng

Khá

老师鼓励大家积极挺，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tǐng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Khá, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: ĐỈNH

HSK 4

Giới từ

#441

通过
tōng guò

Vượt qua

掌握好“通过”的用法，能让中文表达更加自然地道。
zhǎng wò hǎo “tōng guò” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.
Nắm vững cách dùng từ “通过” (Vượt qua) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

17 nét

HÁN VIỆT: THÔNG QUÁ

HSK 4

Danh từ

#442

通知
tōng zhī

thông báo, báo tin

教务处刚刚在校园官方网络平台上发布了关于本学期期末考试日程安排与考场纪律的重要通知。

Jiào wù chù gāng gāng zài xiào yuán guāng fāng wǎng lùo píng tái shàng fā bù le guān yú běn xué qī mò kǎo shì rì chéng ān pái yǔ kǎo chǎng jì lǚ de zhòng yào tōng zhī.

Phòng Đào tạo vừa công bố thông báo quan trọng trên cổng thông tin điện tử của trường về lịch thi học kỳ và kỷ luật phòng thi của học kỳ này.

21 nét

HÁN VIỆT: THÔNG TRI

HSK 4

Danh từ

#443

同情
tóng qíng

đồng cảm, thông cảm, xót thương

面对遭遇重大自然灾害不幸受灾的灾区群众，社会各界纷纷伸出援助之手并给予深切的同情与关怀。

Miàn duì zāo yù zhòng dà zì rán zāi huài bù xīng shòu zāi de zāi qū qún zhòng, shè huì gè jiè fēn fēn shēn chū yuán zhù zhī shòu bīng jī yǔ shēn qiè de tóng qíng yǔ guān huái.

Trước nỗi mất mát của bà con vùng lũ lụt không may gặp thảm họa thiên tai, các tầng lớp xã hội đều dang tay cứu trợ và dành trọn niềm cảm thông, sẻ chia sâu sắc.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG TÌNH

HSK 4

Động từ

#444

推
tuī

đẩy

老师鼓励大家积极推，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tuī, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đẩy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: SUY

HSK 4

Danh từ

#445

推迟
tuī chí

hoãn lại, lùi lại (thời gian)

由于受突发台风暴雨恶劣天气影响，原定于今晚在户外体育场举行的群星演唱会将推迟至下周未举行。

Yóu yú shòu tū fā tái fēng bào yǔ è liè tiān qì yǐng xiǎng, yuán dìng yú jīn wǎn zài hù wài tǐ yù chǎng jǔ xíng de qún xīng yǎn chāng huì jiāng tuī chí zhì xià zhōu mò jǔ xíng.

Do ảnh hưởng của thời tiết mưa bão khắc nghiệt bất ngờ ập đến, đêm nhạc hội quy tụ dân sao dự kiến diễn ra tối nay tại sân vận động ngoài trời sẽ được hoãn sang cuối tuần tới.

24 nét

HÁN VIỆT: SUY TRI

HSK 4

Động từ

#446

脱
tuō

cởi (quần áo, giày dép), thoát khỏi

从寒冷的室外进入暖气充足的室内后，大家纷纷脱下厚重的防寒外套。

Cóng hán lěng de shì wài jìn rù nuǎn qì chōng zú de shì nèi hòu, dà jiā fēn fēn tuō xià hòu zhòng de fáng hán wài tào.

Từ ngoài trời giá rét bước vào căn phòng ấm áp đầy đủ lò sưởi, mọi người đều cởi bỏ chiếc áo khoác mùa đông dày cộm ra cho thoải mái.

13 nét

HÁN VIỆT: THOÁT

HSK 4

Danh từ

#447

袜子
wà zi

tất, vớ

在严寒冬日外出户外徒步登山时，穿上一双加厚保暖吸汗的优质羊毛袜子十分必要。

Zài yán hán dōng rì wài chū hù wài tú bù dēng shān shí, chuān shàng yí shuāng jiā hòu bǎo nuǎn xī hàn de yōu zhì yáng máo wà zi shí fēn bì yào.

Khi đi dã ngoại leo núi ngoài trời vào những ngày đông giá rét, việc mang một đôi tất len cừu dày giữ ấm và thấm mồ hôi tốt là hết sức cần thiết.

19 nét

HÁN VIỆT: VẬT TỬ

HSK 4

Danh từ

#448

完全
wán quán

hoàn toàn, trọn vẹn

经过连夜缜密的技术排查与代码重构，该核心支付链路的潜在安全隐患已被完全彻底消除。

Jīng guò lián yè zhēn mì de jì shù pái chá yǔ dài mǎ zhòng gòu, gāi hé xīn zhī fù liàn lù de qián zài ān quán yīn huán yí bèi wán quán chè dǐ xiāo chú.

Sau ca đêm rà soát kỹ thuật cẩn trọng và tái cấu trúc mã nguồn, các nguy cơ tiềm ẩn về an toàn của chuỗi thanh toán cốt lõi đã được loại bỏ hoàn toàn triệt để.

17 nét

HÁN VIỆT: HOÀN TOÀN



HSK 4

Giới từ

#449

往

wǎng

để

掌握好“往”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “wǎng” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “往” (để) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

12 nét

HÁN VIỆT: VǎNG

HSK 4

Phó từ

#450

往往

wǎng wǎng

thường, thường hay (theo quy luật/kinh nghiệm)

在遭遇重大危机考验的逆境时刻，一个人的从容定力与担当魄力往往能够起到力挽狂澜的关键作用。

Zài zāo yù zhòng dà wēi jī kǎo yàn de nǐ jìng shí kè, yí gè rén de cóng róng dīng lì yǔ dān dāng pò lì wǎng wǎng néng gòu qǐ dào lì wǎn kuáng lán de guān jiàn zuò yòng.

Vào những thời khắc cam go đối diện với khủng hoảng sóng gió, sự điềm tĩnh và bản lĩnh dám đứng mũi chịu sào của một người thường hay đóng vai trò then chốt xoay chuyển tình thế.

24 nét

HÁN VIỆT: VǎNG VǎNG

HSK 4

Danh từ

#451

网球

wǎng qiú

quần vợt, bóng tennis

网球运动不仅需要敏捷矫健的移动步伐与高超的控球技巧，更考验选手的心理抗压素质。

Wǎng qiú yùn dòng bù jìn xū yào mǐn jié jiǎo jiàn de yí dòng bù fá yǔ gāo chāo de kòng qiú jì qiǎo, gèng kǎo yàn xuǎn shǒu de xīn lǐ kǎng yā sù zhì.

Môn thể thao quần vợt (tennis) không chỉ đòi hỏi bước di chuyển thoăn thoắt nhịp nhàng và kỹ thuật điều bóng điêu luyện mà còn thử thách bản lĩnh tâm lý chịu áp lực của vận động viên.

22 nét

HÁN VIỆT: VǒNG CẦU

HSK 4

Danh từ

#452

网站

wǎng zhàn

trang web, website

为了给全球汉语学习者提供更流畅的学习体验，官方学习网站进行了全方位的视觉交互改版升级。

Wèi le gěi quán qiú hàn yǔ xué xí zhě tí gòng gèng liú chàng de xué xí tǐ yàn, guān fāng xué xí wǎng zhàn jìn xíng le quán fāng wèi de shì jué jiǎo huì gǎi bǎn shēng jí.

Nhằm mang đến trải nghiệm học tập mượt mà hơn cho người học tiếng Trung trên toàn thế giới, trang web học tập chính thức đã được nâng cấp làm mới toàn diện về giao diện tương tác.

22 nét

HÁN VIỆT: VǒNG TRẠM

HSK 4

Tính từ

#453

危险

wēi xiǎn

nguy hiểm

在面对复杂的挑战时，保持危险的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí wēi xiǎn de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái nguy hiểm đặc biệt quan trọng.

25 nét

HÁN VIỆT: NGUY HIỂM

HSK 4

Danh từ

#454

味道

wèi dao

mùi vị, hương vị, phong vị

老街拐角那家开了三十年的老字号面馆飘散出浓郁诱人的骨汤香味，正是童年记忆中那熟悉的味道。

Lǎo jiē guǎi jiǎo nà jiā kāi le sān shí nián de lǎo zì hào miàn guǎn piāo sǎn chū nóng yù de gǔ tāng xiāng wèi, zhèng shì tóng nián jì yì zhōng nà shú xī de wèi dao.

Tiệm mì gia truyền mở 30 năm nơi góc phố cổ thoang thoảng mùi nước hầm xương thơm nức mũi, đó chính là hương vị quen thuộc vẹn nguyên trong ký ức tuổi thơ.

20 nét

HÁN VIỆT: VỊ ĐẠO

HSK 4

Danh từ

#455

温度

wēn dù

nhiệt độ

温室大棚内部配备了高精度传感器与智能控制系统，能够全天候自动将室内温度恒定在最佳生长区间。

Wēn shì dà péng nèi bù pèi bèi le gāo jīng dù chuán gǎn qì yǔ zhì néng kòng zhì xì tǒng, néng gòu quán tiān hòu zì dòng jiāng shì nèi wēn dù héng dīng zài zuì jiā shēng zhǎng qū jiān.

Bên trong khu nhà kính được trang bị hệ thống cảm biến chính xác cao cùng bộ điều khiển thông minh, có thể tự động duy trì nhiệt độ trong phòng ở ngưỡng sinh trưởng tối ưu nhất suốt ngày đêm.

24 nét

HÁN VIỆT: ÔN ĐỘ

HSK 4

Danh từ

#456

文章

wén zhāng

bài viết, bài báo, bài văn

这篇刊登在国际权威顶级期刊上的学术文章，系统阐述了生成式人工智能与大语言模型的核心数学原理。

Zhè piān kān dēng zài guó jì quán wēi dīng jí qī kǎn shàng de xué shù wén zhāng, xì tǒng chān shù le shēng chéng shì rén gōng zhī néng yǔ dà yǔ yán mó xíng de hé xīn shù xué yuán lǐ.

Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành hàng đầu thế giới này đã trình bày một cách có hệ thống về nguyên lý toán học cốt lõi của trí tuệ nhân tạo tạo sinh và mô hình ngôn ngữ lớn.

21 nét

HÁN VIỆT: VĂN CHƯƠNG

HSK 4

Danh từ

#457

握手

wò shǒu

bắt tay

两国元首在红地毯前亲切握手致意并合影留念，标志着双边友好合作关系迈入了崭新的发展阶段。

Liǎng guó yuán shǒu zài hóng dì tǎn qián qīn qiè wò shǒu zhì yì bìng hé yǐng liú niàn, biāo zhì zhe shuāng biān yǒu hào hé zuò guān xì mài rù le zhǎn xīn de fā zhǎn jiē duàn.

Nguyên thủ hai nước đã bắt tay thân mật chào mừng và chụp ảnh lưu niệm trên thảm đỏ, đánh dấu quan hệ hợp tác hữu nghị song phương bước sang một giai đoạn phát triển mới.

26 nét

HÁN VIỆT: ÁC THỦ



HSK 4

Danh từ

#458

污染

wū rǎn

ô nhiễm, làm ô nhiễm

打赢蓝天保卫战需要各界共同努力，大力治理工业废气与尾气排放以彻底根治大气环境污染。

Dǎ yíng lán tiān bǎo wèi zhàn xū yào gè jiè gòng tóng lì, dà lì zhì lǐ gōng yè fèi qì yǔ wèi qì pái fàng yǐ chè dǐ gēn zhì dà qì huán jīng wū rǎn.

Để giành thắng lợi trong chiến dịch bảo vệ bầu trời xanh cần sự chung tay của toàn xã hội, đẩy mạnh xử lý khí thải công nghiệp và khói xe nhằm triệt phá tận gốc ô nhiễm môi trường không khí.

20 nét

HÁN VIỆT: Ô NHIỄM

HSK 4

Động từ

#459

无

wú

không, không có (vô)

在这座全自动化黑灯智慧工厂里，从物料入库到成品组装出厂实现了全程无人化高效运作。

Zài zhè zuò quán zì dòng huà hēi dēng zhì huì gōng chǎng lǐ, cóng wù liào rù kù dào chéng pǐn zǔ zhuāng chū chǎng shí xiàn le quán chéng wú rén huà gāo xiào yùn zuò.

Bên trong nhà máy thông minh lóng ngàng hóa hoàn toàn không cần ánh đèn này, từ khâu nguyên liệu nhập kho đến lắp ráp thành phẩm xuất xưởng đều vận hành trơn tru không bóng người.

13 nét

HÁN VIỆT: VÔ

HSK 4

Tính từ

#460

无聊

wú liáo

nhàm chán, tẻ nhạt, buồn chán

与其在无意义的琐碎闲谈中浪费宝贵光阴，不如静下心来读一本好书来充实自己。

Yǔ qí zài wú yì yì de suǒ suì xián tán zhōng làng fèi bǎo guì guāng yīn, bù rú jìng xīn lái dú yī běn hǎo shū lái chōng shí zì wǒ.

Thay vì lãng phí thời gian quý báu vào những câu chuyện phiếm tẻ nhạt vô bổ, chỉ bằng lẳng lặng đọc một cuốn sách hay để làm giàu cho vốn sống của bản thân.

26 nét

HÁN VIỆT: VÔ LIÊU

HSK 4

Liên từ

#461

无论

wú lùn

bất kể, dù cho, bất luận

无论未来的人生旅途上面临多少惊涛骇浪，只要心中有光、脚下有路，我们就能无所畏惧勇往直前。

Wú lùn wèi lái de rén shēng lǚ tú shàng miǎn lín duō shǎo jīng tāo hài làng, zhǐ yào xīn zhōng yǒu guāng, jiǎo xià yǒu lù, wǒ men jiù néng wú suǒ wèi jù yǒng wǎng zhí qián.

Bất kể chặng đường đời phía trước có bao nhiêu sóng to gió lớn bủa vây, chỉ cần trong tim có ánh sáng, dưới chân có lối đi thì chúng ta đều có thể dũng cảm vững vàng tiến bước mà không sợ hãi.

21 nét

HÁN VIỆT: VÔ LUẬN

HSK 4

Danh từ

#462

误会

wù huì

hiểu lầm, ngộ nhận

人与人相处难免会产生一些认知偏差，坦诚及时的沟通往往是化解心中误会与隔阂的最佳钥匙。

Rén yǔ rén xiāng chǔ nán miǎn huì chǎn shēng yī xiē rèn zhī piān chā, tǎn chéng jí shí de gōu tōng wǎng wǎng shì huà jiě xīn zhōng wù huì yǔ gé hé de zuì jiā yào shi.

Con người ta khi tiếp xúc khó tránh khỏi có những lúc nhận thức chưa đồng nhất, việc thẳng thắn trao đổi kịp thời luôn là chiếc chìa khóa vạn năng tốt nhất để xóa tan mọi hiểu lầm và khoảng cách trong lòng.

26 nét

HÁN VIỆT: NGỘ HỘI

HSK 4

Danh từ

#463

西红柿

xī hóng shì

cà chua

西红柿炒鸡蛋是一道老少皆宜、色泽鲜亮、酸甜可口的中国经典家常菜。

Xī hóng shì chǎo jī dàn shì yī dào lǎo shǎo jiē yí, sè zé xiān liàng, suān tián kě kǒu de zhōng guó jīng diǎn jiā cháng míng cài.

Trứng xào cà chua là một món ăn gia đình kinh điển trừu danh của ẩm thực Trung Hoa, màu sắc bắt mắt, vị chua ngọt thanh dịu phù hợp với khẩu vị của cả người già lẫn trẻ nhỏ.

30 nét

HÁN VIỆT: TÂY HỒNG THỊ

HSK 4

Danh từ

#464

吸引

xī yǐn

thu hút, lôi cuốn, hấp dẫn

故宫博物院举办的故宫数字文物沉浸式大展以其前沿科技与古典美学交融的独特魅力，吸引了数以万计的游客前来打卡。

Gù gōng bó wù yuǎn jù bàn de gù gōng shù zì wén wù chén jìn shì dà zhǎn yǐ qí qián yán jiāo róng de dú tè mèi lì, xī yǐn le shù yǐ wàn jì de yóu kè qián lái dǎ kǎ.

Triển lãm đắm chìm di sản số Cố Cung do Bảo tàng Cố Cung tổ chức với sức hút độc đáo hòa quyện giữa công nghệ mũi nhọn và mỹ học cổ điển đã thu hút hàng vạn lượt du khách tới tham quan chiêm ngưỡng.

18 nét

HÁN VIỆT: HẤP DẪN

HSK 4

Danh từ

#465

洗衣机

xǐ yī jī

máy giặt

这款新型滚筒变频智能洗衣机不仅具有高温除菌洗涤功能，而且在运行脱水时噪音极低。

Zhè kuǎn xīn xíng gǔn tǒng biàn pín zhì néng xǐ yī jī bù jǐn jù yǒu gāo wēn chú jūn xǐ dǎo gōng néng, ér qiě zài yùn xíng tuō shuǐ shí zào yīn jí dī.

Chiếc máy giặt thông minh lồng ngang biến tần thế hệ mới này không chỉ có tính năng giặt khử khuẩn bằng nước nóng mà khi vận hành rất khó tiếng ồn cũng cực kỳ êm ái.

35 nét

HÁN VIỆT: TẮY Y CƠ

HSK 4

Tính từ

#466

咸

xián

mặn, vị mặn; tất cả (cổ)

厨师在烹饪这道清蒸海鱼时特意少放了食盐，既保持了原汁原味的鲜美，又不会太咸。

Chú shī zài pēng rèn zhè dào qīng zhēng hǎi yú shí tè yì shǎo fàng le shí yán, jì bǎo chí le yuán zhī yuán wèi de xiān měi, yòu bú huì tài xián.

Khi chế biến món cá biển hấp này đầu bếp đã đặc biệt nêm ít muối, vừa giữ được trọn vẹn vị tươi ngọt nguyên bản lại không bị quá mặn.

10 nét

HÁN VIỆT: HÀM



HSK 4

Tính từ

#467

现代

xiàn dài

hiện đại

当代建筑设计师巧妙地将中国传统园林意境与现代简约建筑美学有机融合在一起，令人耳目一新。

Dāng dài jiàn zhù shè jì shī qiǎo miào de jiāng zhōng guó chuán tǒng yuán lín yì jìng yǔ xiàn dài jiàn yuē jiǎn zhù měi xué yǒu jī róng hé zài yì qǐ, lìng rén ěr mù yī xīn.

Các kiến trúc sư đương đại đã khéo léo kết hợp hài hòa giữa ý cảnh vườn cảnh cổ truyền Trung Hoa và mỹ học kiến trúc tối giản hiện đại, mang lại cảm giác mới mẻ đầy ấn tượng.

22 nét

HÁN VIỆT: HIỆN ĐẠI

HSK 4

Danh từ

#468

羡慕

xiàn mù

ngưỡng mộ, ghen tị (tích cực)

看到他在国际高水平学术期刊上接连发表多篇重磅论文，周围的年轻师弟师妹们都十分羡慕。

Kàn dào tā zài guó jì gāo shuǐ píng xué shù qī kān shàng jiē lián fā biāo duō piān zhòng bàng lùn wén, zhōu wéi de nián qīng shī dì shī mèi men dōu shí fēn xiàn mù.

Nhìn thấy anh ấy liên tiếp công bố nhiều bài báo khoa học chất lượng cao trên các tạp chí học thuật quốc tế hàng đầu, các đàn em khóa dưới xung quanh ai nấy đều vô cùng ngưỡng mộ.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỆN MỘ

HSK 4

Danh từ

#469

限制

xiàn zhì

hạn chế, giới hạn

为了保护古老脆弱的喀斯特溶洞地质遗迹，景区每日接待游客总量实行严格的实名预约限流限制。

Wèi le bǎo hù gǔ lǎo cuì ruò de kā sī tè róng dòng dié zhì yí jì, jǐng qū měi rì jiē dài yóu kè zǒng liàng shí xíng yán gé de shí míng yù yuē xiàn liú xiàn zhì.

Nhằm bảo vệ di sản địa chất hang động karst cổ xưa mong manh, khu danh thắng áp dụng quy định hạn chế số lượng khách tham quan mỗi ngày theo hình thức đặt chỗ định danh nghiêm ngặt.

21 nét

HÁN VIỆT: HẠN CHẾ

HSK 4

Tính từ

#470

香

xiāng

thơm, nén hương, hương thơm

清晨推开雅室房门，案几上那一缕刚点燃的天然沉香散发出令人心旷神怡的清幽幽香。

Qīng chén tuī kāi yǎ shì fáng mén, àn jǐ shàng nà yī lǚ gāng diǎn rán de tiān rán chén xiāng sǎn fā chū líng rén xīn kuàng shén yí de qīng yā yōu xiāng.

Sáng sớm đẩy cửa bước vào gian phòng tao nhã, nén hương trầm tự nhiên vừa thấp trên bàn trà tỏa ra một mùi hương thanh khiết thoảng thoảng khiến lòng người thư thái sáng khoái.

10 nét

HÁN VIỆT: HƯƠNG

HSK 4

Danh từ

#471

相反

xiāng fǎn

ngược lại, trái lại

遇到技术瓶颈时不要怨天尤人，相反，我们应当将其视作倒逼自主创新与架构重构的绝佳良机。

Yù dào jì shù píng jǐng shí bú yào yuàn tiān yóu rén, xiāng fǎn, wǒ men yīng dǎng jiàng qí shì zuò dào bǐ zì zhǔ chuàng xīn yǔ jià gòu zhòng gòu de jué jiā líng jī.

Khi gặp phải nút thắt kỹ thuật đứng oán trời trách người, ngược lại, chúng ta nên coi đó là cơ hội tuyệt vời để thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo tự chủ và tái cấu trúc hệ thống.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG PHẢN

HSK 4

Danh từ

#472

详细

xiáng xì

chi tiết, cặn kẽ, tỉ mỉ

这份技术可行性分析报告不仅列出了详细的工程实施时间节点，还制定了周密的应急预案。

Zhè fèn jì shù kě xíng xīng fēn xī báo gào bù jīn liè chū le xiáng xì de gōng chéng shí shí jiān jié diǎn, hái zhì dìng le zhōu mì de yǐng yù jì yù àn.

Bản báo cáo phân tích tính khả thi kỹ thuật này không chỉ liệt kê chi tiết các mốc thời gian triển khai công trình mà còn lập sẵn các kịch bản ứng phó khẩn cấp chu toàn.

20 nét

HÁN VIỆT: TƯỜNG TỂ

HSK 4

Danh từ

#473

响

xiǎng

vang lên, kêu, tiếng vang

清晨清脆嘹亮的闹钟铃声准时响起，唤醒了整栋学生宿舍楼中准备晨读的莘莘学子。

Qīng chén qīng cuì liáo liàng de nào zhōng líng shēng zhǔn shí xiǎng qǐ, huàn xǐng le zhěng dòng xué shēng zhǔn bèi chén dú de shēn shēn xué zǐ.

Tiếng chuông báo thức trong trẻo vang dội sáng sớm vang lên đúng giờ, đánh thức các bạn học sinh trong toàn bộ khu ký túc xá thức dậy chuẩn bị cho giờ đọc sách sớm.

10 nét

HÁN VIỆT: HƯỞNG

HSK 4

Danh từ

#474

消息

xiāo xī

tin tức, thông tin

我国科研团队在国际顶尖学术刊物上发表突破性成果的消息传来，全校师生一片沸腾。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài guó jì dīng jiān xué shù kān wù shàng fā biāo tú pō xīng chéng guǒ de xiāo xī chuán lái, quán xiào shī shēng yí piàn fèi téng.

Khi tin tức về việc nhóm nghiên cứu khoa học nước nhà công bố thành tựu đột phá trên ấn phẩm học thuật hàng đầu thế giới được truyền về, thầy trò toàn trường vỡ òa trong niềm vui sướng hân hoan.

26 nét

HÁN VIỆT: TIỂU TỨC

HSK 4

Danh từ

#475

小说

xiǎo shuō

tiểu thuyết, truyện

这部底蕴深厚的现实主义长篇巨著生动刻画了时代变迁中几代知识分子的命运抉择与心路历程。

Zhè bù dǐ yùn shēn hòu de xiàn shí zhǔ yì cháng piān jù zhǔ shēng dòng kè huà le shí dài biàn qiān zhōng jǐ dài zhī shī fèn zǐ de mìng yùn jué zé yǔ xīn lù chéng.

Cuốn tiểu thuyết trường thiên hiện thực sâu sắc này đã khắc họa sinh động những lựa chọn số phận cùng hành trình tâm lý của nhiều thế hệ trí thức trong dòng xoay biến chuyển của thời đại.

23 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THUYẾT



HSK 4

Danh từ

#476

笑话

xiào huà

chuyện cười, trò đùa

聚会时他绘声绘色地讲了一个极其幽默风趣的小笑话，逗得在场所有朋友捧腹大笑、前仰后合。

Jù huì shí tā huì shēng huì sè de jiǎng le yí gè jí qí yōu mò fēng qù de xiǎo xiào huà, dòu dé zài chǎng suǒ yǒu péng yǒu péng fù dà xiào, qián yǎng hòu hé.

Trong buổi tụ tập bạn bè, anh ấy đã hào hứng kể một mẩu chuyện cười dí dỏm cực kỳ duyên dáng, làm cho tất cả bạn bè có mặt đều cười nghiêng ngả ôm bụng cười xòa.

21 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THOẠI

HSK 4

Danh từ

#477

效果

xiào guǒ

hiệu quả, kết quả

经过为期三个月的系统听说沉浸式强化训练，学员们在汉语口语流利度与语调自然度上取得了立竿见影的显著效果。

Jīng guò wéi qī sān gè yuè de xì tǒng tīng shuō chén jìn shì qiáng huà xùn liàn, xué yuán men zài hàn yǔ kǒu yǔ liú lì dù yǔ diào zì rán dù shàng qǔ dé le lì gān jiàn yǐng de xiǎn zhù xiào guǒ.

Trải qua 3 tháng rèn luyện nghe nói đắm chìm chuyên sâu có hệ thống, các học viên đã đạt được hiệu quả rõ rệt tức thì về độ trôi chảy và ngữ điệu tự nhiên trong giao tiếp tiếng Trung.

17 nét

HÁN VIỆT: HIỆU QUẢ

HSK 4

Danh từ

#478

心情

xīn qíng

tâm trạng, tâm trạng cảm xúc

在阳光明媚、微风和煦的春日午后漫步在繁花似锦的植物园里，整个人感觉心情格外舒畅愉悦。

Zài yáng guāng míng mèi, wēi fēng hé xù de chūn rì wǔ hòu màn bù zài fán huā sì jīn de zhí wù yuán lǐ, zhěng gè rén gǎn jué xīn qíng gé wài shū chàng yú yuè.

Vào buổi chiều xuân nắng vàng rực rỡ gió thoảng dịu êm dạo bước trong vườn thực vật hoa nở khoe sắc muôn màu, cả người cảm thấy tâm trạng vô cùng thư thái và hân hoan.

17 nét

HÁN VIỆT: TÂM TÌNH

HSK 4

Động từ

#479

辛苦

xīn kǔ

vất vả, gian khổ, nhọc nhằn

为了抢修暴风雨中受损的电力主线路，电力工人们在风雨中连续辛苦奋战了十几个小时。

Wèi le qiǎng xiū bào fēng yǔ zhōng shòu sǔn de diàn lì zhǔ gàn xiàn lù, diàn lì gōng rén men zài fēng yǔ zhōng lián xù xīn kǔ fèn zhàn le shí jǐ gè xiǎo shí.

Để khẩn trương khắc phục đường dây điện trực chính bị hư hại trong cơn bão, các công nhân ngành điện đã dốc mình trong mưa gió làm việc vất vả liên tục suốt hơn 10 tiếng đồng hồ.

23 nét

HÁN VIỆT: TÂN KHỔ

HSK 4

Danh từ

#480

信任

xìn rèn

tin tưởng, tín nhiệm

人际交往与商务合作的牢固基石在于相互间的诚实守信与发自内心的真诚信任。

Rén jì jiāo wǎng yǔ shāng wù hé zuò de láo gù jī shí zài yǔ xiāng hù jiān de chéng shí shí shòu xìn yǔ fā zì nèi xīn de zhēn chéng xìn rèn.

Nền tảng vững chắc trong giao thiệp nhân sinh và hợp tác kinh doanh nằm ở sự thành thật giữ chữ tín và niềm tin cậy chân thành xuất phát từ đáy lòng giữa đôi bên.

21 nét

HÁN VIỆT: TÍN NHÂM

HSK 4

Danh từ

#481

信心

xìn xīn

lòng tin, sự tự tin, niềm tin

只要我们找准前进方向并坚持脚踏实地地努力拼搏，就一定要对实现中华民族伟大复兴的未来充满坚定信心。

Zhǐ yào wǒ men zhǎo zhǔn qián jìn fāng xiàng bìng jiān chí jiǎo bù tà shí dì nǚ lì pīn bó, jiù yí dīng yào duì shí xiàn zhōng huá mín zú wèi dà fù xīng de wèi lái chōng mǎn jiān dìng xìn xīn.

Chỉ cần chúng ta xác định đúng hướng đi và kiên trì nỗ lực phấn đấu vững vàng, chúng ta nhất định phải tràn đầy niềm tin sắt son vào tương lai phát triển phồn vinh rực rỡ.

19 nét

HÁN VIỆT: TÍN TÂM

HSK 4

Danh từ

#482

信用卡

xìn yòng kǎ

thẻ tín dụng

在境外旅游消费刷信用卡支付时，请妥善保管好卡片背面的三位安全码以确保账户资金安全。

Zài jìng wài lǚ yóu xiāo fèi shuā xìn yòng kǎ zhī fù shí, qǐng tǎo shàn bǎo guǎn hǎo kǎ piàn bèi miàn de sān wèi ān quán mǎ yǐ què bǎo zhàng hù zī jīn ān quán.

Khi đi du lịch nước ngoài quét thẻ tín dụng thanh toán, bạn hãy giữ gìn cẩn thận mã bảo mật 3 chữ số phía sau thẻ để đảm bảo an toàn cho nguồn tiền trong tài khoản.

32 nét

HÁN VIỆT: TÍN DỤNG CA

HSK 4

Danh từ

#483

信用

xìn yòng

uy tín, tín dụng

良好的个人与企业信用记录是立足现代金融社会不可或缺的无形宝贵资产。

Liáng hǎo de gè rén yǔ qǐ yè xìn yòng jì lù shì lì zú xiàn dài jīn róng shè huì huì bù kě huò quē de wú xíng bǎo guì zī chǎn.

Lịch sử tín dụng cá nhân và doanh nghiệp uy tín là tài sản vô hình vô giá không thể thiếu để đứng vững trong xã hội tài chính hiện đại.

22 nét

HÁN VIỆT: TÍN DỤNG

HSK 4

Động từ

#484

卡

kǎ

thẻ

老师鼓励大家积极卡，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí kǎ, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shí.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thẻ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: CA



HSK 4

Tính từ

#485

兴奋

xīng fèn

hào hứng, phấn khích, hưng phấn

得知自己梦寐以求的科研项目终于成功获得国家自然科学基金重点资助，全组师生兴奋得欢呼雀跃。

Dé zhī zì jǐ mèng mèi yǐ qiú de kē yán xiàng mù zhōng yú chéng gōng huò dé guó jiā zì rán kē xué jī jīn zhòng diǎn zī zhù, quán zǔ shī shēng xīng fèn dé huān hū què yuè.

Hay tin để tài nghiên cứu khoa học bấy lâu ấp ủ ước mơ cuối cùng đã chính thức nhận được tài trợ trọng điểm từ Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia, thầy trò cả nhóm phấn khích reo hò nhảy cẫng lên vì vui sướng.

26 nét

HÁN VIỆT: HƯNG PHẤN

HSK 4

Động từ

#486

行

xíng

đi, làm; được, ổn; ngành nghề

读万卷书，行万里路；唯有将理论知识与实地考察紧密结合，才能获得真才实学。

Dú wàn juǎn shū, xíng wàn lǐ lù; wéi yǒu jiāng lǐ lùn zhī shí yǔ shí dì kǎo chá jìn mì jié hé, cái néng huò dé zhēn cái shí xué.

Đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường; chỉ khi kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết và khảo sát thực tế mới đúc kết được tài năng và hiểu biết chân thực.

12 nét

HÁN VIỆT: HÀNH

HSK 4

Động từ

#487

醒

xǐng

tỉnh, thức dậy, tỉnh ngộ

清晨被窗外清脆悦耳的鸟鸣声唤醒，推开窗户便迎来了清新宜人的春风。

Qīng chén bèi chuāng wài qīng cuī yuè ěr de niǎo míng shēng huàn xǐng, tuī kāi chuāng hù biàn yíng lái le qīng xīn yí rén de chūn fēng.

Sáng sớm được đánh thức bởi tiếng chim hót véo von trong trẻo ngoài khung cửa sổ, đẩy cửa ra là đón nhận làn gió xuân mát lạnh dễ chịu.

13 nét

HÁN VIỆT: TỈNH

HSK 4

Danh từ

#488

性别

xìng bié

giới tính

现代文明职场坚决倡导男女平等同工同酬，严厉杜绝任何形式的性别歧视与偏见。

Xià dài wén míng zhǐ chǎng jiān jué chàng dǎo nán nǚ píng děng tóng gōng tóng chóu, yán lì dù jué rèn hé xíng shì de xìng bié qī shì yǔ piān jiàn.

Mỗi trường công sở vẫn minh hiện đại kiên quyết đề cao bình đẳng giới nam nữ làm việc như nhau hưởng lương như nhau, triệt để bài trừ mọi hình thức phân biệt và định kiến giới tính.

19 nét

HÁN VIỆT: TÍNH BIỆT

HSK 4

Danh từ

#489

性

xìng

tính, tính chất (hậu tố); giới tính

在软件架构设计中，系统的稳定性、安全性以及高并发扩展性是衡量其技术成熟度的三大核心指标。

Zài ruǎn jiàn jià gòu shè jì zhōng, xì tǒng de wēn dīng xìng, ān quán xìng yǐ jí gāo bìng fā kuò zhǎn xīng shì héng liáng qí jì shù chéng shú dù de sān dà hé xīn zhǐ biāo.

Trong thiết kế kiến trúc phần mềm, tính ổn định, tính bảo mật và khả năng mở rộng chịu tải cao là 3 chỉ số cốt lõi đo lường mức độ trưởng thành kỹ thuật của hệ thống.

11 nét

HÁN VIỆT: TÍNH

HSK 4

Danh từ

#490

性格

xìng gé

tính cách, tính tình

他性格豁达开朗、乐于助人，无论走到哪里都能迅速与身边的朋友打成一片。

Tā xìng gé huō dà kāi lǎng, lè yú zhù rén, wú lùn zǒu dào nǎ lǐ dōu néng xùn sù yǔ shēn biān de péng yǒu dǎ chéng yí piàn.

Anh ấy tính tình phóng khoáng cởi mở, nhiệt tình hay giúp đỡ mọi người, cho dù đi đến đâu cũng nhanh chóng hòa đồng gắn kết thân thiết với bạn bè xung quanh.

19 nét

HÁN VIỆT: TÍNH CÁCH

HSK 4

Tính từ

#491

幸福

xìng fú

hạnh phúc

幸福并不在于拥多少荣华富贵，而在于家人健康康、生活充实安宁、内心常怀感恩。

Xìng fú bìng bù zài yú yōng duō shǎo róng huá fù guì, ér zài yú jiā rén jiàn jiàn kāng kāng, shēng huó chōng shí ān níng, nèi xīn cháng huái gǎn ēn.

Hạnh phúc không nằm ở chỗ sở hữu bao nhiêu nhưng lụa giàu sang phú quý, mà cốt lõi là người thân luôn khỏe mạnh, cuộc sống đủ đầy bình yên và trong tim luôn ngập tràn lòng biết ơn.

26 nét

HÁN VIỆT: HẠNH PHÚC

HSK 4

Động từ

#492

修

xiū

sửa chữa

老师鼓励大家积极修，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiū, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực sửa chữa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: TU

HSK 4

Danh từ

#493

许多

xǔ duō

nhiều, rất nhiều

世界之大无奇不有，在浩瀚未知的自然界中还隐藏着许多等待人类去探索解答的科学奥秘。

Shì jiè zhī dà wú qí bù yǒu, zài hào hàn wèi zhī de zì rán jiè zhōng hái yǐn cáng zhe xǔ duō děng dài rén lèi qù tàn suǒ jiě dá de kē xué ào mì.

Thế giới bao la muôn điều kỳ thú, trong giới tự nhiên rộng lớn khôn cùng vẫn còn ẩn chứa rất nhiều điều bí ẩn khoa học đang đón chờ nhân loại khám phá và giải đáp.

25 nét

HÁN VIỆT: HƯA ĐA



HSK 4

Động từ

#494

血

xuè

máu, huyết

无偿献血是拯救垂危生命的高尚人道主义善举，传递着人间大爱与温暖。

Wú cháng xiàn xiě shì zhěng jiù chuí wēi shēng mìng de gāo shàng rén dào zhǔ yì shàn jǔ, chuán dì zhe rén jiān dà ài yǔ wēn nuǎn.

Hiển máu nhân đạo là nghĩa cử cao đẹp mang đậm tình nhân văn cứu giúp bao mảnh đời trong cơn nguy kịch, lan tỏa tình yêu thương và sự ấm áp trong cộng đồng.

14 nét

HÁN VIỆT: HUYẾT

HSK 4

Danh từ

#495

压力

yā lì

áp lực, sức ép

学会合理排解工作压力并保持积极乐观的心态，是维持身心长期健康的关键素养。

Xué huì hé lǐ pái jiě gōng zuò shēng huó yā lì bìng bǎo chí jī jí lè guān de xīn tài, shì wéi chí shēn xīn cháng qī jiàn kāng de guān jiàn sù yǎng.

Biết cách giải tỏa áp lực công việc và cuộc sống một cách hợp lý đồng thời duy trì tâm thái tích cực lạc quan là tố chất then chốt để gìn giữ sức khỏe thể chất và tinh thần dài lâu.

18 nét

HÁN VIỆT: ÁP LỰC

HSK 4

Danh từ

#496

牙膏

yá gāo

kem đánh răng

早晚使用含氟防蛀牙膏认真刷牙三分钟，能有效清洁牙菌斑并长久呵护牙龈健康。

Zǎo wǎn shǐ yòng hán fú fáng zhù yá gāo rèn zhēn shuā yá sān fēn zhōng, néng yǒu xiào qīng jié yá jūn bān bìng cháng jiǔ hē hù yá yīn jiàn kāng.

Mỗi sáng và tối dùng kem đánh răng chứa flour ngừa sâu răng chải răng kỹ càng trong 3 phút sẽ giúp loại bỏ mảng bám vi khuẩn hiệu quả và bảo vệ nướu răng chắc khỏe dài lâu.

23 nét

HÁN VIỆT: NHA CAO

HSK 4

Danh từ

#497

亚洲

Yà zhōu

Châu Á, Á Châu

亚洲是全球面积最广大、人口最多、最具经济发展活力的大洲之一。

Yà zhōu shì quán qiú miàn jī zuì guǎng mào, rén kǒu zuì duō, zuì jù jīng jì fā zhǎn huó lì de dà zhōu zhī yī.

Châu Á là một trong những châu lục có diện tích rộng lớn nhất, dân số đông đúc nhất và sở hữu sức sống phát triển kinh tế năng động nhất trên toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: Á CHÂU

HSK 4

Trợ từ

#498

呀

ya

a, nha, nhé (trợ từ ngữ khí)

哇，你看天边那一抹绚丽的晚霞多美呀！快拿相机把它记录下来吧。

Wa, nǐ kàn tiān biān nà yí mǒ xuàn lì de wǎn xiá duō měi ya! kuài ná xiàng jī bǎ tā jì lù xià lái ba.

Oa, bạn nhìn ráng chiều hoàng hôn rực rỡ nơi chân trời đấy kia đẹp biết bao kia! Mau lấy máy ảnh ra chụp lưu giữ lại đi.

9 nét

HÁN VIỆT: NHA

HSK 4

Động từ

#499

盐

yán

muối, muối ăn

日常健康饮食提倡“少盐低脂”，合理控制食盐摄入量对预防高血压至关重要。

Rì cháng jiàn kāng yǐn shí tí chàng "shǎo yán dī zhī", hé lǐ kòng zhì shí yán shè rù liàng duì yù fáng gāo xuè yā zhì guān zhòng yào.

Chế độ ăn uống lành mạnh hàng ngày khuyến khích 'ít muối giảm béo', việc kiểm soát hợp lý lượng muối ăn nạp vào cơ thể có ý nghĩa then chốt để phòng ngừa bệnh cao huyết áp.

9 nét

HÁN VIỆT: DIÊM

HSK 4

Tính từ

#500

严格

yán gé

ng nghiêm khắc, nghiêm ngặt, chặt chẽ

导师治学态度严谨，对研究生的学术规范与实验数据真实性有着极其严格的标准与要求。

Dǎo shī zhì xué tài dù yán jǐn, duì yán jiū shēng de xué shù guī fàn yǔ shí yán shù jù zhēn shí xìng yǒu zhe jí qí yán gé de biāo zhǔn yǔ yāo qiú.

Người thầy hướng dẫn có tác phong học thuật vô cùng cẩn trọng, đưa ra những tiêu chuẩn và yêu cầu hết sức nghiêm khắc đối với quy chuẩn học thuật và tính trung thực của số liệu thực nghiệm.

22 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊM CÁCH

HSK 4

Danh từ

#501

严重

yán zhòng

ng nghiêm trọng, trầm trọng

面对严重的突发公共卫生事件与自然灾害，全社会必须万众一心、众志成城共克时艰。

Miàn duì yán zhòng de tū fā gōng gòng wèi shēng shì jiàn yǔ zì rán zāi hài, quán shè huì bì xū wàn zhòng yì xīn, zhòng zhì chéng chéng gòng kè shí jiān.

Đứng trước các sự cố y tế công cộng và thiên tai thảm họa nghiêm trọng bất ngờ ập đến, toàn xã hội phải triệu người như một, chung sức đồng lòng vượt qua gian khó.

23 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊM TRỌNG

HSK 4

Danh từ

#502

研究生

yán jiū shēng

ng nghiêm cứu sinh, học viên cao học

攻读硕士与博士研究生不仅是学术知识的深造，更是独立科研思维与创新能力的全面锤炼。

Gōng dú shuò shì yǔ bó shì yán jiū shēng bù jīn shì xué shù zhī shí de shēn zào, gèng shì dú lì kē yán sī wéi yǔ chuàng xīn néng lì de quán miàn chuí liàn.

Học bậc nghiên cứu sinh thạc sĩ và tiến sĩ không đơn thuần là đào tạo năng cao kiến thức học thuật, mà cốt lõi là sự tôi luyện toàn diện về tư duy nghiên cứu độc lập và năng lực đổi mới sáng tạo.

33 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊN CỨU SINH



HSK 4

Danh từ

#503

演出

yǎn chū

buổi biểu diễn, diễn xuất

国家大剧院今晚倾情上演的大型经典民族交响音画《丝绸之路》演出赢得了全场阵阵喝彩。

Guójiā dàjùyuàn jīn wǎn qīng qīng shàng yǎn de dà xíng jīng diǎn mín zú jiāo xiǎng yīn huà 《sī chóu zhī lù》 yǎn chū yíng dé le quán chǎng zhèn zhèn hè cài.

Buổi biểu diễn bức tranh giao hưởng dân tộc kinh điển quy mô lớn 'Con đường tơ lụa' do Nhà hát Lớn Quốc gia dàn dựng tối nay đã nhận được những tràng pháo tay tán thưởng vang dội toàn khán phòng.

18 nét

HÁN VIỆT : DIỄN XUẤT

HSK 4

Danh từ

#504

演员

yǎn yuán

diễn viên, nghệ sĩ biểu diễn

这位德艺双馨的老艺术家演了一辈子话剧，塑造了无数深入人心、栩栩如生的经典舞台角色。

Zhè wèi dé yì shuāng xīn de lǎo yì shù jiā yǎn le yì bèi zǐ huà jù, sù zào liǎo wú shù shēn rù rén xīn, xǔ xǔ rú shēng de jīng diǎn wǔ tái jùé sè.

Người nghệ sĩ lão thành tài đức vẹn toàn ấy đã cống hiến cả cuộc đời cho sân khấu kịch nói, khắc họa nên vô số hình tượng nhân vật kinh điển sống động in sâu vào trái tim công chúng.

22 nét

HÁN VIỆT : DIỄN VIÊN

HSK 4

Danh từ

#505

阳光

yáng guāng

ánh nắng, ánh mặt trời, rạng rỡ

清晨温暖明媚的金色阳光穿透薄雾洒在阳台的绿植花卉上，唤醒了充满生机的一天。

Qīng chén wēn nuǎn míng mèi de jīn sè yáng guāng chuān tòu bó wù sǎ zài yáng tái de lǜ zhī huā huì shàng, huàn xǐng le chōng mǎn shēng jī de yì tiān.

Sáng sớm ánh nắng mặt trời vàng ấm áp rực rỡ xuyên qua làn sương mỏng rơi chiếu lên những chậu hoa cây cảnh ngoài ban công, đánh thức một ngày mới căng tràn sức sống.

21 nét

HÁN VIỆT : DƯƠNG QUANG

HSK 4

Danh từ

#506

养成

yǎng chéng

hình thành, rèn luyện (thói quen)

在青少年成长时期养成早睡早起、热爱阅读与坚持体育锻炼的优良生活习惯将终身受益无穷。

Zài qīng shào nián chéng zhǎng shí qī yǎng chéng zǎo shuì zǎo qǐ, rè ài yuè dú yǔ jiān chí tǐ yù duàn liàn de yōu liáng shēng huó xí guàn jiāng zhōng shēn shòu yì wú qióng.

Hình thành và rèn luyện được những thói quen sinh hoạt tốt như ngủ sớm dậy sớm, say mê đọc sách và chăm tập thể dục thể thao ngay từ thời niên thiếu sẽ mang lại lợi ích vô giá suốt cả cuộc đời.

24 nét

HÁN VIỆT : DƯỠNG THÀNH

HSK 4

Danh từ

#507

样子

yàng zi

dáng vẻ, điệu bộ, vẻ ngoài

看他那胸有成竹、泰然自若的样子，这场关键的国际商业谈判肯定已经胜券在握了。

Kàn tā nà xiōng yǒu chéng zhú, tài rán zì ruò de yàng zi, zhè chǎng guān jiàn de guó jì shāng yè tán pàn kěn dīng yí jīng shèng quàn zài wò le.

Nhìn dáng vẻ ung dung tự tại nắm chắc phần thắng trong tay của anh ấy, cuộc đàm phán thương mại quốc tế then chốt này chắc chắn đã nắm chắc phần thắng mười mươi rồi.

21 nét

HÁN VIỆT : DẠNG TỬ

HSK 4

Danh từ

#508

邀请

yāo qǐng

mời, lời mời

非常荣幸能够收到主办方的盛情邀请，作为特邀主旨演讲嘉宾出席本次国际人工智能高端领袖峰会。

Fēi cháng róng xìng néng gòu shōu dào zhǔ bàn fāng de shèng qíng yāo qǐng, zuò wéi tè yāo zhǔ zhī yǎn jiǎng jiā bīn chū xí běn cì guó jì rén gōng zhì néng gāo duān lǐng xiù fēng huì.

Vô cùng vinh hạnh khi nhận được lời mời thịnh tình từ ban tổ chức tham dự Hội nghị thượng đỉnh các nhà lãnh đạo trí tuệ nhân tạo quốc tế với tư cách diễn giả chính danh dự.

25 nét

HÁN VIỆT : YÊU THỈNH

HSK 4

Danh từ

#509

钥匙

yào shi

chìa khóa

出门前请务必确认随身带好家门钥匙、手机和身份证，谨防不小心被反锁在门外。

Chū mén qián qīng wù bǐ què rèn suí shēn dài mén jiàn yào shi, shǒu jī hé shēn fèn zhēng, jǐn fáng bù xiǎo xīn bèi fǎn suǒ zài mén wài.

Trước khi ra khỏi nhà bạn nhất định phải kiểm tra kỹ mang theo chìa khóa nhà, điện thoại và căn cước công dân bên người, tránh trường hợp lỡ tay bị khóa trái bên ngoài.

17 nét

HÁN VIỆT : THUỘC THI

HSK 4

Phó từ

#510

也许

yě xǔ

có lẽ, có thể, biết đâu

在探索前沿未知科学的漫漫长路上，一次偶然的实验误差也许正孕育着颠覆性的重大科学发现。

Zài tàn sù qián yán wèi zhī kē xué de màn màn cháng lù shàng, yí cì ǒu rán de shí yàn wù chā yě xǔ zhèng yù yù yù yù zhè diǎn fù xíng de zhòng dà kē xué fā xiàn.

Trên hành trình dài khám phá những chân trời khoa học mũi nhọn chưa biết, một sai số thực nghiệm tình cờ rất có thể lại đang thai nghén một phát hiện khoa học mang tính bước ngoặt vĩ đại.

22 nét

HÁN VIỆT : DẪ HỮA

HSK 4

Lượng từ

#511

页

yè

trang

掌握好“页”的用法，能让中文表达更加自然地道。

Zhǎng wò hǎo “yè” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “页” (trang) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

12 nét

HÁN VIỆT : HIỆT



HSK 4

Danh từ

#512

叶子

yè zi

lá cây, chiếc lá

金秋十月，漫山遍野的枫树叶子变得如火如荼，绚丽多彩，吸引了无数摄影爱好者慕名而来。

Jīn qiū shí yuè, mǎn shān biàn yě de fēng shù yè zì biàn dé rú huǒ rú tú, xuàn lì duō cǎi, xī yǐn liǎo wú shù shè yǐng ài hào zhě mù míng ér lái.

Tháng mười mùa thu vàng, lá phong phủ khắp núi đồi ngả sang sắc đỏ rực rỡ như ngọn lửa bập bùng, thu hút vô số tín đồ mê nhiếp ảnh tìm đến thưởng ngoạn và săn ảnh.

23 nét

HÁN VIỆT: HIỆP TỬ

HSK 4

Danh từ

#513

一切

yī qiè

tất cả, mọi thứ, toàn bộ

只要心中怀揣明确坚定的理想信念并脚踏实地地奋斗，生活中的一切艰难险阻终将被踩在脚下。

Zhǐ yào xīn zhōng huái míng què jiān dīng de lǐ xiǎng xīn niàn bīng jiǎo tà shí dì fèn dòu, shēng huó zhōng de yī qiè jiān nán xiǎn zǔ zhōng jiāng bèi cǎi zài jiǎo xià.

Chỉ cần trong lòng ấp ủ niềm tin và lý tưởng rõ ràng kiên định đồng thời nỗ lực phấn đấu vững vàng, mọi chông gai trắc trở trong cuộc sống rồi cũng sẽ bị khuất phục dưới chân.

26 nét

HÁN VIỆT: NHẤT TIẾP

HSK 4

Động từ

#514

以

yǐ

lấy, dùng, để, căn cứ theo

我们要以开放包容的胸怀拥抱世界，以脚踏实地的奋斗姿态开创未来。

Wǒ men yào yǐ kāi fàng bāo róng de xiōng huái yōng bào shí jiè, yǐ jiǎo tà shí dì de fèn dòu zī tài kāi chuāng wèi lái.

Chúng ta hãy dùng tấm lòng rộng mở bao dung để đón nhận thế giới, và dùng tư thế phấn đấu vững vàng thực tế để mở lối tương lai.

10 nét

HÁN VIỆT: DĨ

HSK 4

Số từ

#515

亿

yì

tỷ

掌握好“亿”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “yì” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào. Nắm vững cách dùng từ “亿” (tỷ) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

14 nét

HÁN VIỆT: ƯC

HSK 4

Danh từ

#516

意见

yì jiàn

ý kiến, quan điểm, đóng góp

在方案评审研讨会上，各位评审专家知无不言、言无不尽，提出了许多富有前瞻性的中肯修改意见。

Zài fāng àn píng shěn yán tǎo huì shàng, gè wèi píng shěn zhuān jiā zhī wú bù yán, yán wú bù jìn, tí chū le xǔ duō fù yǒu qián zhān xìng de zhōng kěn xiū gǎi yì jiàn.

Tại cuộc họp thẩm định phương án, các chuyên gia giám khảo đã thẳng thắn đóng góp nhiều ý kiến chỉnh sửa xác đáng, mang tầm nhìn chiến lược và giàu tính xây dựng.

26 nét

HÁN VIỆT: Ý KIẾN

HSK 4

Danh từ

#517

艺术

yì shù

nghệ thuật

真正的伟大艺术源于对真实生活的深切体悟与提炼，具有跨越国界与时空的永恒精神感染力。

Zhēn zhèng de wēi dà yì shù yuán yú duì zhēn shí shēng huó de shēn qiè tǐ wù yǔ tí liàn, jù yǒu kuà yuè guó jiè yǔ shí kōng de yǒng héng jīng shén gǎn rǎn lì.

Nghệ thuật chân chính vĩ đại bắt nguồn từ sự chiêm nghiệm và đúc kết sâu sắc từ cuộc sống hiện thực, mang sức truyền cảm tinh thần trường tồn vượt qua mọi ranh giới quốc gia và thời gian.

25 nét

HÁN VIỆT: NGHỆ THUẬT

HSK 4

Liên từ

#518

因此

yīn cǐ

do đó, vì thế, cho nên

由于该新型锂电池采用了革命性的固态电解质技术，因此在能量密度与低温耐受性上实现了质的飞跃。

Yóu yú gāi xīn xíng lì diǎn chí cái yòng le gé mìng xíng de gù tài diàn jiě zhì jì shù, yīn cǐ zài néng liàng mì dù yǔ dī wēn nài shòu xìng shàng shí xiàn le zhì dì fēi yuè.

Nhờ loại pin lithium thế hệ mới này áp dụng công nghệ chất điện phân thể rắn mang tính cách mạng, do đó mật độ năng lượng và khả năng chịu nhiệt độ âm đã có bước nhảy vọt về chất.

20 nét

HÁN VIỆT: NHÂN THỦ

HSK 4

Danh từ

#519

引起

yǐn qǐ

gây ra, khơi gợi, thu hút (chú ý)

这篇揭示全球海洋微塑料生态污染严峻现状的深度调查报告，引起了联合国环保署的高度关注。

Zhè piān jiē shì quán qiú hǎi yáng wēi sù liào shēng tài wū rǎn yán jùn xiàn zhuàng de shēn dù diào chá bào gào, yǐn qǐ le lián hé guó huán bǎo shǔ de gāo dù guān zhù.

Bản báo cáo điều tra chuyên sâu vạch trần hiện trạng ô nhiễm sinh thái vi nhựa trong đại dương toàn cầu đã thu hút sự chú ý đặc biệt và quan ngại sâu sắc của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: DẪN KHỞI

HSK 4

Danh từ

#520

饮料

yǐn liào

đồ uống, nước giải khát

为了身体健康与控制糖分摄入，营养学家建议日常尽量多饮用开水与清茶，少喝高糖碳酸饮料。

Wèi le shēn tǐ jiàn kāng yǔ kòng zhì táng fēn shè rù, yíng yǎng xué jiā jiàn yì rì cháng jìn liàng duō yǐn yòng wēn kāi shuǐ yǔ qīng chá, shǎo hē gāo táng tàn suān yīn liào.

Vì sức khỏe và để kiểm soát lượng đường nạp vào cơ thể, các chuyên gia dinh dưỡng khuyến khích ta nên uống nhiều nước lọc ấm và trà thanh nhiệt, hạn chế các loại nước ngọt có gas nhiều đường.

21 nét

HÁN VIỆT: ẨM LIỆU


HSK 4

Danh từ

#521

印象

yìn xiàng
ấn tượng

他那谦逊有礼的绅士谈吐、扎实过硬的专业素养给在场所有面试官留下了极其深刻美好的第一印象。

Tā nà qiān xùn yǒu lǐ de shēn shì tán tǔ, zhā shí guò yìng de zhuān yè sù yǎng gěi zài chǎng suǒ yǒu miàn shì guān liú xià le jí qí shēn kè měi hǎo de dì yī yìn xiàng.

Phong thái nói chuyện lịch thiệp khiêm tốn cùng trình độ chuyên môn vững vàng của anh ấy đã để lại ấn tượng ban đầu vô cùng sâu sắc và tốt đẹp trong lòng tất cả các giám khảo phỏng vấn.

25 nét

 HÁN VIỆT : **ẤN TƯỢNG**
HSK 4

Động từ

#522

赢

yíng
thắng, giành thắng lợi, thu phục

在激烈的市场竞争中，只有依靠过硬的产品品质与真诚的售后服务才能真正赢得客户的长期信赖。

Zài jī liè de shì chǎng jìng zhēng zhōng, zhǐ yǒu yī kào guò yìng de chǎn pǐn pǐn zhì yǔ zhēn chéng de hòu fú wù cái néng zhēn zhèng yíng dé kè hù de cháng qī xìn lài.

Trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường, chỉ có dựa vào chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ hậu mãi tận tâm mới thực sự chiếm trọn được niềm tin lâu dài của khách hàng.

12 nét

 HÁN VIỆT : **DOANH**
HSK 4

Tính từ

#523

硬

yìng
cứng, đanh thép, kiên cường

这种新型航空级钛合金材料不仅质地轻盈，而且硬度极高、耐高温腐蚀性能卓越。

Zhè zhǒng xīn xíng háng kōng jí tǐ hé jīn cái liào bù jǐn质地轻盈, ér qiě yìng dù jí gāo, nài gāo wēn fú shí xìng néng zhùo yuè.

Loại vật liệu hợp kim titan chuẩn hàng không vũ trụ mới này không chỉ có trọng lượng nhẹ mà độ cứng lại cực kỳ cao, khả năng chịu nhiệt độ cao và chống ăn mòn siêu việt.

8 nét

 HÁN VIỆT : **NGẠNH**
HSK 4

Tính từ

#524

勇敢

yǒng gǎn
dũng cảm, quả cảm

真正的勇敢不是毫无畏惧，而是在看清生活的重重困难与真相后，依然坚定选择热爱生活并毅然前行。

Zhēn zhèng de yǒng gǎn bú shì háo wú wèi jù, ér shì zài kàn qīng shēng huó de chóng chóng kùn nán yǔ zhēn xiàng hòu, yī rán jiān dìng xuǎn zé rè ài shēng huó bìng yì rán qián xíng.

Sự dũng cảm thực sự không phải là không biết sợ hãi, mà là sau khi đã nhìn rõ muôn vàn khó khăn và chân tướng của cuộc đời nhưng vẫn kiên định chọn yêu thương cuộc sống và dũng cảm tiến lên.

23 nét

 HÁN VIỆT : **DŨNG CẢM**
HSK 4

Danh từ

#525

永远

yǒng yuǎn
mãi mãi, vĩnh viễn

那些为了国家繁荣富强与人民幸福安宁而英勇奉献青春热血的先贤们，将永远被历史与后人铭记。

Nà xiē wèi le guó jiā fán róng fù qiáng yǔ rén mín xīng fú ān níng ér yǐng yǒng fèng xiàn qīng chūn rè xuè de xiān liè men, jiāng yǒng yuǎn bèi lì shǐ yǔ hòu rén míng jì.

Những anh hùng liệt sĩ đã dũng cảm cống hiến tuổi xuân và máu xương vì sự phồn vinh hưng thịnh của đất nước và bình yên của nhân dân sẽ mãi mãi được lịch sử và hậu thế khắc ghi muôn đời.

22 nét

 HÁN VIỆT : **VĨNH VIỄN**
HSK 4

Danh từ

#526

优点

yōu diǎn
ưu điểm, điểm mạnh

在团队合作中，我们要学会善于发现并包容每个人的独特优点，实现优势互补、聚力共赢。

Zài tuán duì hé zuò zhōng, wǒ men yào xué huì shàn yú fā xiàn bìng bāo róng měi gè rén de dú tè yōu diǎn, shí xiàn yǒu shì hù bù, jù lì gòng yíng.

Trong làm việc nhóm, chúng ta cần học cách phát hiện và tôn vinh những ưu điểm độc đáo của từng cá nhân để tương hỗ bù đắp thế mạnh cho nhau, cùng chung sức gặt hái thành công.

23 nét

 HÁN VIỆT : **ƯU ĐIỂM**
HSK 4

Tính từ

#527

优秀

yōu xiù
xuất sắc, ưu tú

凭借在多项国家级重大科研攻关课题中的杰出贡献，该科研团队荣膺全国优秀青年科技先锋集体称号。

Píng jiè zài duō xiàng guó jiā jí zhòng dà kē yán gōng guān kè tí zhōng de jié chū gòng xiàn, gāi kē yán tuán duì róng yīng quán guó yōu xiù qīng nián kē jì xiān fēng jí tí chēng hào.

Nhờ những đóng góp xuất sắc trong nhiều đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp quốc gia, đội ngũ nghiên cứu đã vinh dự nhận danh hiệu Tập thể Tiên phong Khoa học Công nghệ Thanh niên Xuất sắc Toàn quốc.

24 nét

 HÁN VIỆT : **ƯU TÚ**
HSK 4

Tính từ

#528

幽默

yōu mò
hài hước

在面对复杂的挑战时，保持幽默的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí yōu mò de xīn tài yōu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái hài hước đặc biệt quan trọng.

21 nét

 HÁN VIỆT : **U MẶC**
HSK 4

Giới từ

#529

由

yóu
bởi

掌握好“由”的用法，能让中文表达更加自然地道。

Zhǎng wò hǎo “yóu” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “由” (bởi) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

14 nét

 HÁN VIỆT : **DO**



HSK 4

Liên từ

#530

由于
yóu yú

do, bởi vì, vì

由于受突发强对流暴雨天气影响，原定于今晚起飞的国际航班将推迟到明早出发。

Yóu yú shòu tū fā qiáng duì liú bào yǔ tiān qì yǐng xiǎng, yuán dìng yú jīn wǎn qǐ fēi de guó jì háng bān jiāng tuī chí dào míng zǎo chū fā.

Do ảnh hưởng của thời tiết mưa dông đối lưu cực đoan bất ngờ ập đến, chuyến bay quốc tế dự kiến cất cánh tối nay sẽ được lùi lại vào sáng sớm mai.

28 nét

HÁN VIỆT: DO VU

HSK 4

Phó từ

#531

尤其
yóu qí

đặc biệt

掌握好“尤其”的用法，能让中文表达更加自然地。

zhǎng wò hǎo “yóu qí” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “尤其” (đặc biệt) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: VUỒ KỲ

HSK 4

Tính từ

#532

有趣
yǒu qù

thú vị, hay ho, hấp dẫn

教授将枯燥深奥的理论知识巧妙融入生动有趣的历史故事中，使整个课堂充满了欢声笑语。

Jiào shòu jiāng kū zào shēn ào de lǐ lùn zhī shí qiǎo miào róng rù shēng dòng yǒu qù de lì shǐ gù shì zhōng, shǐ zhěng gè kè táng chōng mǎn le huān shēng xiào yǔ.

Giáo sư đã khéo léo lồng ghép những kiến thức lý thuyết khô khan sâu xa vào các câu chuyện lịch sử sinh động và thú vị, khiến cả giờ học ngập tràn tiếng cười rộn rã.

23 nét

HÁN VIỆT: HỮU THÚ

HSK 4

Tính từ

#533

友好
yǒu hǎo

hữu nghị, thân thiện

中国始终坚定不移地奉行独立自主的和平外交政策，积极同世界各国发展友好合作关系。

Zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dìng de bìng yǐ dī fèng xíng dú lì zì zhǔ de hé píng wài jiāo zhèng cè, jī jī tóng shì jiè gè guó fā zhǎn yǒu hǎo hé zuò guān xi.

Trung Quốc luôn kiên định thực thi chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, tích cực phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với tất cả các quốc gia trên thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT: HỮU HẢO

HSK 4

Danh từ

#534

友谊
yǒu yì

tình hữu nghị, tình bạn bè

历经数十载岁月风雨洗礼，两国人民之间休戚与共的深厚传统友谊历久弥坚、坚如磐石。

Lì jīng shù shí zài suì yuè fēng yǔ xǐ lǐ, liǎng guó rén mín zhī jiān xiū qī yǔ gòng de shēn hòu chuán tǒng yǒu yì lì jiǔ mí jiān, jiǎn rú pán shí.

Trải qua bao thăng trầm năm tháng và phong ba bão táp, tình hữu nghị truyền thống sâu đậm gắn bó keo sơn giữa nhân dân hai nước càng thêm bền chặt, vững như bàn thạch.

22 nét

HÁN VIỆT: HỮU NGHỊ

HSK 4

Tính từ

#535

愉快
yú kuài

vui vẻ, vui sướng, sảng khoái

非常荣幸能与各位业界顶尖专家深入交流，今天下午的学术研讨过得极其充实而愉快。

Fēi cháng róng xìng néng yǔ gè wèi yè jiè dǐng jiān chuyên gia sâu củng các chuyên gia hàng đầu trong ngành, buổi hội thảo học thuật chiều nay đã diễn ra vô cùng bổ ích và tràn ngập niềm vui.

Vô cùng vinh hạnh khi được giao lưu chuyên sâu cùng các chuyên gia hàng đầu trong ngành, buổi hội thảo học thuật chiều nay đã diễn ra vô cùng bổ ích và tràn ngập niềm vui.

27 nét

HÁN VIỆT: DU KHOÁI

HSK 4

Danh từ

#536

于是
yú shì

thế là, vì vậy, do đó

看到老旧街区公共文化设施严重匮乏，社区青年志愿者团队于是自发建起了一座公益阳光书屋。

Kàn dào lǎo jiù jiē qū gōng gòng wén huà shè shī yán zhòng kuì fá, shè qū qīng nián zhì yuàn zhě tuán duì yú shì zì fā jiàn qǐ le yí zuò gōng yì yáng guāng shū wū.

Nhận thấy khu dân cư cũ kỹ đang thiếu thốn nghiêm trọng các thiết chế văn hóa công cộng, đội thanh niên tình nguyện khu phố vì thế đã tự nguyện chung tay gây dựng nên một tủ sách khuyến đọc vì cộng đồng.

22 nét

HÁN VIỆT: VU THỊ

HSK 4

Liên từ

#537

与
yǔ

với

掌握好“与”的用法，能让中文表达更加自然地。

zhǎng wò hǎo “yǔ” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “与” (với) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

12 nét

HÁN VIỆT: DỮ

HSK 4

Danh từ

#538

语法
yǔ fǎ

ngữ pháp

学习汉语不仅要牢记生词，更要掌握核心句式语法规则，并在日常真实交际中灵活运用。

Xué xí hàn yǔ bù jìn yào lǎo jì shēng cí, gèng yào zhǎng wò hé xīn jù shì yǔ fǎ guī zé, bìng zài rì cháng zhēn shí jiāo jì zhōng líng huó yùn yòng.

Học tiếng Trung không chỉ cần ghi nhớ từ mới mà quan trọng hơn là phải nắm vững quy tắc ngữ pháp cấu trúc câu cốt lõi và vận dụng linh hoạt trong giao tiếp đời thường thực tế.

19 nét

HÁN VIỆT: NGỮ PHÁP



HSK 4

Danh từ

#539

语言

yǔ yán

ngôn ngữ, tiếng nói

语言不仅是人际沟通的思想载体，更是承载着一个民族悠久历史与独特哲学智慧的文化基因。

Yǔ yán bù jǐn shì rén jì gōu tōng de sī xiǎng zài tǐ, gèng shì chéng zài zhe yí gè mín zú yǒu jiǔ lì shǐ yǔ dǔ tè zhé xué zhì huì de wén huà jī yīn.

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện chuyên chở tư tưởng trong giao tiếp nhân sinh mà hơn thế nữa còn là mã gen văn hóa mang theo lịch sử lâu đời và trí tuệ triết học độc đáo của một dân tộc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : NGŨNGÔN

HSK 4

Danh từ

#540

羽毛球

yǔ máo qiú

môn cầu lông, quả cầu lông

打羽毛球是一项既能锻炼全身肌肉力量与敏捷反应，又能促进心肺耐力健康的优质有氧运动。

Dǎ yǔ máo qiú shì yí xiàng jī néng duàn liàn quán shēn jī ròu lì liàng yǔ mǐn jié fǎn yǐng, yòu néng cù jìn xīn fèi nài lì jiàn kāng de yǒu zhì yǒu yǎng yùn dòng.

Chơi cầu lông là một môn thể thao vận động toàn thân vừa giúp rèn luyện cơ bắp và phản xạ nhanh nhạy, vừa tăng cường sức bền tim phổi cực kỳ tốt cho sức khỏe.

📖 35 nét

HÁN VIỆT : VŨ MAO CẦU

HSK 4

Động từ

#541

预习

yù xí

xem trước bài, chuẩn bị bài trước

养成课前认真预习生词与重点语法例句的好习惯，能够让课堂听讲效率成倍提升。

Yǎng chéng kè qián rèn zhēn yù xí shēng cí yǔ zhòng diǎn yǔ fǎ lì jù de hào xí guān, néng gòu ràng kè táng tīng jiǎng xiào lǜ chéng bèi tí shēng.

Rèn luyện thói quen tốt chủ động soạn bài xem trước từ mới và các ví dụ ngữ pháp trọng tâm trước giờ lên lớp sẽ giúp nâng cao gấp bội hiệu quả tiếp thu bài giảng trên lớp.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : DỰ TẬP

HSK 4

Tính từ

#542

圆

yuán

tròn, hình tròn, viên mãn

中秋佳节的静谧夜空之中，一轮皎洁如玉盘的明亮大圆月高悬天际，寄托着万家团圆的美好祝愿。

Zhōng qiū jiā jié de jìng mì yè kōng zhī zhōng, yí lún jiǎo jié rú yù pán de míng liàng dà yuán yuè gāo xuán tiān jì, jì tuō zhe wàn jiā tuán yuán de měi hǎo qì yuàn.

Giữa vòm trời đêm tĩnh lặng của ngày Tết Trung thu, vầng trăng tròn vành vạnh trong veo tựa mâm ngọc treo cao nơi chân trời, gửi gắm ước nguyện sum vầy đoàn viên tốt lành của muôn nhà.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : VIÊN

HSK 4

Danh từ

#543

原来

yuán lái

hóa ra, vốn dĩ, ban đầu

经过深入现场调研排查，大家才恍然大悟：原来导致系统间歇性卡顿的根源是一处隐蔽的内存泄漏。

Jīng guò shēn rù xiàn chǎng diào yán pái chá, dà jiā cái huǎng rán dà wù: yuán lái dǎo zhì xì tǒng jiàn xiē xíng kǎ dùn de gēn yuán shì yí chù yǐn bì de nèi cún xiè lòu.

Sau khi tiến hành khảo sát rà soát thực tế chuyên sâu, mọi người mới vỡ lẽ: hóa ra căn nguyên khiến hệ thống thỉnh thoảng bị giật lag là do một lỗi rò rỉ bộ nhớ được ẩn giấu rất kỹ.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : NGUYÊN LAI

HSK 4

Danh từ

#544

原谅

yuán liàng

tha thứ, lượng thứ, tha lỗi

既然他已经真诚认识到了自己的失误并当面赔礼道歉，我们就应当宽宏大量地原谅他这一次。

Jì rán tā yǐ jīng zhēn chéng rèn shí dào le zì jǐ de shī wù bìng dāng miàn pèi lǐ dào qiàn, wǒ men jiù yīng dāng kuān hóng dà liàng de yuán liàng tā zhè yí cì.

Một khi bạn ấy đã thực sự nhận ra sai sót của mình và thẳng thắn nhận lỗi xin lỗi trực tiếp, chúng ta cũng nên rộng lượng thứ tha cho bạn ấy lần này.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : NGUYÊN LƯỢNG

HSK 4

Danh từ

#545

原因

yuán yīn

nguyên nhân, lý do

专家组正在对事故发生现场的黑匣子数据进行全面解码分析，以尽快查明飞机失事的真正原因。

Zhuān jiǎ zǔ zhèng zài duì shì gù fā shēng xiàn chǎng de hēi xiǎ zǐ shù jù jìn xíng quán miàn jiě mǎ fēn xī, yǐ jìn kuài chá míng fēi jī shī shì de zhēn zhèng yuán yīn.

Tổ chuyên gia đang tiến hành giải mã và phân tích toàn diện dữ liệu hộp đen tại hiện trường vụ việc nhằm nhanh chóng làm sáng tỏ nguyên nhân thực sự dẫn đến vụ tai nạn máy bay.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : NGUYÊN NHÂN

HSK 4

Danh từ

#546

约会

yuē huì

hẹn hò, cuộc hẹn

今晚是他和相恋三年的女友共进浪漫烛光晚餐的纪念日约会，他特意订了一桌娇艳欲滴的红玫瑰。

Jīn wǎn shì tā hé xiāng liàn sān nián de nǚ yǒu gòng jìn lǎng mǎn zhú guāng wǎn cān de jì niàn rì yuē huì, tā tè yì dìng le yí zhuō jiāo yàn yǔ dī de hóng méi guī.

Tối nay là buổi hẹn hò kỷ niệm bữa tối dưới ánh nến lãng mạn cùng bạn gái yêu nhau 3 năm, anh ấy đã đặc biệt đặt một bó hoa hồng đỏ tươi thắm.

📖 27 nét

HÁN VIỆT : YÊU HỘI

HSK 4

Động từ

#547

阅读

yuè dú

đọc, đọc sách, việc đọc

坚持每天阅读优秀的人文与科学经典名著，能够潜移默化地丰富我们的精神世界并提升认知格局。

Jiān chí měi tiān yuè dú yōu xiù de rén wén yǔ kē xué jīng diǎn míng zhù, néng gòu qiǎn mò huà dì fēng fù wǒ men de jīng shén shì jiè bìng tí shēng rèn zhī gé jú.

Kiên trì mỗi ngày đọc các tác phẩm kinh điển khoa học và nhân văn xuất sắc sẽ giúp bồi đắp thế giới tinh thần và nâng tầm tầm nhìn nhận thức của chúng ta một cách tự nhiên sâu sắc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : DUYỆT ĐẠU



HSK 4

Danh từ

#548

允许

yǔn xǔ

cho phép, thừa nhận

在进入国家级高等生物安全实验室前，未经任何管人员授权允许，严禁擅自带出任何实验样本。

Zài jìn rú guó jiā jí gāo děng shí shēng wù ān quán shí yàn shì qián, wèi jīng zhǔ rèn hé guǎn rén yuán shòu quán yǔn xǔ, yán jìn shàn zì dài chū rèn hé shí yàn yàng běn.

Trước khi bước vào phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp cao quốc gia, khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của người phụ trách, nghiêm cấm tuyệt đối mang bất kỳ mẫu vật nào ra ngoài.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: DẪN HỨA

HSK 4

Danh từ

#549

杂志

zá zhì

tạp chí, báo san

这本享誉全球的国际前沿科技学术杂志，每月都会刊发多篇由世界一流顶尖科学家撰写的重磅综述。

Zhè běn xiǎng yù quán qiú de guó jì qián yán kē jì xué shù zá zhì, měi yuè dū huì kǎn fā duō piān yóu shì jiè yì liú dīng jiān kē xué jiā zhuān xiě de zhòng bàng zōng shù.

Cuốn tạp chí học thuật công nghệ tiên phong lừng danh toàn cầu này hàng tháng đều xuất bản nhiều bài tổng quan chuyên sâu do các nhà khoa học hàng đầu thế giới chấp bút.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TẠP CHÍ

HSK 4

Danh từ

#550

咱们

zán men

chúng ta, chúng mình (bao gồm cả người nghe)

时间紧迫、任务艰巨，咱们大家一定要齐心协力、通力合作，争取在下周一前提前完成系统交付。

Shí jiān jǐn pò, rèn wù jiǎn jù, zán men dà jiā yí dìng yào qí xīn xié lì, tōng lì hé zuò, zhēng qǔ zài xià zhōu yì qián tí qián wán chéng xì tǒng jiāo fù.

Thời gian gấp gáp, nhiệm vụ lại vô cùng nặng nề, chúng mình nhất định phải chung sức đồng lòng, phối hợp nhịp nhàng để phần đầu bản giao hệ thống trước thứ Hai tuần sau.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TA MÔN

HSK 4

Danh từ

#551

暂时

zàn shí

tạm thời, chốc lát

遇到技术攻关难题时可以将暂时将思路放空片刻，出去散散步换个心情，往往能激发意想不到的新灵感。

Yù dào jì shù gōng guān nán tí shí kě yǐ zàn shí jiāng sī lù fàng kōng piàn kè, chū qù sǎn sǎn bù huàn gē xīn qíng, wǎng wǎng néng jī fā yì xiǎng bù dào de xīn líng gǎn.

Khi gặp phải bài toán kỹ thuật hóc búa, bạn có thể tạm thời để đầu óc thư giãn đôi chút, ra ngoài đi dạo đổi gió, điều đó thường sẽ khơi dậy những nguồn cảm hứng mới mẻ bất ngờ.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: TẠM THỜI

HSK 4

Tính từ

#552

脏

zāng

dơ bẩn

在面对复杂的挑战时，保持脏的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zāng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái dơ bẩn đặc biệt quan trọng.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: TANG

HSK 4

Danh từ

#553

责任

zé rèn

trách nhiệm, nghĩa vụ

保护绿水青山、守护地球家园，是当代人类对子孙后代生存发展必须肩负起的重大历史责任。

Bǎo hù lǜ shuǐ qīng shān, shǒu hù dì qiú jiā yuán, shì dāng dài rén lèi duì zǐ sūn hòu dài shēng cún fā zhǎn bì xū jiān fù qǐ de zhòng dà lì shǐ zé rèn.

Bảo vệ non xanh nước biếc, giữ gìn ngôi nhà chung Trái Đất là trách nhiệm lịch sử lớn lao mà thế hệ hôm nay phải gánh vác vì sự sinh tồn và phát triển của muôn đời sau.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TRÁCH NHÂM

HSK 4

Danh từ

#554

增加

zēng jiā

tăng lên, gia tăng, bổ sung

企业通过持续加大研发投入与引进国际拔尖人才，核心专利拥有量实现了显著增加。

Qǐ yè tōng guò chí xù jiā dà yán fā zī jīn tóu rù yǔ yǐn jìn guó jì bā jiān rén cái, hé xīn zhuān lì yǒng yǒu liàng shí xiàn le xiǎn zhù zēng jiā.

Doanh nghiệp thông qua việc liên tục tăng cường rót vốn đầu tư cho R&D và thu hút nhân tài xuất chúng quốc tế đã giúp số lượng bằng sáng chế độc quyền cốt lõi tăng lên rõ rệt.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: TĂNG GIA

HSK 4

Danh từ

#555

增长

zēng zhǎng

tăng trưởng, mở mang, nâng cao

读万卷书不如行万里路，广泛的跨国游学与社会实践能够极大增长青年学子的见识与阅历。

Dú wàn juǎn shū bù rú xíng wàn lǐ lù, guǎng fàn de kuà guó yóu xué yǔ shè huì shí jiàn néng gòu jí dà zēng zhǎng qīng nián xué zǐ de jiàn shí yǔ yuè lì.

Đọc vạn cuốn sách không bằng đi vạn dặm đường, những chuyến du học trải nghiệm quốc tế và hoạt động thực tế xã hội sâu rộng sẽ giúp các bạn trẻ mở mang và tích lũy thêm vô vàn vốn sống, hiểu biết.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TĂNG TRƯỞNG

HSK 4

Tính từ

#556

窄

zhǎi

hẹp, chật hẹp, eo hẹp

穿过古镇那条青石板铺就的幽静窄巷，眼前豁然开朗，呈现出一片开阔秀丽的湖光山色。

Chuān guò gǔ zhèn nà tiáo qīng shí bǎn pū jiù de yōu jìng zhǎi xiàng, yǎn qián huò rán kāi lǎng, chéng xiàn chū yí piàn kāi kuò xiù lì de hú guāng shān sè.

Băng qua con hẻm nhỏ hẹp yên tĩnh lát đá xanh của thị trấn cổ, trước mắt bỗng mở ra một khung cảnh sông nước núi non bao la khoáng đạt tuyệt đẹp.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: TRÁCH



HSK 4

Danh từ

#557

招聘

zhāo pìn

tuyển dụng, chiêu mộ

为满足集团全球化业务飞速拓展的用人需求，公司人力资源部启动了面向全球知名学府的春季校园招聘。

Wèi mǎn zú jí tuán quán qiú huà yè wù fēi sù tuò zhǎn de yòng rén xū qiú, gōng sī rén lì zī yuán bù qǐ dòng le miàn xiàng quán qiú zhī míng xué fú de chūn jì xué yuán zhāo pìn.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự cho đà mở rộng kinh doanh toàn cầu thần tốc của tập đoàn, Phòng Nhân sự công ty đã khởi động đợt tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp mùa xuân tại các trường đại học danh tiếng thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT: CHIÊU SINH

HSK 4

Danh từ

#558

真正

zhēn zhèng

chân chính, thực sự, đích thực

真正的强者从来不是没有眼泪与软弱，而是在含着眼泪依然选择坚定奔跑、永不言弃。

Zhēn zhèng de qiáng zhě cóng lái bú shì méi yǎn lèi yǔ ruǎn ruò, ér shì zài hán zhuó yǎn lèi yǐ rán xuǎn zé jiǎn dìng bēn pǎo, yǒng bú yán qì.

Người thực sự mạnh mẽ chưa bao giờ là người không có những giọt nước mắt hay giây phút yếu lòng, mà là người dẫu trong khó khăn ngăn lệ vẫn kiên cường sải bước chạy về phía trước, không bao giờ bỏ cuộc.

21 nét

HÁN VIỆT: CHÂN CHÍNH

HSK 4

Danh từ

#559

整理

zhěng lǐ

chỉnh lý, thu dọn, sắp xếp

每天下班前花十分钟整理好办公桌面与分类归档电子文档，能让第二天的工作井然有序、高效推进。

Měi tiān xià bān qián huā shí fēn zhōng zhěng lǐ hǎo bàn gōng zhuō miàn yǔ fēn lèi guī dǎng diàn zì wén dǎng, néng ràng dì èr tiān de gōng zuò jìng rán yǒu xù, gāo xiào tuī jìn.

Mỗi ngày trước khi tan sở dành ra 10 phút dọn dẹp ngăn nắp bàn làm việc và phân loại lưu trữ hồ sơ tài liệu điện tử sẽ giúp công việc của ngày hôm sau diễn ra trật tự, năng suất và hiệu quả.

19 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH LÝ

HSK 4

Danh từ

#560

整齐

zhěng qí

ngay ngắn, đều đặn, tề chỉnh

阅兵方队迈着铿锵有力、整齐划一的步伐通过天安门广场，展现了威武之师的磅礴气概。

Yuè bīng fāng duì mài zhe kēng qiāng yǒu lì, zhěng qí huà yí de bù fá tóng guò tiān ān mén guǎng chǎng, zhǎn xiàn le wēi wǔ zhī shī de páng bó qì gài.

Các khối diễu binh rảo bước rộn rã, đội hình tề chỉnh đều tăm tắp tiến qua Quảng trường Thiên An Môn, thể hiện khí thế hào hùng ngút trời của đoàn quân hùng dũng.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH TẾ

HSK 4

Tính từ

#561

正常

zhèng cháng

bình thường

在面对复杂的挑战时，保持正常的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zhèng cháng de xīn tài yóu wéi zhòng yào. Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái bình thường đặc biệt quan trọng.

23 nét

HÁN VIỆT: CHINH THƯỜNG

HSK 4

Danh từ

#562

正好

zhèng hǎo

vừa đúng, đúng lúc, vừa vặn

今天我刚好路过母校附近，正好碰见多年未见的高中同窗好友，真是太巧了！

Jīn tiān wǒ gāng hǎo lù guò mǔ xiào fù jìn, zhèng hǎo pèng jiàn duō nián wèi jiàn de gāo zhōng tóng chuāng hǎo yǒu, zhēn shì tài qiǎo le!

Hôm nay mình vừa hay có việc đi ngang qua gần trường xưa, đúng lúc lại tình cờ gặp lại người bạn thân thời cấp 3 gần bó nhiều năm chưa gặp, quả thực là trùng hợp vô cùng!

23 nét

HÁN VIỆT: CHINH HẢO

HSK 4

Tính từ

#563

正确

zhèng què

chính xác, đúng đắn

在人生的关键十字路口，树立正确的价值观与职业发展观能够指引我们做出最无悔的抉择。

Zài rén shēng de guān jiàn shí zì lù kǒu, shù lì zhèng què de jià zhí guān yǔ zhí yè fā zhǎn guān néng gōu zhǐ yǐn wǒ men zuò chū zuì wú huǐ de jué zé.

Đứng trước những khúc ngoặt ngã rẽ quan trọng của cuộc đời, việc gây dựng hệ giá trị và nhân sinh quan đúng đắn sẽ dẫn đường chỉ lối giúp chúng ta đưa ra những quyết định không bao giờ phải hối tiếc.

20 nét

HÁN VIỆT: CHINH XÁC

HSK 4

Danh từ

#564

正式

zhèng shì

chính thức, trang trọng

经过多轮严密论证与高层签署，该项具有里程碑意义的跨国战略合作项目今天在人民大会堂正式启动。

Jīng guò duō lún yán mì lùn zhèng yǔ gāo céng qiān shǔ, gāi xiàng jǔ yǒu lì chéng bēi yì yì de kuà guó zhàn lüè hé zé zuò xiàng mǔ jīn tiān zài rén mín dà huì táng zhèng shì qǐ dòng.

Sau nhiều vòng thẩm định nghiêm cẩn và được lãnh đạo cấp cao ký kết, dự án hợp tác chiến lược xuyên quốc gia mang ý nghĩa cột mốc lịch sử này hôm nay đã chính thức được khởi động tại Đại lễ đường Nhân dân.

21 nét

HÁN VIỆT: CHINH THỨC

HSK 4

Danh từ

#565

证明

zhèng míng

chứng minh, bằng chứng, giấy chứng nhận

经过国内外数十家顶级科研实验室的多中心独立复现，充分证明了该新药化合物的卓越疗效与安全性。

Jīng guò guó nèi wài shù shí jiā dǐng jí yán shí yàn shì de duō zhōng xīn dú lì fù xiàn, chōng fèn zhèng míng liǎo gāi xīn yào huà hé wù de zhuó yuè liáo xiào yǔ ān quán xìng.

Sau khi được hàng chục phòng thí nghiệm khoa học hàng đầu trong và ngoài nước tiến hành lặp lại thử nghiệm độc lập đa trung tâm, đã chứng minh đầy đủ hiệu quả điều trị vượt trội và tính an toàn của hợp chất tân dược này.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỨNG MINH



HSK 4

Động từ

#566

之
zhī

của (trợ từ kết cấu); nó/người đó
(đại từ)

千里之行，始于足下；任何伟大的理想与宏伟的事业都必须从眼前的点滴积累做起。
Qiān lǐ zhī xíng, shǐ yú zú xià; rēn hé wēi dà de lǐ xiǎng yǔ hóng wēi de shì yè dōu bì xū cóng yǎn qián de diǎn dī jī lěi zuò qǐ.
Hành trình ngàn dặm bắt đầu từ một bước chân; bất kỳ ước mơ vĩ đại hay sự nghiệp huy hoàng nào cũng đều phải bắt đầu tích lũy từ những việc nhỏ bé nhất trước mắt.

10 nét

HÁN VIỆT: CHI

HSK 4

Danh từ

#567

支持
zhī chí

ủng hộ, hỗ trợ, nâng đỡ

国家出台了一系列强有力的税收优惠与财政补贴政策，全方位大力支持专精特新中小企业创新发展。
Guó jiā chū tái le yī xì liè qiáng yǒu lì de shuì shōu yōu huì yǔ cái zhèng bǔ tiē zhèng cè, quán fāng wèi dà lì zhī chí zhuan jing te xiao xing zhong xiao qi ye chuàng xīn fā zhǎn.
Nhà nước đã ban hành chuỗi chính sách ưu đãi thuế và trợ cấp tài chính mạnh mẽ nhằm hỗ trợ toàn diện và đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo, phát triển chuyên sâu.

24 nét

HÁN VIỆT: CHI TRÌ

HSK 4

Danh từ

#568

知识
zhī shì

kiến thức, tri thức

书籍是人类进步的阶梯，汲取广博深厚的人文与科学知识能够让我们的精神世界变得无比充盈广阔。
Shū jí shì rén lèi jìn bù de jiē tī, jí qǔ guāng bó shēn hòu de rén wén yǔ kē xué zhī shì néng gòu ràng wǒ men de jīng shén shì jiè biàn dé wú bǐ chōng yíng guāng kuò.
Sách vở là nấc thang tiến bộ của loài người, việc hấp thu tri thức khoa học và nhân văn uyên thâm sâu rộng sẽ khiến thế giới tinh thần của chúng ta trở nên vô cùng phong phú và khoáng đạt.

26 nét

HÁN VIỆT: TRI THỨC

HSK 4

Danh từ

#569

直接
zhí jiē

trực tiếp, thẳng thắn

在高效务实的现代团队沟通中，开门见山、直接聚焦核心问题往往能够大幅降低沟通协作成本。
Zài gāo xiào wù shí de xiàn dài tuán duì gōu tōng zhōng, kāi mén jiàn shān, zhí jiē jiù jiāo hé xīn wèn tí wǎng wǎng néng gòu dà fú jiàng dī gōu tōng xié zuò chéng běn.
Trong giao tiếp làm việc nhóm hiện đại mang tính hiệu quả và thực tế, việc đi thẳng vào vấn đề và tập trung trực tiếp vào điểm cốt lõi thường sẽ giúp giảm thiểu đáng kể chi phí trao đổi, phối hợp.

19 nét

HÁN VIỆT: TRỰC TIẾP

HSK 4

Danh từ

#570

值得
zhí de

xứng đáng, đáng giá

这部深刻揭示人性光辉与社会变迁的高分经典纪录片构思精巧、感人至深，非常值得反复细细品味。
Zhè bù shēn kè jiē shì rén xìng guāng huī yǔ shè huì biàn qiān de gāo fēn jīng diǎn jì lù piàn gòu sī jīng qiǎo, gǎn rén zhì shēn, fēi cháng zhí de fǎn fù xì xī pǐn wèi.
Bộ phim tài liệu kinh điển điểm cao phản ánh sâu sắc ánh sáng nhân tính cùng sự đổi thay của xã hội này có ý tứ dàn dựng công phu, xúc động lòng người, rất đáng để xem đi xem lại và chiêm nghiệm sâu sắc.

24 nét

HÁN VIỆT: TRỊ ĐẮC

HSK 4

Danh từ

#571

职业
zhí yè

nghề nghiệp, chuyên nghiệp, sự nghiệp

无论从事何种具体的行业与职业，恪尽职守、精益求精的工匠精神永远是立足职场的崇高准则。
Wú lùn cóng shì hé zhǒng jù tǐ de háng yè yǔ zhí yè, kè jìn zhí shǒu, jīng yì qiú jīng de gōng jiàng jīng shén yōng yuǎn shì lì zú zhí chǎng de chóng gāo zhǔn zé.
Bất luận làm việc trong ngành nghề hay vị trí công việc cụ thể nào, tinh thần người thợ tận tụy với nghề và luôn cầu tiến hoàn hảo mãi mãi là chuẩn mực cao quý để đứng vững nơi công sở.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỨC NGHIỆP

HSK 4

Danh từ

#572

植物
zhí wù

thực vật, cây cỏ

国家植物园温室大棚内集中保护与科学培育着数千种珍稀濒危野生植物，是生态科普的重要基地。
Guó jiā zhí wù yuán wēn shì dà péng nèi jí zhōng bǎo hù yǔ kē xué péi yù zhāo shù qiǎn zhǒng zhēn xī bīn wēi yē shēng zhí wù, shì shēng tài kē pǔ de zhòng yào jī dì.
Bên trong khu nhà kính của Vườn Thực vật Quốc gia đang bảo tồn tập trung và ươm trồng khoa học hàng nghìn loài thực vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, là căn cứ quan trọng về phổ biến kiến thức sinh thái.

23 nét

HÁN VIỆT: THỰC VẬT

HSK 4

Động từ

#573

指
zhǐ

tham khảo

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地指。
zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gēng hǎo dì zhǐ.
Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách tham khảo một cách tốt hơn.

12 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 4

Danh từ

#574

只好
zhǐ hǎo

đành phải, đành

由于下班途中突降特大暴雨且道路积水严重，他只好暂时在路边的咖啡馆里躲雨避。
Yóu yú xià bān tú zhōng tū jiàng tè dà bào yǔ jī shuǐ yán zhòng, tā zhǐ hǎo zàn shí zài lù biān de kā fēi guǎn lǐ duǒ yǔ bì xiǎn.
Do trên đường tan sở bất ngờ có mưa to như trút nước và đường sá ngập sâu, anh ấy đành phải ghé tạm vào quán cà phê ven đường để trú mưa lánh nạn.

27 nét

HÁN VIỆT: CHỈ HẢO



HSK 4

Liên từ

#575

只要

zhǐ yào

miễn là

掌握好“只要”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo "zhǐ yào" de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “只要” (miễn là) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

27 nét

HÁN VIỆT: CHỈ YÊU

HSK 4

Danh từ

#576

制造

zhì zào

chế tạo, sản xuất, tạo ra

从“中国制造”跨越迈向“中国创造”，自主高端智能制造装备正在成为支撑实体经济高质量发展的脊梁。

Cóng "zhōng guó zhì zào" kuà yuè mài xiàng "zhōng guó chuàng zào", zì zhǔ gāo duān zhì néng zhì zào zhuāng bèi zhèng zài chéng wéi zhī chēng shí tí jīng jì gāo zhì liàng fā zhǎn de jǐ liáng.

Từ bước nhảy vọt 'Made in China' vươn tới 'Sáng tạo tại Trung Quốc', trang thiết bị chế tạo thông minh cao cấp tự chủ đang trở thành rường cột vững chắc nâng đỡ nền kinh tế thực thể phát triển chất lượng cao.

26 nét

HÁN VIỆT: CHẾ TẠO

HSK 4

Danh từ

#577

至少

zhì shǎo

ít nhất, tối thiểu

想要熟练掌握一门外语的日常交流与专业阅读，每天至少需要保证投入两小时的专注沉浸练习。

Xiǎng yào shú liàn zhǎng wò yí mén wài yǔ de rì cháng jiāo liú yǔ yuē dú, měi tiān zhì shǎo xū yào bǎo zhèng tóu rù liǎng xiǎo shí de zhuān zhù chén jìn liàn xí.

Muốn thành thạo giao tiếp đời thường và đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng một ngoại ngữ, mỗi ngày bạn cần đảm bảo dành ra ít nhất 2 tiếng đồng hồ luyện tập tập trung và đắm chìm.

19 nét

HÁN VIỆT: CHÍ THIỂU

HSK 4

Danh từ

#578

质量

zhì liàng

chất lượng, khối lượng (vật lý)

工程质量是百年大计与安全红线，所有施工环节必须严格按照国际最高行业标准严格把关检验。

Gōng chéng zhì liàng shì bǎi nián dà jì yǔ ān quán hóng xiàn, suǒ yǒu shì gōng huán jié bì xū yán gé àn zhào guó jì zuì gāo háng yè biāo zhǔn yán gé bǎ guān jiǎn yàn.

Chất lượng công trình là quốc sách trăm năm và lần ranh đỏ về an toàn, toàn bộ các khâu thi công đều phải được kiểm tra sát sao theo đúng tiêu chuẩn ngành cao nhất thế giới.

21 nét

HÁN VIỆT: CHẤT LƯỢNG

HSK 4

Danh từ

#579

中文

Zhōng wén

tiếng Trung, văn tự tiếng Hán

学习中文不仅能让你领略中华五千年璀璨博大的文明之美，更能为你打开通往广阔国际机遇的大门。

Xué xí zhōng wén bù jìn néng ràng nǐ lǐng lüè Zhōng huá wǔ qiān nián cuǐ càn bó dà de wén míng zhī měi, gèng néng wéi nǐ dǎ kāi tōng wǎng guǎng kuò guó jì jī yù de dà mén.

Học tiếng Trung không chỉ giúp bạn thưởng thức trọn vẹn vẻ đẹp rực rỡ uyên bác của nền văn minh 5.000 năm lịch sử Trung Hoa mà còn mở toang cánh cửa dẫn tới vô vàn cơ hội quốc tế rộng mở.

16 nét

HÁN VIỆT: TRUNG VĂN

HSK 4

Danh từ

#580

重点

zhòng diǎn

trọng điểm, trọng tâm, điểm mấu chốt

本阶段系统重构的技术攻关重点在于全面优化底层数据库查询索引与分布式微服务并发性能。

Běn jiē duàn xì tǒng zhòng gòu de jì shù gōng guān zhòng diǎn zài yú quán miàn yōu huà dì céng shù jù kù chá xún sù yǐn yǔ fēn bù shì wēi fú wù bìng fā xíng néng.

Trọng tâm đột phá kỹ thuật trong giai đoạn tái cấu trúc hệ thống này nằm ở việc tối ưu hóa toàn diện chỉ mục truy vấn cơ sở dữ liệu tầng dưới và hiệu năng xử lý đồng thời của vi dịch vụ phân tán.

20 nét

HÁN VIỆT: TRỌNG ĐIỂM

HSK 4

Danh từ

#581

重视

zhòng shì

coi trọng, chú trọng, xem trọng

现代卓越企业高度重视青年科研技术人才的早期培养与职业成长通道建设。

Xiàn dài zhuó yuè qī yè gāo dù zhòng shì qīng nián kē yán jì shù rén cái de zǎo qī péi yǎng yǔ zhí yè chéng zhǎng tōng dào jiàn shè.

Các doanh nghiệp xuất sắc hiện đại coi trọng đặc biệt công tác đào tạo sớm và xây dựng lộ trình thăng tiến sự nghiệp cho đội ngũ nhân tài nghiên cứu khoa học công nghệ trẻ.

21 nét

HÁN VIỆT: TRỌNG THỊ

HSK 4

Danh từ

#582

周围

zhōu wéi

xung quanh, phụ cận

这座依山傍水的中式古典园林周围绿树环抱、碧水潺潺，环境优雅静谧、宛如世外桃源。

Zhè yuàn yī shān bàng shuǐ de zhōng shì gǔ diǎn yuán lín zhōu wéi lǜ shù huán bào, bì shuǐ chán chán, huán jìng yōu yǎ jìng mì, wǎn rú shì wài táo yuán.

Xung quanh khu vườn cổ điển Trung Hoa tựa núi nhìn sông này rợp bóng cây xanh, dòng nước trong veo róc rách chảy, không gian thanh tao tĩnh lặng tựa chốn đảo nguyên tiên cảnh.

22 nét

HÁN VIỆT: CHU VI

HSK 4

Danh từ

#583

猪

zhū

con lợn, con heo

现代生态智慧养殖场采用恒温自动化环控系统，为小生猪提供了洁净卫生、健康适宜的生长环境。

Xiàn dài shēng tài zhì huì yǎng zhāng chǎng cǎi yòng héng wēn zì dòng huà huán kòng xì tǒng, wéi xiǎo shēng zhū tí gòng le jié jìng wèi shēng, jiàn kāng shí yì de shēng zhǎng huán jìng.

Trang trại chăn nuôi thông minh sinh thái hiện đại áp dụng hệ thống kiểm soát môi trường nhiệt độ tự động, mang đến môi trường sinh trưởng sạch sẽ, vệ sinh và thích hợp cho đàn lợn con.

13 nét

HÁN VIỆT: TRƯ



HSK 4

Phó từ

#584

逐渐

zhú jiàn

dần dần, từ từ, từng bước

随着清晨红日缓缓跃出东方的地平线，笼罩在大地山川之上的薄薄晨雾逐渐消散开来。

Suí zhe qīng chén hóng rì huǎn huǎn yuè chū dōng fāng de dì píng xiàn, lǒng zhào zài dà dì shān chuān zhī shàng de báo báo chén wù zhú jiàn xiāo sǎn kāi lái.

Cùng với vầng thái dương đỏ rực từ từ nhô lên từ phía đường chân trời đằng đông, lớp sương sớm mỏng manh phủ trên đồi núi và đất mẹ dần dần tan biến đi.

21 nét

HÁN VIỆT: TRỰC TIÊM

HSK 4

Phó từ

#585

主动

zhǔ dòng

Hãy chủ động

掌握好“主动”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “zhǔ dòng” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “主动” (Hãy chủ động) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỦ ĐỘNG

HSK 4

Danh từ

#586

主意

zhǔ yì

chủ ý, ý kiến, ý tưởng, sáng kiến

在大家为复杂的系统架构升级方案一筹莫展时，资深架构师李工提出了一个令人眼前一亮的好主意。

Zài dà jiā wéi fù zá de xì tǒng jià gòu shēng jí fāng àn yī chóu mò zhǎn shí, zī shēn jià gòu shī lǐ gōng tí chū le yí gè lìng rén yǎn qián yí liàng de hǎo zhǔ yì.

Trong lúc mọi người đang lúng túng chưa tìm ra hướng nâng cấp kiến trúc hệ thống phức tạp, kỹ sư trưởng giàu kinh nghiệm – anh Lý đã đưa ra một sáng kiến hay khiến ai nấy đều trầm trồ tâm đắc.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỦ Ý

HSK 4

Danh từ

#587

祝贺

zhù hè

chúc mừng, chúc tụng

衷心祝贺由我国自主设计建造的国产大型民用客机圆满完成首航，向全体航空人致以崇高敬意！

Zhōng xīn zhù hè yóu wǒ guó zì zhǔ shè jì jiàn zào de guó chǎn dà xíng mǐn yòng kè jī chuán wán chéng shǒu háng, xiàng quán tǐ háng kōng rén zhī yǐ chóng gāo jìng yì!

Chân thành chúc mừng chiếc máy bay chở khách dân dụng cỡ lớn do nước ta tự chủ thiết kế và chế tạo đã hoàn thành xuất sắc chuyến bay thương mại đầu tiên, xin gửi lời tri ân sâu sắc tới toàn thể người làm ngành hàng không!

25 nét

HÁN VIỆT: CHÚC HẠ

HSK 4

Tính từ

#588

著名

zhù míng

nổi tiếng

在面对复杂的挑战时，保持著名的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zhù míng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái nổi tiếng đặc biệt quan trọng.

28 nét

HÁN VIỆT: TRƯỚC DANH

HSK 4

Danh từ

#589

专门

zhuān mén

chuyên môn, đặc biệt, chuyên biệt

为了全方位保障本届国际博览会的顺畅运行，主办方专门成立了应急处置与多语种涉外服务工作专班。

Wèi le quán fāng wèi bǎo zhàng běn jiè guó jì bó lǎn huì de shùn chàng yùn xíng, zhǔ bàn fāng zhuān mén chéng lì le yǐng jí chǔ zhì yǔ duō yǔ zhǒng shè wài fú wù gōng zuò zhuān bān.

Nhằm đảm bảo toàn diện cho Hội chợ Triển lãm Quốc tế diễn ra trơn tru thuận lợi, ban tổ chức đã đặc biệt thành lập tổ công tác chuyên trách xử lý khẩn cấp và dịch vụ đa ngôn ngữ đối ngoại.

20 nét

HÁN VIỆT: CHUYÊN MÔN

HSK 4

Danh từ

#590

专业

zhuān yè

chuyên ngành, chuyên môn, chuyên nghiệp

无论是从事前沿科学研究还是工程技术开发，扎实的跨学科专业功底都是取得卓越突破的基石。

Wú lùn shì cóng shì qián yán kē xué yán jiū hái shì gōng chéng jì shù kāi fā, zhā shí shēn hòu de kuà xué kē zhuān yè gōng dī dōu shì qǔ dé zhuó yuè tú pò de jī shí.

Bất luận làm nghiên cứu khoa học mũi nhọn hay phát triển kỹ thuật công trình, nền tảng chuyên môn liên ngành sâu dày và vững chắc luôn là viên đá tảng để gặt hái những bước đột phá phi thường.

20 nét

HÁN VIỆT: CHUYÊN NGHIỆP

HSK 4

Danh từ

#591

赚

zhuàn

kiếm (tiền), sinh lời

依靠诚信经营与过硬产品品质赢得市场的长期信赖，是企业赚取合理商业利润的阳光正道。

Yī kào chéng xìn jīng yíng yǔ guò yìng chǎn pǐn pīn pín zhì yíng dé shì chāng de cháng qī xìn lài, shì qī yè zhuàn qǔ hé lǐ shāng yè lì rùn de yáng guāng zhèng dào.

Dựa vào kinh doanh bằng chữ tín và chất lượng sản phẩm vượt trội để chiếm trọn niềm tin lâu dài của thị trường chính là con đường chân chính và bền vững nhất để doanh nghiệp kiếm được lợi nhuận thương mại xứng đáng.

11 nét

HÁN VIỆT: TRÁM

HSK 4

Động từ

#592

撞

zhuàng

đánh

老师鼓励大家积极撞，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhuàng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đánh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: TRÀNG



HSK 4

Tính từ

#593

准确

zhǔn què

chuẩn xác, chính xác

在实时气象卫星遥感预警与台风路径模拟推演中，精准准确的各项数值计算关乎万千民众的生命财产安全。

Zài shí shí qì xiàng wéi yǎng yáo gǎn yú fēng yú tái fēng lù jīng mó nǐ tuí yǎn zhōng, jīng zhǔn zhǔn què de gè xiàng shù zhí jì suàn guān hū wàn qiān mǐn zhòng de shēng mìng cái chǎn ān quán.

Trong công tác cảnh báo viễn thám vệ tinh khí tượng thời gian thực và mô phỏng đường đi của bão, các phép tính toán số liệu chuẩn xác tuyệt đối liên quan mật thiết tới an toàn tính mạng và tài sản của hàng vạn người dân.

22 nét

HÁN VIỆT: CHUẨN XÁC

HSK 4

Danh từ

#594

准时

zhǔn shí

đúng giờ, đúng hẹn

乘坐准点率极高的高速复兴号动车组，列车分秒不差、极其准时地平稳驶入了北京南站站台。

Chéng zuò zhǔn diǎn lǜ jí gāo de gāo sù fù xīng hào dòng chē zǔ, liè chē fēn miǎo bù chà, jí qí zhǔn shí dì píng wěn shǐ rù le běi jīng nán zhàn zhàn tái.

Đi đoàn tàu cao tốc Fuxing với độ đúng giờ siêu cao, đoàn tàu không sai lệch một giây một phút nào, cực kỳ đúng giờ và êm ái tiến vào sân ga Ga Nam Bắc Kinh.

26 nét

HÁN VIỆT: CHUẨN THỜI

HSK 4

Danh từ

#595

仔细

zǐ xì

cẩn thận, tỉ mỉ, kỹ càng

在正式提交重大科研基金申请书之前，项目负责人必须逐字逐句仔细核对预算明细与论证方案。

Zài zhèng shì tí jiāo zhòng dà kē yán jī jīn shēn qǐng shū zhǐ zhī qiǎn, xiàng mù fù zé rén bì xū zhǔ zì zhǔ jù zǐ xì hē dui yǔ suàn míng xì yǔ lùn zhèng fāng àn.

Trước khi chính thức nộp hồ sơ xin tài trợ quỹ khoa học trọng điểm, người chủ nhiệm đề tài nhất thiết phải kiểm tra rà soát tỉ mỉ từng câu từng chữ về dự toán chi tiết cùng thuyết minh phương án.

24 nét

HÁN VIỆT: TỈ TẾ

HSK 4

Danh từ

#596

自然

zì rán

tự nhiên, giới tự nhiên, đương nhiên

人与自然是休戚与共的生命共同体，尊重自然、顺应自然与保护自然是实现人类可持续发展的根本之道。

Rén yǔ zì rán shì xiū qī yǔ gòng de shēng mìng gòng tóng tǐ, zūn zhòng zì rán, shùn yīng zì rán yǔ bǎo hù zì rán shì shí xiǎn rén lèi kě chí xù fā zhǎn de gēn běn zhī dào.

Con người và giới tự nhiên là cộng đồng sinh mệnh gắn bó keo sơn, biết tôn trọng tự nhiên, thuận theo tự nhiên và bảo vệ tự nhiên là con đường căn bản để hiện thực hóa sự phát triển bền vững của nhân loại.

19 nét

HÁN VIỆT: TỰ NHIÊN

HSK 4

Danh từ

#597

总结

zǒng jié

tổng kết, đúc kết, tóm tắt

每次阶段性工程攻坚告一段落后，团队都会及时召开复盘总结大会，提炼成功经验并查找不足。

Měi cì jiē duàn xíng gōng chéng gōng jiǎn gào yí duàn hòu, tuánduì dū duì huì jí shí zhào kāi fù pán zǒng jié dà huì, tí liǎn chéng gōng jīng yàn bìng chá zhǎo bù zú.

Sau mỗi khi một giai đoạn công trình then chốt kết thúc, nhóm đều kịp thời tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá để đúc kết những kinh nghiệm thành công và tìm ra những điểm còn hạn chế.

19 nét

HÁN VIỆT: TỔNG KẾT

HSK 4

Động từ

#598

租

zū

thuê, cho thuê, tiền thuê

刚步入职场的年轻毕业生们在交通便利的地铁站附近合租了一套温馨明亮的三居室公寓。

Gāng bù rù zhí chǎng de nián qīng bì yǎ shēng men zài jiāo tōng biàn lì de dì tiě zhàn fù jìn hé zū le yí tào wēn xīn míng liàng de sān jū shì gōng yú.

Các bạn trẻ mới tốt nghiệp bước vào đời đã cùng nhau thuê chung một căn hộ 3 phòng ngủ ấm cúng và sáng sủa ở gần ga tàu điện ngầm giao thông thuận tiện.

8 nét

HÁN VIỆT: TÔ

HSK 4

Danh từ

#599

组成

zǔ chéng

tạo thành, cấu thành, hợp thành

这支朝气蓬勃的深空探测青年科研突击队，由来自航天工程、微电子以及人工智能等多个学科的拔尖学者共同组成。

Zhè zhī zhāo qì péng bó de shēn kōng tàn cè qīng nián kē yán tū dǔ duì, yóu lái zì háng tiān gōng chéng, wēi diàn zǐ yǐ jì rén gōng zhì néng děng duō gè xué kē de bá jiān xué zhě gòng tóng zǔ chéng.

Đội xung kích nghiên cứu khoa học trẻ khám phá không gian sâu trăn đầy sức sống này được hợp thành bởi các học giả xuất sắc đến từ nhiều chuyên ngành như kỹ thuật hàng không vũ trụ, vi điện tử và trí tuệ nhân tạo.

18 nét

HÁN VIỆT: TỔ THÀNH

HSK 4

Danh từ

#600

组织

zǔ zhī

tổ chức, cơ quan, cấu trúc

由全国青少年科技创新学会精心筹备组织的第十届全国青少年创客发明大赛在科技馆隆重拉开帷幕。

Yóu quán guó qīng shào nián kē jì chuàng xīn xué huì jīng xīn chóu bèi zǔ zhī de dì shí jiè quán guó qīng shào nián chuàng kè fā míng dà sài zài kē jì guǎn lóng zhòng là kāi wéi mù.

Cuộc thi Sáng chế Sáng tạo Thanh thiếu niên Toàn quốc lần thứ 10 do Hội Sáng tạo Khoa học Thanh thiếu niên Toàn quốc công phu lên kế hoạch tổ chức đã long trọng khai mạc tại Bảo tàng Khoa học Công nghệ.

19 nét

HÁN VIỆT: TỔ CHỨC

HSK 4

Động từ

#601

嘴

zuǐ

miệng

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地嘴。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì zuǐ.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách miệng một cách tốt hơn.

12 nét

HÁN VIỆT: CHUỖ



HSK 4

Danh từ

#602

最好

zuì hǎo

tốt nhất, tốt hơn hết

预防慢性疾病的最好方法就是长年坚持科学均衡的饮食结构、充足规律的睡眠以及乐观开朗的心态。

Yù fáng màn xìng jí bìng de zuì hǎo fāng fǎ jiù shì cháng nián jiān chí kē xué jūn héng de yǐn shí jié gòu, chōng zú guī lǜ de shuì mián yǐ jí lè guān kāi lǎng de xīn tài.

Phương pháp tốt nhất để phòng ngừa các bệnh mạn tính chính là quanh năm duy trì chế độ ăn uống khoa học cân đối, giấc ngủ sâu điều độ cùng một tâm thái lạc quan yêu đời.

27 nét

HÁN VIỆT: TỐI HẢO

HSK 4

Danh từ

#603

最后

zuì hòu

cuối cùng, sau chót

经过全组科研人员历时八个多月的刻苦攻坚与数千次反复测试，最后终于迎来了全链路测试通过的历史性时刻。

Jīng guò quán zǔ kē yán rén yuán lì shí bā gè duō yuè de kù kǔ gōng jiān yǔ shù qiān cì fǎn fù cè shì, zuì hòu zhōng yú yíng lái le quán liàn lù cè shì tōng guò de lì shǐ xìng shí kè.

Sau hơn 8 tháng miệt mài nghiên cứu vượt khó cùng hàng nghìn lần thử nghiệm của toàn thể cán bộ khoa học, cuối cùng chúng tôi cũng đón chào khoảnh khắc lịch sử khi toàn bộ chuỗi hệ thống vượt qua kiểm thử trơn tru.

22 nét

HÁN VIỆT: TỐI HẬU

HSK 4

Danh từ

#604

尊重

zūn zhòng

tôn trọng, kính trọng

在多元文化交流交融的大时代背景下，相互尊重彼此的历史文化传统与风俗习惯是实现和平共处的前提。

Zài duō yuán wén huà jiāo liú jiāo róng de dà shí dài bèi jǐng xià, xiāng hù zūn zhòng bǐ cǐ de lì shǐ wén huà chuán tǒng yǔ fēng sú xí guān shì shí xiàn hé píng gòng chǔ de qián tí.

Trong bối cảnh thời đại lớn giao lưu hòa quyện văn hóa đa dạng, sự tôn trọng lẫn nhau về truyền thống văn hóa lịch sử và phong tục tập quán của mỗi bên là tiền đề tiên quyết để chung sống hòa bình.

17 nét

HÁN VIỆT: TÔN TRỌNG

HSK 4

Danh từ

#605

做生意

zuò shēng yì

làm kinh doanh, buôn bán

做生意讲究“以诚待人、以信立市”，唯有将过硬的产品质量与真诚的售后服务做好才能基业长青。

Zuò shēng yì jiǎng jiū “yǐ chéng dài rén, yǐ xìn lì shì”, wéi yǒu jiāng guò yìng de chǎn pǐn zhì liàng yǔ zhēn chéng de hòu fú wù zuò hǎo cái néng jī yè cháng qīng.

Làm kinh doanh buôn bán cốt ở chỗ 'Lấy chân thành đối đãi với khách, lấy chữ tín đứng vững trên thương trường', chỉ có làm tốt chất lượng sản phẩm và dịch vụ hậu mãi thật tâm mới giúp sự nghiệp phát triển trường tồn.

34 nét

HÁN VIỆT: TỔ SINH Ý

HSK 4

Động từ

#606

座

zuò

tòa, ngọn, cây cầu (lượng từ cho công trình, núi, cầu); chỗ ngồi

在这座依山傍水、风景如画的江南古城中，保留着数十座历经数百年的古石拱桥。

Zài zhè zuò yī shān bàng shuǐ, fēng jǐng rú huà de jiāng nán gǔ chéng zhōng, bǎo liú zhe shù shí zuò lì jīng shù bǎi nián de gǔ shí gǒng qiáo.

Trong tòa thành cổ Giang Nam tựa núi nhìn sông đẹp như tranh vẽ này vẫn còn lưu giữ hàng chục cây cầu vòm đá cổ kính trải qua hàng trăm năm lịch sử.

12 nét

HÁN VIỆT: TOẠ

HSK 4

Danh từ

#607

座位

zuò wèi

chỗ ngồi, ghế ngồi

在乘坐公共汽车与城市地铁出行时，请主动将爱心座位让给老弱病残孕以及怀抱婴儿的乘客。

Zài chéng zuò gōng gòng qì chē yǔ chéng shì dì tiě chū xíng shí, qǐng zhǔ dòng jiāng ài xīn zuò wèi ràng gěi lǎo ruò bìng cán yùn yǐ jí huái bào yīng ér de chéng kè.

Khi đi xe buýt công cộng và tàu điện ngầm trong thành phố, xin vui lòng tự giác nhường ghế ưu tiên cho người cao tuổi, người khuyết tật, bệnh nhân, phụ nữ mang thai và người bế con nhỏ.

21 nét

HÁN VIỆT: TOẠ VỊ

HSK 4

Danh từ

#608

作者

zuò zhě

tác giả, người sáng tác

这位享誉海内外的杰出当代青年作者以其深沉细腻的笔触，在书中生动描绘了平凡奋斗者不平凡的壮丽人生。

Zhè wèi xiǎng yù hǎi nèi wài de jié chū dāng dài qīng nián zuò zhě yǐ qí shēn chén xì nì de bǐ chù, zài shū zhōng shēng dòng miáo huì le píng fán fèn dòu zhě bù píng fán de zhuàng lì rén shēng.

Tác giả trẻ đương đại xuất sắc lừng danh trong và ngoài nước này bằng ngòi bút sâu lắng và tinh tế đã khắc họa sinh động trong cuốn sách về cuộc đời trắng lịch phi thường của những con người phấn đấu bình dị.

24 nét

HÁN VIỆT: TÁC GIẢ

HOÀN THÀNH TẬP 2 (304 TỪ)!

☐ Đã đọc thuộc lòng
100% phiên âm
Pinyin

☐ Đã nhớ trọn vẹn âm
Hán Việt để hiểu gốc
từ

☐ Đã quét mã QR nghe
giọng đọc chuẩn Bắc
Kinh

☐ Đã làm bài tập ôn tập
ngắt quãng SRS



Chúc mừng hoàn thành trọn bộ! 🎉

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 – 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7–9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM](https://foxhsk.com) →

